Phẩm 7 - Vua Trường Thọ (Kinh số 72 - 86)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

PHẨM 7: VUA TRƯỜNG THỌ1 (Gom 15 kinh. thuộc ngày tụng thứ hai, tại thành Tiểu Tho)

Kệ tóm tắt:
Trường Thọ thiên, Bát niệm
Tinh bất dỉ động đạo ủc-già-chỉ-la thuyết
Sa-kê, Tam tộc tánh
Phạm thiên nghỉnh thỉnh Phật
Thăng thiên, Ca-hy-na
Niệm thân, Chi-ly-di
Thượng tôn Trưởng lão miên
Vô thích cập Chân nhân
Thuyết xứ toi tại hậu.2
1 Quyển 17. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:j;•g;,;; l ;.Do đặt lại tựa đề nên Nhiệp tụng không trùng với tên kinh.

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Câu-xá-di?2 ngụ trong vườn Cù-sư-la.3 Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di nhiều lần tranh cãi với nhau, nên Thế Tôn khuyên bảo: -Này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ tranh cãi với nhau. Vì sao như thế? Lấy tranh dứt đấu tranh, Rốt cuộc không thể thành, Nhẫn nhục dừng tranh đấu, Pháp này tôn quý thay! Vì sao như thê? Vì ở thời quá khứ xa xưa có hai vi vua thường gây chiên với nhau, là vua nước Câu-sa-la tên Trường Thọ4 và vua thứ hai ở nước Gia-xá tên là Phạm-ma-đạt-đa.5 Có lần? vua nước Gia-xá là Phạm-ma-đạt-đa tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, Vua Phạm-ma-đạt-đa đích thân dẫn quân gây chiến với Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia- xá vừa tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, Vua Phạm-ma-đạt-đa đang kéo quân đến muốn giao chiến với mình. Thế là, Vua Trường Thọ cũng lập tức tập hợp bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đích thân kéo quân đến tận biên giới, dàn trận giao chiến và đánh tan quân địch. r __ -r Bây giờ, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la không những bát trọn bôn loại quân của Vua Phạm-ma-đạt-đa gôm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ, mà còn bát sông được Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Sau khi băt được roi, Vua Trường Thọ liên phóng thích và bảo Vua Phạm-ma-đạt-đa: "Ong là kẻ bại trận cùng đường, nay ta tha cho, sau này chớ gây chiến nữa.”

1 Nguyên tác: Trường Thọ vương bổn khởi kỉnh r.Ol. 0026.72. 0532c09. Tham chiếu: T.T02. 0125.24.8. 0626b 11; M. 128, Upakkilesā Sutta Kinh tùy phiền não; Mv. 10.238-44; J. 111.371,428. 2 Câu-xá-di JKosambī còn gọi Câu-diệm-di một trong 16 nước lớn thời Phật, thủ phủ là Vamsa j ở phía Bác Kosaia. 3 Nguyên tác: Cù-sư-la viên Ghositārāma, khụ vườn này của trưởng giả Cù-sư-la Ghosita, sau khi quy y Phật đã cúng dường vườn rừng của mình để kiến lập tinh xá, nên có tên như vạy. 4 Trường Thọ .Mv. 10 ghi là Dīghīti. 5 Phạm-ma-đạt-đa Brahmadatta.

[0533a01] Thế nhưng, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá lại ba lần nữa tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, vua đích thân kéo quân đến gây chiến. Vua Trường Thọ nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa lại tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, đang kéo đến gây chiến với mình. Nghe tin như vậy, Vua Trường Thọ liền suy nghĩ: “Ta đã đánh bại chúng thì cần gì đánh nữa? Ta đã hàng phục chúng thì chúng đâu còn sức để hàng phục ta? Ta đã tàn hại chúng thì cần gì tàn hại nữa? Chỉ cần một cây cung không6 nhưng ta vẫn đủ sức đe hàng phục chúng!” Vua suy nghĩ như vậy5 nên an nhiên không tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ nữa, cũng không tự kéo quân nghinh chiến. Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá dẫn quân đánh phá, bắt trọn bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ của Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Bấy giờ, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá đã đánh phá, bắt trọn bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ của mình, liên suy nghĩ: "Chiên tranh thật là kỳ quái! Chiên tranh thật là tàn ác! Vì sao như vậy? Vì kẻ chiến thắng sẽ bị chiến thắng lại, kẻ chinh phục sẽ bi chinh phục lại, kẻ tàn hại sẽ bị tàn hại lại. Vậy nay ta nên một mình dẫn theo phu nhân, cùng ngoi trên một cỗ xe roi chạy đen nước Ba-la- nại.^, Ngay lúc đó, chỉ một mình vua dẫn theo phu nhân, cùng ngoi trên một cỗ xe rồi chạy đến nước Ba-la-nại. Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la lại suy nghĩ: “Nay ta hãy nên đi từ thôn này qua thôn nọ? từ áp này đên áp kia câu học rộng nghe nhi&i." Nghĩ xong, Vua Trường Thọ liền đi từ thôn này qua thôn nọ, từ ấp này đến ấp kia cầu học rộng nghe nhiều. Do vì học rộng hiểu nhiều nên vua đổi tên thành Trường Thọ Bác Sĩ. J Trường Thọ Bác Sĩ lại nghĩ: "Những điêu ta mong học, nay đã được học. Ta nên vào trong thành ấp Ba-la-nại9 đứng ở đường này hẻm kia, với nét mặt tươi vui tấu lên âm thanh vi diệu. Khi các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe xong, sẽ rất hoan hỷ và tự vui thích.” Nghĩ xong, Trường Thọ Bác Sĩ lập tức đi vào trong thành ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm kia, với nét mặt vui tươi tấu lên âm thanh vi diệu, khiến các nhà hào quý Ba-la-nại nghe xong đều rất hoan hỷ và cảm thay vui thh. Lúc ấy, các quyến thuộc của Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, từ quyến thuộc ở ngoài thành, quyến thuộc ở trong thành, quyến thuộc trong cung cho đến Phạm chí Quốc sư lần lượt đều được nghe. Phạm chí Quốc sư nghe rồi liền cho gọi Trường Thọ Bác Sĩ đến gặp mặt. Bấy giờ, Trường Thọ Bác Sĩ đi đến chỗ Phạm chí Quốc sư, đứng đối diện, nét mặt vui tươi tấu lên âm thanh vi diệu. Phạm chí Quốc sư nghe xong vô cùng hoan hỷ và cảm

thây vui thích, liền bảo:

6 Đan dĩ không cung :Chỉ cần một cánh cung không có tên.

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 467

“Từ hôm nay ông có thể ở đây với ta, ta sẽ chu cấp đầy đủ.” Trường Thọ Bác Sĩ thưa: “Thua Tôn giả! Tôi còn có phu nhân nữa, phải làm thế nào?" Phạm chí Quốc sư nói: "Ong có thể đưa đến ở nhà ta, ta sẽ chu cấp đầy diỉ." Thế rồi, Trường Thọ Bác Sĩ đưa vợ mình đến trú tại nhà Phạm chí Quốc sư và được Quốc sư cung cấp đầy đủ mọi thứ. [0533bl0] Một thời gian sau, phu nhân của Trường Thọ Bác Sĩ cảm thấy trong lòng buồn rầu, khởi lên suy nghĩ: UƯỚC gì có bốn loại quân dàn trận với đay đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn nhìn thấy toàn bộ đội quân và cũng muốn uống nước tẩy tịnh gươm dao."7 Nghĩ như vậy rồi, phu nhân liền nói với Trường Thọ Bác Sĩ: “Thiếp trong lòng ưu buồn, suy nghĩ như vầy: 'Ước gì có bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn nhìn thấy toàn bộ đội quân và cũng muôn uông nước tây tịnh gươm đao?78 Trường Thọ Bác Sĩ nói với phu nhân: "Nàng chớ nghĩ vậy! Vì sao như thế? Chúng ta hiện đã bị Vua Phạm-ma- đạt-đa đánh bại? làm sao mà nàng có thể được thấy bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua để nàng nhìn thấy toàn bộ đội quân, được uống nước tẩy tịnh gươm đao dây!" Người vợ lại nói: uTôn quân! Nếu được như vậy thì thiếp mới có hy vọng sống, bằng không chắc chắn sẽ chết!” Khi nghe phu nhân nói như vậy, Trường Thọ Bác sĩ liền đi đến chỗ Phạm chí Quốc su, rồi đứng đối diện, với nét mặt buồn rầu tấu lên khúc nhạc ảo não. Phạm chí Quốc sư nghe xong, lòng không hoan hỷ9 liền hỏi: "Này Bác Sĩ! Lúc trước ông đứng trước ta, với vẻ mặt vui tươi tấu lên âm thanh vi diệu. Ta nghe xong rất hoan hỷ và cảm thấy vui thích. Nay vì sao ông lại đứng trước ta, với vẻ mặt ưu sầu tấu lên âm thanh ảo não? Ta nghe xong, cảm thấy không vui. Này Trường Thọ Bác Sĩ! Thân ông không bệnh tật, tâm ông không sầu não chií?"

7 Nguyên tác: Ma đao thủy (khaggānañca dhovanà): Nước tẩy rửa gươm đao. Ngoài ra, đây còn chỉ một phương thuốc thông dụng ở thơi cổ đại. 8Tham chiếu: Mv. 10.243: Gabbhiriĩmhi, deva. Tassā me evarūpo dohaịo uppanno - icchāmi sūriyassa uggamanakãle caturañginim senam sannaddham vammikam [vammitarn (sī.)] subhūme thitam passitum, khaggānañca dhovanam pātu (Tâu bệ hạ, thiếp đang mang thai. Thiếp đây khởi lên niềm khao khát có hinh thức như vầy: “Thiếp mong muốn vào lúc mạt trời mọc nhìn thay đọi quân gồm bốn loại binh chủng vũ trang, dàn trận, đứng ở trên mặt đát băng phăng và được uông nước rửa đao kiêm,,)j Ty-khưu Indacanda dịch.

468 KINH TRUNG A-HÀM

Trường Thọ Bác Sĩ thưa: "Thua Tôn giả! Thân tôi không bệnh tật, nhưng tâm ý thì có sầu não. Thưa Tôn giả! Phu nhân của toi trong lòng ưu buồn, đã nghĩ thế này: 'Ước gì có bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn nhìn thấy toàn bộ đội quân và cũng muốn uống nước tẩy tịnh gươm đao.5 Tôi liền bảo nàng ấy: 'Nàng chớ nghĩ như vậy, vì sao như the? Vì ta nay như vầy, làm sao

nàng có thể được trông thấy bốn loại quân dàn trận với đay đủ nghi vệ? tuôt gươm sáng loáng, từ từ đi qua đê nàng nhìn thây toàn bộ đội quân và được uống nước tẩy tịnh gươm dao?Nàng ấy lại bảo tôi: 'Tôn quân! Nêu được như vậy thì thiêp mới có hy vọng sông, băng không chăc chác sẽ chét!9 Thưa Tôn giả! Nêu phu nhân của tôi không bảo toàn thân mạng thì tôi sông còn có nghĩa lý gì? [0533c09] Phạm chí Quốc sư hỏi: "Này Bác Sĩ! Ta có thể gặp phu nhân của ông được chang?" Đáp: "Thua Tôn giả, có thể gặp duve!" Roi họ cùng đi đên chô phu nhân. Bây giờ, phur nhân của r Trường Thọ Bác Sĩ đang mang thai đứa con có đức. Phạm chí Quôc sư thây phu nhân của Trường Thọ Bác Sĩ đang mang thai đứa con có đức, nên gối phải quỳ cham đất, chắp tay hướng ve phía phu nhân, ba lần khen rằng: "Sẽ sanh ra vua nước Câu- sa-la! Sẽ sanh ra vua nước Cau-sa-la!" Rồi lệnh cho những người xung quanh "chớ đe cho người ngoài biết.^, Phạm chí Quốc sư lại bảo: "Này Bác Sĩ! Ông chớ ưu sầu, ta sẽ giúp phu nhân của ông được thấy bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua và cũng sẽ được uống nước tẩy tịnh gươm dao." Thế là, Phạm chí Quốc sư đi đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Đen rồi liền tâu rằng: "Thiên vương9 nên biết, có Đức tinh10 xuất hiện, kính mong Thiên vương nhanh chóng chuẩn bị bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ,11 tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy, dùng nước để tẩy tịnh gươm đao12 và đích thân Thiên vương phải thi sát. Tâu Thiên vương! Nếu làm được như vậy thì chắc chắn có phước quả tốt dẹp." Nghe vậy, Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá liền ban lệnh cho tướng quân:

9 Thiên vương ,Devarāja. 10 Đức tinh ,thời cổ đại gói là Cảnh tinh hoặc Tuế tinh .Khi sao này xuất hiện là điềm lành cho quốc gia, vì có hiến nhân xuất hiện. 11 Nguyên tác: Trận liệt lỗ bộ .Lỗ bộ chỉ cho nghi trượng của một bậc Đe vương. 12 Dĩ thủy ma đao ,d2y là nghi lễ tẩy tịnh P. Abhiseka, s. Abhỉsekà cho đao kiếm.

“Khanh nên biết, nay có Đức tinh xuất hiện, vậy khanh hãy nhanh chóng tập hợp bốn loại quân, dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy, dùng nước để tẩy tịnh gươm đao và ta sẽ đích thân đến thị sát. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn có phước quả tốt dẹp." Bấy giờ, tướng quân liền tuân lệnh nhà vua, tập hợp bốn loại quân dàn trận với đay đủ nghi vệ? tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy, dùng nước để tẩy tịnh gươm đao và nhà vua đích thân thị sát. Nhờ như vậy, phu nhân của Trường Thọ Bác Sĩ được nhìn thấy bốn loại quân với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy5 đong thời cũng được uống nước tẩy tinh gươm đao. Sau khi được uống nước tẩy tinh gươm đao, bao nhiêu sầu não liền tan biến, chẳng bao lâu nàng hạ sanh được đứa con có đức, liền đặt tên là Trường Sanh Đồng Tử và đem gởi cho người khác bí mật nuôi dưỡng. Trường Sanh dần trưởng thành. Nếu các Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi thống trị thiên hạ với lãnh tho rộng lớn, có đủ các tài nghệ siêu việt như cưỡi voi, cưỡi ngựa, điều phục, chạy nhanh, ban cung, đánh bang nam tay, ném móc, ném câu, cưỡi xe, ngồi kiệu... thì Trường Sanh Đồng Tử cũng đều biết rõ và thành thạo giông như họ.

Trường Sanh Đông Tử làm việc gì cũng đêu xuất săc, là người mạnh mẽ cương nghi phi thường, thông minh xuất chúng, những điều bí ẩn sâu xa thảy đều thông đạt. [0534a09] Lúc ấy, Vua Phạm-ma-đạt-đa nghe tin Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đã đổi tên thành Bác Sĩ và đang ở tại thành Ba-la-nại, liền ra lệnh cho quân lính: "Các khanh hãy mau đến bắt Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, trói ngược hai tay, cho lừa chở đi, đánh cái trống bể tiếng như lừa kêu, tuyên bố khắp nơi cho mọi người biết, rồi dẫn ra khỏi thành từ cổng phía Nam, bắt ngồi dưới cọc cao mà tra h6i." Quân lính vâng lệnh, liền đến bắt Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, trói ngược hai tay, cho lừa chở đi, đánh cái trông bê tiêng như lừa kêu, tuyên bô khắp nơi cho mọi người biết, rồi dẫn ra khỏi thành từ cổng phía Nam, bắt ngồi dưới cọc cao mà tra hỏi. Lúc ấy, Trường Sanh Đồng Tử liền đi theo sau cha, lúc thì ở bên phải, lúc thì ở bên trái, thưa với cha răng: "Thiên vương chớ sợ, Thiên vương chớ sợ! Con đang ở đây, chắc chắn sẽ cứu được cha! Chắc chắn sẽ cứu được cha!" Vua cha bảo rằng: "Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn! Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ."

Mọi người nghe Vua Trường Thọ nói như vậy, liền hỏi: “Những lời nói ấy là như thế no?" Vua đáp: "Đồng Tử thông minh, chắc chắn sẽ hiểu lời ta." Bấy giờ, Trường Sanh Đồng Tử khuyên những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại: "Này các ngài! Hãy bố thí, tu phước để cầu nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la được an ổn5 được giải thoát." Thế rồi, những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đồng Tử, liền bố thí, tu phước để cầu nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la rằng: "Xin đem phước thí này cầu cho Vua Trường Thọ được an on và được giải thoát." Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe các nhà hào quý trong thành Ba- la-nại bố thí, tu phước để cầu nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la rằng: "Xin đem phước thí này cầu cho Vua Trường Thọ được an ổn và được giải thoát." Nghe xong, vua rất sợ hãi, toàn thân rung động, nghĩ rằng: "Lẽ nào những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này phản lại ta chăng? Thôi tạm gác lại việc ấy, nay ta phải gấp rút giết Vua Trường Thọ tnróc." The roi, nhà vua liền hạ lệnh cho quân lính: "Các khanh hãy mau đi giết Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, phân thi thể ra làm bảy đoạn.,, Quân lính tuân lệnh, liền nhanh chóng đi giết Vua Trường Thọ rồi phân thi thể ra làm bảy đoạn. [0534ỒỒ7] Bấy giờ, Trường Sanh Đồng Tử lại khuyên các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại: "Các ngài thấy đó! Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá thật tàn ác vô đạo,13 đã bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha ta ra thành bảy đoạn! Các vị hãy đến đó? lấy vải mới, thu lượm và bao bọc bảy phần thi thê của cha ta lại, roi dùng các loại hương và gỗ thơm chất thành đống để hỏa táng, sau đó lập miếu thờ. Các vị hãy thay ta viết thư gởi Vua Phạm-ma- đạt-đa báo rằng: 'Trường Sanh Đồng Tử con vua nước Câu-sa-la gởi lời nhắn: 'Nhà vua không sợ sau này sẽ bị con cháu gây họa chăng?9 99 9 Bây giờ, các nhà hào quý thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đông Tử, thu lượm và bao bọc bảy phần thi thể của Vua Trường Thọ trong tấm vải mới, dùng các loại hương và gỗ thơm chất lên thành đống để hỏa táng, sau

13 Vô đạo :Xã hội chính trị hỗn loạn. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là "v6 thj",tức không giữ được đường lối tốt đẹp của côn ngươi. J

đó lập miếu thờ, cũng vì Đồng Tử mà viết thư gởi đến Vua Phạm-ma-đạt-đa nói răng: "Trường Sanh Đồng Tử con vua nước Câu-sa-la gởi lời nhắn: 'Nhà vua không sợ sau này sẽ bi con cháu gây họa chăng?9,9 Khi ấy, phu nhân của Vua Trường Thọ bảo Trường Sanh Đồng Tử: "Con nên biết, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá là kẻ tàn ác vô đạo, đã bắt người vô tội như cha con là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la5 cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha con ra thành bảy đoạn! Đông Tử con, hãy đên đây! Hãy cùng ta lên xe chạy khỏi Ba-la-nại, nếu không đi thì tai họa sẽ đến với con." Thê roi, hai mẹ con cùng lên xe roi chạy khỏi nước Ba-la-nại. Trên đường di, Đồng Tử suy nghĩ: "Ta nên đến thôn này ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều. Nghĩ vậy rồi, Đồng Tử liền đi từ thôn này qua thôn khác, từ ấp này qua ấp khác để cầu học rộng nghe nhiều. Do vì học rộng nghe nhiều, nên đổi tên thành Trường Sanh Bác Sĩ. Trường Sanh Bác Sĩ lại suy nghĩ: "Những điều cần học, ta nay đã học xong. Có lẽ ta nên vào trong thành ấp Ba-la-nại9 đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt tươi vui tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại khi nghe xong sẽ rất hoan hỷ và cảm thấy vui thích.,, Thế rồi, Trường Sanh Bác Sĩ liền vào trong thành ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt tươi vui tấu lên âm thanh vi diệu. Các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được lòng rất hoan hỷ và cảm thấy vui thích. Bây giờ, quyên thuộc của Vua Phạm-ma-đạt-đa ở ngoài thành, ở trong thành và ở trong cung, cho đến Phạm chí Quốc sư và cả Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá lần lượt đều nghe đến, liền cho gọi vào diện kiến. [0534c09] Trường Sanh Bác Sĩ liền đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt-đa, đứng hướng vê phía nhà vua, với vẻ mặt tươi vui tâu lên âm thanh vi diệu. Nhà vua nghe xong, lòng rát hoan hỷ và thoả thích, liên bảo: “Này Bác Sĩ! Từ hôm nay ông có thể nương ta để sống, ta sẽ chu cấp đầy đủ mọi thh." Từ đó9 Trường Sanh Bác Sĩ đến nương vua mà sống và được cung cấp đầy đủ mọi thứ. về sau, nhà vua hết lòng tín nhiệm, giao phó công việc, đem kiếm hộ thân trao cho Trường Sanh Bác Sĩ. Một hôm, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá bảo người đánh xe: "Ngươi hãy sửa soạn ngựa xe, trẫm muốn đi săn bắn!,, Người đánh xe vâng lời5 liền sửa soạn ngựa xe, xong trở lại tâu: "Ngựa xe đã chuẩn bị xong, xin theo ý Thiên vương!" Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá và Trường Sanh Bác Sĩ cùng ngồi chung cỗ xe ra khỏi thành. Lúc ấy, Trường Sanh Bác Sĩ suy nghĩ: “Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá này là kẻ tàn ác vô dạo, bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta,

giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha ta ra thành bảy đoạn. Nay ta nên đánh xe tách khỏi bốn loại quân để đi đến một nơi khác.' Nghĩ như vậy rồi, Trường Sanh Bác Sĩ liền đánh xe tách khỏi bốn loại quân, rồi đi đến một nơi khác. Lúc đó, trải qua quãng đường lầy lội, gió bụi nóng bức nên Vua Phạm-ma- đạt-đa nước Gia-xá cảm thấy mệt mỏi, khát nước và muốn nằm nghỉ. Nhà vua liền xuống xe, gối đầu lên đầu gối của

Trường Sanh Bác Sĩ mà ngủ. Khi ấy, Trường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: "Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá này là kẻ tàn ác vô đạo, bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi the cha ta ra thành bảy đoạn. The mà hôm nay han đã nam trong tay ta, ta phải báo oán.,, Nghĩ xong, Trường Sanh Bác Sĩ liền tuốt gươm bén5 kề vào cổ Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá rồi thầm nói: "Nay ta giết ngươi, nay ta giết ngươi!,9 Song, Trường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: "Ta làm như vậy là không đúng. Vì sao như thế? Nhớ lại ngày trước, khi ở dưới cọc cao, lúc sắp lâm chung, cha đã dặn rang: 'Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn! Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ."' Nhớ lại lời cha rồi? Trường Sanh Bác Sĩ liền tra gươm vào vỏ. [0535a07] Trong lúc đó, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá mộng thây Trường Sanh Đông Tử, con của Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la9 tay câm gươm bén kề vào cổ mình và nói: "Nay ta giết ngươi, nay ta giết nguôi!" Thấy vạy, vua rát sợ hãi? đen noi toan than rung đọng, liên choàng tỉnh dạy roi nói VƠI Trường Sanh Bác Sĩ: “Khanh nên biết, ta vừa nằm mộng thấy Trường Sanh Đồng Tử, con của Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la? tay cầm kiếm bén kề vào cổ ta và nói rằng: 'Nay ta giết ngươi, nay ta giết nguôi!"' Nghe vậy? Trường Sanh Đồng Tử thưa: "Thiên vương đừng sợ? Thiên vương đừng sợ! Vì sao như thế? Trường Sanh Đông Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la lúc đó, nay chính là thần đây. Tâu Thiên vương! Thần đã nghĩ rằng: 'Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá này là kẻ tàn ác vô đạo, bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa- la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha ta ra thành bảy đoạn. Thế mà hôm nay hắn đã nằm trong tay ta, ta phải báo oán.' Tâu Thiên vương! Thần rút gươm kề vào cổ ngài và thầm nói: 'Nay ta giết ngươi, nay ta giết ngươi!9 Nhưng thần nghĩ lại: 'Ta làm như vậy là không đúng. Vì sao như thê? Nhớ lại ngày trước, khi ở dưới cọc cao, lúc sắp lâm chung, cha đã dặn rằng: 'Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn! Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ.” Nhớ lại như vậy rồi, thần liền tra gươm vào v6.” Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá hỏi: "Này Đồng Tử! Khanh nói rằng: 'Đồng Tử hãy nhẫn, Đồng Tử hãy nhẫn!9 nghĩa này ta hieu; nhưng khanh bảo: 'Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ\ nghĩa ấy thế nao?^,

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 473

Trường Sanh Đồng Tử đáp: [Tâu Thiên vương! 'Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từchính là điều mà thần vừa thực hành xong." Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe xong, liền nói: "Này Đồng Tử! Từ nay về sau, trẫm đem hết lãnh thổ đang thống tri trao cho khanh. Đát nước của cha khanh nay giao phó lại cho khanh. Vì sao như thế? Vì khanh đã làm được một việc rất khó làm, đó là vì lòng lân mẫn mà tha mạng sống cho ta." Nghe như vậy, Trường Sanh Đồng Tử liền thưa: “Bất nước của Thiên vương vẫn thuộc về Thiên vương, còn đất nước của cha thần nên trả lại cho thần.,, [0535b02] Sau đó, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá cùng Trường Sanh Đồng Tử lên xe trở về, vào thành Ba-la-nại, ngồi trên chánh điện, bảo với các cận thần: "Này các khanh! Giả sử bát được Trường Sanh Đông Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì sẽ xử lý như thế nào?" Các cận thân nghe xong, có người tâu răng: "Tâu Thiên vương! Nếu gặp được thì thần sẽ chặt tay kẻ ấy." Có người lại tâu: “Nếu gặp được thì thần sẽ

chặt chân kẻ ấy/9 Người khác lại thưa: "Nếu gặp được thì thần sẽ giết kẻ ấy." Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá bảo các cận thần: "Các khanh muốn bắt Trường Sanh Đồng Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì chính là người này. Các khanh chớ khởi ác ý với Đồng Tử này. Vì sao như thế? Vì Đồng Tử đã làm một việc rất khó, đó là vì lòng lân mẫn mà tha mạng sống cho ta.” Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt-đa cho Trường Sanh Đồng Tử tắm bằng nước tắm của nhà vua, cho xoa bằng bột hương của nhà vua, cho mặc y phục của nhà vua và cho ngôi lên ngự sàng băng vàng roi đưa cả hai mẹ con trở vê bôn quôc. Này Tỳ-kheo! Các vị quốc vương ấy, các Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi, không những làm chủ đất nước rộng lớn, thống trị thiên hạ mà còn tự thực hành nhẫn nhục, lại khen ngợi nhẫn nhục; tự thực hành tâm từ, lại khen ngợi tâm từ; tự thực hành ân huệ? lại khen ngợi sự thực hành ân huệ. Này các Tỳ-kheo, các thầy cũng nên thực hành như vậy! Các thầy là những người có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì phải tự thực hành nhẫn nhục và khen ngợi nhẫn nhục; tự thực hành tâm từ và khen ngợi tâm từ; tự thực hành ân huệ và khen ngợi sự thực hành ân huệ.

Khi các Tỳ-kheo nghe đức Phật giảng nói, có vi thưa răng: Thế Tôn là Pháp Chủ. Nay xin Ngài hãy thư thả một chút! Vị kia đã chỉ trích con thì làm sao con không cãi lại vi kia được?14 Lúc ấy, Thế Tôn không vui về những việc làm, oai nghi, giới luật, việc học và việc tu của các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di nên Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói kệ tụng: Dùng biết bao lời nói? Phá hoại chúng Tối tôn, Khi phá hoại Thánh chúng, Không cách gì ngăn dứt. Dù tan thân, mất mạng, Bi cướp trâu, ngựa, voi, Đất nước và tiền tài, vẫn mong cùng hòa giải. Huống gì vài lời trách, Mà không chịu thuận hòa, Không quán nghĩa sâu xa, Làm sao dứt oán két? Bao lời trách mang nhau, Cũng có thể thuận hòa, Nêu quán nghĩa sâu xa, Oán hờn sẽ chấm dứt. Lấy tranh dứt đấu tranh, Rốt cuộc không thể thành, Nhẫn nhục dứt tranh luận, Pháp này thật tối tôn! Sân với bậc thượng trí, Miệng thốt lời độc địa, Phỉ báng Thánh Mâu-ni5 Hạng thấp hèn không trí. Người khác không hiểu nghĩa, Riêng Ta biết mà thôi, Những ai hiểu nghĩa rồi, Lòng giận hờn liền đoạn. Nếu gặp được bạn lành. Cùng người trí tu hành, Bỏ kiến chấp xưa cũ, Niềm vui theo bên mình. Không gặp được bạn lành, Bậc trí tu một mình, Như vua nghiêm trị nước,1415 Như độc tượng16 rừng sâu. Cô độc5 không làm ác, Như độc tượng rừng sâu, Độc hành làm việc tốt, Bạn ác hãy xa mau! Học, không gặp bạn tốt, Không ai sánh ngang mình, Hãy một mình chuyên tinh, Chớ gần gũi bạn xấu. [0535C17] Bây giờ, nói bài kệ này xong, đức Phật liên dùng như ý túc nương hư không mà đi, rồi đến thôn Bà-la-lâu-la.17 Lúc đó, tại thôn Bà-la-lâu-la có

14 Nguyên tác:.Tham chiếu: Mv. 10. 245: Āgametu, bhante, bhagavā dhammassāmī; appossukko, bhante, bhagavā ditthadhammasukhavihāramanuyutto viharatī/. Mayametena bhandanena kalahena viggahena vivādena paññāyissāmā "ti. (Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn là bậc Pháp Chủ hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xm đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lác trong đời hiện tại; chúng con se làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi

cọ, bằng sự lý luận và bằng sự tranh luận nay), Ty-khuu Indacanda dịch. 15 Nguyen tác: Như vương nghiêm trị quốc ().Có một vài sự khác biệt khi so sánh với bản Pali. Chẳng hạn, Mahāvagga, đoạn số 464 và cả Kỉnh Pháp củ, kệ số 329 cho rằng: Rājāva rattham vijitarn pahāya (như vua buông bo quốc gia và lãnh thổ). 16 Tượng độc ():Con voi trưởng thành một mình du hành tự tại. Tham chiếu: Sn. L 3, Khaggavisāna Sutta (Kinh con tê ngưu một sừng)'. Eko care khaggavisānakappo (Hãy sống riêng mọt mình, như tê ngưu một sừng), HT. Thích Minh Châu dịch. - J J . 17 Bà-la-lâu-la thôn (,Bālakalonakāragāma).

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 475

Tôn giả Bà-cửu18 thuộc dòng họ Thích, ngày đêm không ngủ, tinh cần hành dạo, dốc lòng thường hành thiền định, an trú trong đạo phẩm.19 Từ xa trông thấy đức Phật đi đến, Tôn giả Bà-cửu liền ra nghinh đón, đỡ lấy y bát của Ngài, trải sàng tòa và múc nước cho Phật rửa chân. Khi rửa chân xong, Ngài đến ngồi nơi sàng tòa được soạn sẵn. Khi ngồi xuống rồi, đức Phật liền hỏi: Này Tỳ-kheo Bà-cửu! Thầy thường an ổn và không thiếu thốn gì chứ? Tôn giả Bà-cửu thuộc dòng họ Thích, thưa: -Bạch Thế Tôn! Con thường an ổn và không thiếu thốn gì. Đức Phật lại hỏi: -Này Tỳ-kheo! Thế nào là an ổn và không thiếu thốn? Tôn giả thưa: Bạch Thế Tôn! Con ngày đêm khôn^ ngủ, tinh cần hành đạo, dốc lòng thương hành thiền định, an trú trong đạo phẩm, vì thế con thường an ổn? không có thiêu thốn. Đức Phật lại nghĩ: "Người thiện nam này thường sống trong an lạc, nay Ta nên vì người này mà thuyết pháp." Nghĩ xong, Phật liền thuyết pháp cho Tôn giả B-cửu, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến vị ấy hoan hỷ rồi, đức Phật tò chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ Tự.20 Sau khi vào rừng, Ngài đến bên gốc cây trải tọa cụ rồi ngồi kiết-già. [0536a04] Đức Phật lại nghĩ: "Ta đã thoát khỏi nhóm Tỳ-kheo ở Câu-xá-di kia, hàng ngày họ thường hơn thua nhau, chèn ép nhau, thù ghét nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không vui khi nghĩ ve nơi đó, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di cư trú.,^ Lúc đó, có một con voi lớn, là voi đầu đàn, tách rời đàn đi một mình, cũng đến rừng Hộ Tự. Khi vào trong rừng rồi? nó đứng tựa vào cây hiền-ta-la21 và suy nghĩ: "Ta đã thoát khỏi đàn voi kia, nào là voi đực, voi cái, voi con lớn nhỏ. Đàn voi ấy thường đi trước, giẫm lên cỏ và làm nước van đục. Lúc đó? ta phải ăn cỏ bi giẫm đạp, uống nước bi van đục kia. Từ nay ta sẽ được ăn cỏ tươi, được uống nước trong." Lúc ấy, bằng Tha tâm trí, đức Phật biết được ý nghĩ trong tâm voi lớn kia, liên nói kệ: Voi này với voi kia, Vóc, ngà, chân đủ dầy, Tâm này với tâm kia, Rừng sâu riêng an trú. 18 Bà-cừu Bhagu: Vị Tôn giả xuất gia cùng một lần với các ngài Anuruddha và Kimbila. Theo Thag. 4.2, Bhaguttheragāthā Kệ ngôn của Trưởng lão Bhagu, một hôm vừa rời khỏi giường, Ngài bị trượt chân, cố gượng dạy và nhân đo liền chứng quả A-la-hán. 19 Đạo phẩm chí cho 37 phẩm trợ đạo. 20 Nguyên tác: Hộ Tự lâm .Tham chiếu: Mv. 10. 248: Tatra sudam bhagavā pãlĺleyyake viharati rakkhitavanasande bhaddasālamūle Tại nơi đó, ở Pârileyyaka đức Thê Tồn sông trong khu rừng cây được bảo vệ, dưới gốc cây sãla xinh đẹp, Tỳ-khưu Indacanda dịch. 21 Nguyên tác: Hiền Sa-la thọ ,Bhaddasãlamũỉă.

Nói kệ xong, đức Phật từ rừng Hộ Tự khoác y ôm bát đi đến rừng Bàn-na- mạn-xà tự.22 Tại khu rừng ấy, có ba người thiện nam đang cư trú, đó là Tôn giả A-na-luật-đà? Ton giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la.23 Các Tôn giả ấy thỏa ước với nhau như vầy: Nếu ai khất thực trở về trước thì trải giườnệ, múc nước, để sẵn chậu rửa chân, bày sẵn ghế kê chân và khăn lau chân, đô đây lu nước uông và nước rửa tay. Nêu khất thực ve thức ăn có the dùng hết thì dùng hết, nếu còn dư thì cho vào hũ đậy kín đem cất. Ăn xong dọn bát, rửa sạch tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào phòng tĩnh tọa. Nếu vị nào khất thực về sau, thức ăn có thể dùng hết thì nên dùng cho hết, nếu thiếu thì lấy thức ăn khất thực còn lại của người trước dùng cho no đủ; nếu ăn còn dư thì trút xuống đất sạch, hay đổ vào nước chỗ không có trùng, rồi đem bình bát rửa sạch, lau khô và cất một góc, thu dọn giường chiêu, dẹp ghê rửa chân, cát khăn lau chân, cát chậu rửa chân, lu nước uống và vò nước rửa tay, rồi quét dọn nhà ăn. Khi dọn dẹp sạch sẽ xong, thu xếp y bát, rửa sạch tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai đi vào phòng tĩnh tọa. Vào lúc xê chiều, các Tôn giả ấy, vị nào từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy trước, nếu thấy lu nước uống và vò nước rửa tay không có nước thì mang đi lấy nước, nếu đủ sức xách nước về thì xách về để một góc, nếu xách không nổi thì vẫy tay ra hiệu cho Tỳ-kheo khác đen, mỗi người khiêng một bên, không ai nói chuyện với ai, cũng không thăm hỏi nhau. Các Tôn giả ấy cứ năm ngày tập hợp một lần đe cùng đàm luận ve đạo pháp, hoặc yên lặng như Hiền thánh. [0536Ồ07] Bấy giờ5 người giữ rừng trông thấy đức Phật từ xa đi đến, liền ra ngăn lại và nói: -Sa-môn, Sa-môn! Chớ vào rừng này. Vì sao như thế? Vì trong rừng này hiện có ba người thiện nam, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la. Các vi ấy nếu trông thấy Sa-môn đến, có lẽ họ không hài lòng. Đức Phật bảo: -Này người giữ rừng! Các vị kia nếu thấy Ta, chắc chắn họ sẽ không thể nào không hài lòng được. Ngay lúc đó5 Tôn giả A-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, liền quở trách người giữ rừng: -Này người giữ rừng! Chớ ngăn đức Thế Tôn! Chớ ngăn đức Thiện Thệ. Vì sao như thế? Vì Tôn sư của ta đã đến, đấng Thiện Thệ của ta đã đến! Nói xong, Tôn giả A-na-luật-đà ra nghinh đón Phật, đỡ y bát của Ngài, Tôn giả Nan-đề trải sàng tòa, Tôn giả Kim-tỳ-la đi lấy nước cho Ngài. Khi đức Phật rửa tay chân xong, đến ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống xong, Phật hỏi: -Này A-na-luật-đà! Thầy thường an ổn, không thiếu thốn gì chứ?

22 Bàn-na-mạn-xà tự lâm Pācīnavamsadāya. 23 Ba thiện nam đó là A-na-luật-đà Anuruddha, Nan-đề Nandiya và Kim-tỳ-la Kimbila.
~ “

Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thế Tôn! Con thường an ổn và không thiếu thốn gì. Phật lại hỏi: -A-na-luật-đà! Thế nào là an ổn và không thiếu thốn gì? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: 'Con có thiện lợi, có cong đức lớn5 nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng Phạm hạnh như thế." Bạch Thế Tôn! Con thường hướng về các vị đồng Phạm hạnh ấy, sống với thân nghiệp từ hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau; sống với khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ

hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau. Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: "Nay con sẽ từ bỏ tâm riêng tư mà tùy thuận tâm chư Hiền.,, Bạch Thế Tôn! Con liền từ bỏ tâm riêng tư, tùy thuận theo tâm chư Hiền. Bạch The Tôn, chưa từng có một việc gì mà con không vừa ý. Thế nên, con thường an ổn, không thiếu thốn gì. Đức Phật hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la: -Thầy thường an ổn, không thiếu thốn gì chứ? [0536c01] Tôn giả Kim-tỳ-la thưa: - Bạch Thế Tôn! Con thường an ổn và không thiếu thốn gì. -Này Kim-tỳ-la! Thế nào là an ổn và không thiếu thốn gì? Tôn giả Kim-tỳ-la thưa: -Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: "Con có thiện lợi, có công đức lớn, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đông Phạm hạnh như vay." Bạch Thê Tôn! Con thường hướng vê các vị đông Phạm hạnh áy, sồng với thân nghiệp từ hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau; song với khau nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau. Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: "Nay con sẽ từ bỏ tâm riêng tư mà tùy thuận tâm chư Hiền.,, Bạch Thế Tôn! Con liền từ bỏ tâm riêng tư, tùy thuận theo tâm chư Hiền. Bạch Thế Tôn, chưa từng có một việc gì mà con không vừa ý. Thế nên, con thường an ôn, không thiêu thôn gì. Đức Phật khen ngợi: —Lành thay, lành thay! Này A-na-luật-đà! Như vậy các thầy thường sống trong hòa hợp, an lạc, không tranh cãi, cùng một tâm, theo học cùng một thầy, như sữa hòa với nước, có thể chứng pháp thượng nhân và duy trì đời sống an lạc hay chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: —Bạch Thế Tôn! Thường ngày chúng con vẫn sống hòa hợp như vậy, sống an lạc, không tranh cãi, cùng một tâm, theo học cùng một thầy, như sữa hòa với

nước, có thể chứng pháp thượng nhân và duy trì đời sống an lạc. Bạch Thế Tôn! Trong quá trình tu tập, chúng con thấy được ánh sáng và thấy sắc,24 nhưng trong giây lát, sắc và ánh sáng được thấy kia liền biến mất. Đức Phật bảo: —Này A-na-luật-đà! Các thầy chưa thấu đạt tướng ấy, gọi là tướng thấy được ánh sáng và thấy sắc. Thế nên, các thầy chỉ thấy sắc và ánh sáng trong giây lát, sau đó chúng liền biến mất. Này A-na-luật-đà! Thuở xưa, khi Ta chưa giác ngộ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta cũng thấy được ánh sáng và thấy sắc. sắc và ánh sáng được thấy kia cũng biến mất trong giây lát. A-na-luật-đà? lúc đó Ta nghĩ: "Trong tâm Ta có mối họa nào khiến cho Ta mất đinh và mất cái thấy?24 25 Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.^, Này A-na-luật-đà! Ta tinh tấn tu hành, không biếng nhác, thân an trú, có chánh niệm tỉnh giác, không mê mờ, được định nhất tâm. A-na- luật-đà9 khi đó Ta nghĩ rằng: “Ta tinh tấn tu hành, không biếng nhác, thân an tru, có chánh niệm tỉnh giác, không mê mờ? được định nhất tâm, lẽ nào trong đời không có gì để Ta thấy, để Ta biết nữa chăng?^, Và Ta biết rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa nghi ngờ.26 Do sanh mối họa nghi ngờ này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sác và ánh sáng cũng mau chóng biên mât.,, Này A-na-luật-đà! Nay Ta nghĩ răng: "Trong tâm Ta không nên sanh môi họa nghi ngờ d6.” Này A-na-luật-đà! Vì muốn không khởi mối họa nghi ngờ đó9 nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tân tu hành. Nhờ sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu

hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0537a06] A-na-luật-đà! Ta lại suy nghĩ: 'Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: "Trong tâm sanh mối họa mất chánh niệm.27 Do mối họa mất chánh niệm này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được

24 Nguyên tác: Đắc quang minh tiện kiến sắc ().M. 128 và A. 8.64 ghi: Obhāsañceva sañjānāma dassanañca rūpānam (nhận thấy được hào quang, nhận thây các sắc pháp). Chủ giải Kinh Trụng bộ (MA. IV. 241) giải thích: Obhāsañceva sañjānāmāti parikammobhāsam saīyānāma (Nhận thây được hào quang tức là nhận thấy được sự khởi đầu của hào quang); Dassanañca rūpānanti dibbacakkhunā rūpadassanañca sañjūināma (Nhận thấy các sắc pháp tức la nhận thấy được các sắc pháp do thiên nhãn). 25 Nguyện tác: Nhãn ()Điều được nhận thức, cái thấy ương thiền quán. M. 128 ghi là Obhãsa, cùng thê với avabhâsa (sự hiện khởi). Tham chiếu: D. 15, Mahãnidãna Sutta (Kinh đại duyên): Gambhīrāvabhāso (cái thấy thâm sâu). 26 Nguyên tác: Nghi hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Vìcikiccham cittassa upakkilesā (Lòng nghi ngờ là tuy phiền não tạp nhiễm). J 27 Nguyên tác: Vô niệm họa ().Tham chiếu: M. 128: Amanasikāram cittassa upakkilesam (Khoiig có sự tác ý là tùy phiền não tạp nhiễm).

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 479

ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Nay Ta phải suy nghĩ như vầy: “Trong tâm Ta không nên sanh mối họa nghi ngờ và cũng không nên sanh mối họa mất chánh niệm.,^ Này A-na-luật-đà! Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,, Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta sanh mối họa tưởng thân bệnh.28 Do mối họa tưởng thân bệnh này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.^, Này A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: “Trong tâm Ta không nên sanh các mối họa nghi ngờ, mát chánh niệm, cũng như môi họa tưởng thân bênh." A-na-luật-đà! Vì Ta muôn không khởi những môi r họa này nên Ta sông r một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tân tu hành. Nhờ sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhimg ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: “Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mát định và mát cái thây? Ta vôn thây được ánh sáng và thây săc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật- đa! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa hôn

trầm.29 Do mối họa hon trầm này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, cũng như mối họa hôn trầm?5 Vì Ta muốn không có những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0537bl0] Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,, A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa tinh tấn

28 Nguyên tác: Thận bệnh tưởng hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Dutthullarn cittassa upakkilesā (Tâm bồn chồn, uể oải là tùy phiền não tạp nhiễm). MA. IV. 241 giải thích: Kāyadaratho kāyadutthullam kāyālasiyam udapādi (Thân thể sanh ra đau khổ, nặng nhọc, ue oải). 29 Nguyên tác: Thụy miên hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Thinamiddham cittassa upakkilesā (Hôn trầm thụy miên là tùy phiền não tạp nhiễm).

quá độ.30 Do mối họa tinh tấn quá độ này nên mất định ya mất cái thấy ấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thây săc5 khi cái thây diệt roi thì việc thây sac và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.” A-na-luật-đà! Giống như lực sĩ bắt con ruồi quá nhanh nên con ruồi bi chết. Cũng vậy, A-na-luật-đà? trong tâm Ta sanh mối họa tinh tấn quá độ5 do mối họa tinh tấn quá độ này nên mất định và mất cái thấy ấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thây sắc và ánh sáng cũng mau chóng biên mát. A-na-luật-đà! Nay Ta cân suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các mối họa do nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, cũng như mối họa tinh tấn quá âộy A-na-luật-đà! Vì Ta muôn không khởi những môi họa này nên Ta sông một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta thấy được ánh sáng và thấy săc? nhung ánh sáng và săc được thây ây không bao lâu lại biên mát. A-na-luật-đà! Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất đinh và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau ch6ng biến mất." A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rang: "Trong tâm Ta sinh mối họa lười biếng thái quá.31 Do mối họa lười biếng thái quá này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thay sắc, khi cái thấy diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.” A-na-luật-đà! Giống như lực sĩ bắt con ruồi quá chậm nên con ruồi bay mất. A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh mối họa lười biếng thái quá, do mối họa lười biếng thái quá nên mất đinh và mất cái thay. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất. A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: “Trong tâm Ta không nên khởi các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, cũng như mối họa lười biếng thái qua." Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta

song một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thay được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sác được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0537C12] A-na-luật-đà! Ta lại nghi rằng: 'Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tam Ta sanh mối họa sợ hãi.32 Do mối họa sợ hãi này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến

30 Nguyên tác: Quá tinh cần hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Accāraddhavīriyam cittassa upakkilesā (Lòng tinh can quá độ là tuy phiền nao tạp nhiễm). 31 Nguyên tác: Thái giải đãi hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Atilīnavīriyam cittassa upakkilesā (Tâm sa đà vào dính măc là tùy phiền não tạp nhiễm). 32 Nguyên tác: Khủng bố hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Chambhitattam cittassa upakkilesā (Sự run ray lo sợ là tùy phiền não tạp nhiễm).

mát." A-na-luật-đà! Giông như một người đang đi trên đường thì gặp giặc cướp từ bôn phía kéo đên, người kia thấy vậy sợ hãi kinh khiếp, toàn thân rung động. Cũng vậy, này A-na-luật-đà? trong tâm Ta sanh mối họa sợ hãi, do mối họa sợ hãi này nên mát định và mát cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thây diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất. A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên khởi các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ? lười biêng thái quá, cũng như mối họa sợ Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ song một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sác được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. A-na-luật-đà! Ta lại nghi rằng: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thay? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũn^ mau chóng biến mất.” A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rang: "Trong tâm Ta sanh moi họa vui mừng phấn chan.33 Do mối họa vui mừng J)hân chấn này nên mất định và mất cái thây. Ta vốn thấy được ánh sáng và thây săc? khi cái thây diệt roi thì việc thây săc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." Giống như người đi tìm một kho báu, bỗng nhiên được cả bốn kho báu. Thay được kho báu, người ấy sanh lòng vui mừng quá đỗi. Cưng vậy5 này A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh moi họa vui mừng phan chan. Do moi họa vui mừng phấn chấn này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thay sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thay sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất. A-na-luật-đà^ Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nen khởi các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, cũng như mối họa vui mừng phấn chấn.^, Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu

hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thay ấy không bao lâu lại biến mất. [0538al7] Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tam Ta sanh mối họa tam tự cao.34 Do mối họa tâm tự cao này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,^ Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các môi họa do nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trâm, tinh tân quá độ,

33 Nguyên tácz Hỷ duyệt hoạn (K Tham chiếu: M. 128: Uppilam cittassa upakkilesā (Sự vui mừng phấn chấn là tùy phiền não tạp nhiễm). 34 Nguyên tác: Tự cao tâm hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Abhijapparn cittassa upakkilesā (Lòng khát vọng, lòng tham cầu là tùy phiền não tạp nhiễm).

lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phấn chấn, cũng như mối họa tâm tự cao." Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta thấy được ánh sáng và thây sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0538b01] Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,, A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa nhiều loại tưởng.35 Do mối họa nhiều loại tưởng này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các môi họa do nghi ngờ, mát chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trâm, tinh tân quá độ, lười biêng thái quá, sợ hi, vui mừng phân chân, tâm tự cao, cũng như môi họa nhiêu loại tưởng.^, Vì Ta muôn không khởi những môi họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. Này A-na-luật-đà5 Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta còn có moi họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc? khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na- luật-đà! Ta lại nghĩ rang: "Trong tâm Ta sanh moi họa không quán sắc.36 Do moi họa không quán sắc này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biên mat.95 Nay Ta cân suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các môi họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phan chấn, tâm tự cao, nhiều loại tưởng, cũng như mối họa không quán sắc." Vì Ta muốn không có những mối họa này nên Ta sống

một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc. Này A-na-luật-đà! Nếu tâm Ta sanh mối họa nghi ngờ thì bây giờ tâm đó được thanh tịnh. Nếu tâm Ta có các mối họa mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn tram, tinh tan quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phấn chấn, tâm tự cao, nhiều loại tưởng và không quán sắc thì bây giờ những tâm đó được thanh tinh.

35 Nguyên tác: Nhược can tưởng hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Nānattasaññā cittassa upakkilesā (Tưởng sai biệt là tùy phiền não tạp nhiễm). 36 Nguyên tác: Bất quán sắc hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Atinijjhāyitattam rūpānam cittassa upakkilesā (Quá chú tâm trên các sắc pháp là tùy phiền não tạp nhiễm).

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 483

[0538c02] A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: "Ta phải tu học ba định, nghĩa là tu học ve định có giác có quán, tu học ve định không giác có quán và tu học về định không giác không quán."37 A-na-luật-đà! Ta liền tu học ba định, là tu học về định có giác có quán,38 tu học về đinh không giác có quán37 39 và tu học về định 38 không giác không quán.40 Nếu Ta tu học về định có giác có quán thì tâm liền thuận hướng đến đinh không giác có quán, như vậy Ta chắc chắn không mất tri kiến này. A-na-luật-đà, Ta đã nhận biết như vậy rồi nên suốt ngày suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm, Ta tu học về đinh có giác có quán. Này A-na-luật-đà! Lúc đó, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền đinh này. Nếu Ta tu học về định có giác có quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác không quán, như vậy Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Ta đã nhận biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm, Ta tu học \ r vê định có giác có quán. A-na-luật-đà, bây giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Này A-na-luật-đà! Nếu Ta tu học về định không giác có quán thì tâm liền thuận hướng đên định có giác có quán, như vậy Ta chác chăn không mát tri kiên này. Ta đã nhận biết như rồi nên suốt ngày suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm, Ta tu học về định không giác có quán. Lúc đó? Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Nếu Ta tu học về định không giác có quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác không quán, như vậy Ta chác chăn không mát tri kiên này. Này A-na-luật-đà! Vì Ta đã nhận biết như vậy nên suốt ngày, suốt đem, rồi suốt cả ngày đêm tu học về định không giác có quán. A-na-luật-đà? bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Này A-na-luật-đà! Nếu Ta tu học về đinh không giác không quán thì tâm liền thuận hướng đen định có giác có quán, như vậy Ta chắc chan không mất tri kiến này. Ta đã biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm

37 Nguyên tác: Tu học hữu giác hữu quán định, tu học vô giác thiểu quán định, tu học vô giác vô qu ở đây, thiểu nghm là có một ít, không nhiêu, đông nghĩa là có. Tham chiêu: M. 128: So kho aharh, anuruddha savitakkampi savicārarh samādhirh bhāvesim, avitakkampỉ vicāramattaĩh samādhirh bhāvesirh, avitakkampi avicārarh samādhim bhāvesirh Ròi này Anuruddha, Ta tu tập định có tâm, có tứ; Ta tu tập định không có tầm, chỉ có tứ; Ta tu tập định không tâm, không tứ, HT. Thích Minh Châu dịch. 38 Tụ học hữu giác hữu quán định

:Thực hành thiền định tương ứng với giai đoạn Thiền thứ nhất. Tham chiếu:
Chuyên Luân Thảnh Vương tu hành kinh 7.01.0001.6. 0042b0406: Tỳ-kheo
lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. 39 Tu học vồ giác thiểu quán định :Thực hành thiền định tương ứng với giai đoạn giữa Thiền thứ nhất và
Thiền thứ hai. 40 Tu học vô giác vô quán định :Thực hành thiền định tương
ứng với giai đoạn Thiền thứ hai. Tham chiếu: Chuyên Luân Thảnh Vương tu hành kinh T.01. 0001.6. 0042b06-07: Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng
thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt va an trú Thiền thứ hai, không giác không quán.

tu học về định không giác không quán. A-na-luật-đà! Bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Nếu Ta tu học về định không giác không quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác có quán, như vậy Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Ta nhận biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm tu học vê định không giác không quán. Này A-na-luật-đà! Bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền đinh này. [0539a02] Này A-na-luật-đà! Có lúc Ta thấy được ánh sáng mà không thấy sắc. Ta nghĩ rằng: "Do nhân gì, duyên gì Ta thấy được ánh sáng mà không thấy s*c?" Ta lại nghĩ: “Nếu Ta niệm tướng ánh sáng mà không niệm tướng sắc thì lúc đó Ta thấy được ánh sáng mà không thấy sắc.95 Ta biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm nhận biết ánh sáng mà không thấy sắc. Này A-na-luật-đà! Bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. A-na-luật-đà! Có lúc Ta thấy sắc mà không thấy được ánh sáng. Ta lại nghĩ: "Do nhân gì5 duyên gì Ta thấy sắc mà không thấy được ánh sáng?" Thế rồi, Ta lại nghĩ rằng: "Nếu Ta niệm tướng sắc mà không niệm tướng ánh sáng thì lúc đó Ta thây sac mà không thây được ánh sáng." Ta biêt như vậy roi nên suôt ngày, suôt đêm, roi suôt cả ngày đêm Ta thây sác mà không thây được ánh sáng ây. A-na-luật-đà, bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. A-na-luật-đà! Lại có lúc Ta thấy được một ít ánh sáng, cũng thấy một ít sắc. Ta liền suy nghĩ: "Do nhân gì, duyên gì Ta thấy được một ít ánh sáng, cũng thấy một ít sắc?" Ta lại nghĩ: "Nếu la nhập định hạn chế, do vì nhập định hạn chế nên nhãn căn thanh tịnh hạn chế. Vì nhãn căn thanh tịnh hạn che nên Ta thấy được ánh sáng hạn chế, cũng thấy sắc hạn ghế." Này A-na-luật-đà! Ta đã biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm nhận biết ánh sáng hạn chê và thây sác hạn chê. A-na-luật-đà, bây giờ, Ta thực hành an tru trong trạng thái thiền định này. A-na-luật-đà! Lại có lúc Ta thấy được ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp. Ta lại nghĩ: “Do nhân gì, duyên gì Ta thay được ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp?" Ta lại nghĩ: "Nếu Ta nhập định rộng khắp, do vì nhập đinh rộng khắp nên nhãn căn thanh tịnh rộng khắp; nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng khắp nên Ta thấy được ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp." Này A-na-luật-đà! Ta biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm nhận biết ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp ấy. Này A-na-luật-đà, bấy giờ, Ta thực hành an tru trong trạng thái thiền định này. Này A-na-luật-đà! Nếu trong tâm Ta sanh mối họa nghi ngờ thì bấy

giờ, tâm ấy được thanh tịnh. Nếu tâm ta có các mối họa mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phấn chân, tâm tự cao, nhiêu loại tưởng, không quán sắc thì bây giờ những tâm đó

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 485

được thanh tịnh.41 Tu học và tu học thuần thục về định có giác có quán; tu học và tu học thuần thục về định không giác có quán; tu học và tu học thuần thục về định không giác không quán; tu học và tu học thuần thục về định thuần nhất; tu học và tu học thuần thục về đinh hỗn hợp;42 tu học và tu học thuần thục về định hạn chế; tu học và tu học thuần thục về định rộng khắp; khi ấy Ta phát sanh thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tịnh, hướng đến an trú vào định, siêng năng tu tập đạo phẩm, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này A-na-luật-đà, bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền đinh ấy. [0539ỒỒ08] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà5 Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.43

41 Bài kinh này liệt kê 11 loại tùy phiền não, gồm: (i) Nghi ngờ, (ii) Thất niêm (vô niệm), (iii) Lòng bồn chồn (thân bệnh tưởng), (iv) Thụy miên, (v) Tinh tấn quá đọ, (vi) Lười biếng thái quá, (vii) Sợ hãi, (viii) Vui mừng phấn chấn,(IX)Khát vọng hy cầu (tâm tự cao), (x) Tưởng sai biệt, (xi) Quá chú tâm trên săc pháp. 42 Nguyên tác: Tạp định ():Từ lúc nhập cho đến lúc xuất, lần lượt đi từ định này sang định khác. Khá^ với Nhất himng định, định thuần túy, từ lúc nhập cho đến lúc xuất chỉ một loại định. 43 Bản Hán, hết quyển 17.

73. KINH CHƯ THIÊN12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Chi-dề,2 ngụ trong rừng Thủy Chử.3 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thuở xưa, khi chưa chứng đắc đạo giác ngộ Vô thượng Chánh chân, Ta đã nghĩ như vầy: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tjnh." Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc. Nhimg Ta chưa thể với chư thiên kia cung tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp. Ta lại suy nghĩ: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, cho đến có thể với chư thiên kia cung tụ hội, cung thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tjnh." Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc và với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cung đàm luận, cùng đối đáp. Nhưng Ta không biết chư thiên kia họ gì, tên gì và sanh như thế nào. [0539c08] Ta lại nghĩ: "Làm úiế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, cho đến có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cung thăm hỏi, cùng đàm luận, cung đối đáp, cũng biết chư thiên kia họ gtên gì, sanh như the nào? Được như vậy thì sự thay biết của Ta sẽ cực kỳ trong

sáng và thanh tịnh/9 Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tinh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tân nên Ta liên thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cung

1 Quyển 18. Nguyên tác: Thiên kỉnh (OI. 0026.73. 0539Ồ19). Tham chiếu: A. 8.64 - IV. 302. 2 Nguyên tác: Chi-đề-sấu (Cetisu) Nước Chi-đề (Ceti) là một trong ló quốc gia ở thời Phật. 3 Nguyên tác: Thủy Chử lâm ().Tham chiếu: A. 8.64 - IV. 302: Gayāyam viharati gayāsīse (trú tại thôn Gayā, trong núi Gayāsīsa). Núi Gayāsīsa còn được dịch là Tượng Đâu sơn ().

thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp và cũng biết được chư thiên có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy. Nhưng Ta không biết chư thiên kia ăn uống the nào, cảm nhận kho lạc ra sao. Ta lại nghi: "Làm thê nào đê ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ây mà thấy hình săc? có thê với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì, sanh như thế nào và biết chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịĩlh?,, Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tinh, Ta liên sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp, biết được chư thiên có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy và cũng biết được chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy. Nhưng Ta không biết chư thiên kia trường thọ thế nào, tồn tại lâu dài thế nào và thọ mạng chấm dứt ra sao. [0540a0l] Ta lại suy nghĩ: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, có thể với chư thiên cùng tụ hội5 cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đoi đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì, sanh như the nào; biết chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao và cũng biết chư thiên kia trường thọ thế nào, tồn tại lâu dài thế nào và thọ mạng chấm dứt ra sao? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịnh.99 Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buôriẸ lung, tu hành tinh tấn nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thê với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đoi đáp, biết được chư thiên kia có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, cũng biết được chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy và cũng biết được chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy. Nhưng Ta không biết được chư thiên kia đã tạo nghiệp thế nào, chết đây sanh kia ra sao. Ta lại nghĩ răng: "Làm thê nào đê ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, co thể với chư thiên cùng tụ hội, cùng thăm hỏi? cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì? sanh như thế nào; biêt chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao; biết chư thiên kia trường thọ bao lâu, tồn tại lâu dài thế nào, thọ mạng chấm dứt ra sao và cũng

biết chư thiên kia đã tạo nghiệp thế nào, chết đây sanh kia ra sao? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịnh?95 Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tân. Nhờ sôĩiệ một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, Ta liền thay được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp, biết chư thiên kia

73. KINH CHƯ THIÊN 489

CÓ họ như vậy? tên như vậy, sanh như vậy, cũng biết chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy, cũng biết chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy? thọ mạng chấm dứt như vậy và cũng biết chư thiên kia đã tạo nghiệp như vậy, chết đây sanh kia như vậy. Nhung Ta không biết chư thiên ấy ở trong những cõi trời nào. [0540b01] Ta lại nghĩ rằng: .Ta làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, có thể với chư thiên cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì5 sanh như thế nào; biết chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao; biết chư thiên kia trường thọ bao lâu, tồn tại lâu dài thế nào và thọ mạng chấm dứt ra sao; biết chư thiên kia đã tạo nghiệp thế nào, chết đây sanh kia ra sao và cũng biết chư thiên kia ở những cõi trời nào? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tjnh." Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tinh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; cũng biết chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy; cũng biết chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy; lại cũng biết chư thiên kia đã tạo nghiệp như vậy, chét đây sanh kia như vậy và cũng biết chư thiên kia ở trong những cõi trời như vậy. Nhimg Ta không biết cõi trời ấy Ta từng sanh vào đó hay chưa từng sanh vào đó. Ta lại nghĩ: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thay hình sắc, có the với chư thiên cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì? sanh như thế nào; biết chư thiên kia ăn uống the nào, cảm nhận kho lạc ra sao; biết chư thiên kia trường thọ bao lâu, tôn tại lâu dài thê nào và thọ mạng châm dứt ra sao; biêt chư thiên kia đã tạo nghiệp thê nào, chét đây sanh kia ra sao; biêt chư thiên kia ở những cõi trời nào và cũng biết cõi trời ấy Ta đã từng hay chưa từng sanh vào đó? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịnh.,, Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thê với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đôi đáp; biết chư thiên kia có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; cũng biết chư thiên kia ăn uông như vậy, cảm nhận khô lạc như vậy; cũng biêt chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy; lại cũng biết chư thiên kia đã tạo nghiệp như vậy, chết đây sanh kia như vậy; cũng biết chư thiên kia ở trong những cõi

trời như vậy và cũng biết cõi trời ấy Ta từng sanh vào đó hay chưa từng sanh vào đó.

Nếu Ta không biết một cách chân chánh về tám phương diện này4 thì không thê xác đinh sự chứng đác và cũng không biêt Ta đã đác đạo giác ngộ Vô thượng Chánh chân; Ta cũng không the vượt lên các cảnh giới của chư thiên, loài người, Ma, Phạm, Sa-môn9 Phạm chí; Ta cũng không được giải thoát với những sự giải thoát sai biệt; Ta cũng chưa lìa điên đảo, chưa biết đúng như thật: "Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh níía." Nếu Ta biết một cách chân chánh về tám phương diện này thì có thể xác định sự chứng đắc và cũng biết Ta đã đắc đạo giác ngộ Vô thượng Chánh chân; Ta vượt han lên trên các cảnh giới của chư thiên, loài người, Ma, Phạm, Sa- môn, Phạm chí; Ta cũng chứng đắc giải thoát với những sự giải thoát sai biệt; tâm Ta đã xa lìa điên đảo và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đức Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

4 Nguyên tác: Bát hành (‚aưhạparỉvattạĩỴÌ)'. Hiểu rõ về cảnh giới chư thiên với 8 phương diện, bao gôm: (i) Thấy được ánh sáng và thấy hinh, sắc; (ii) Cùng gặp gỡ, đàm luận; ‚(iii) Biết tên họ và nới sanh; (iv) Biết việc ăn uống và khổ lạc; (v) Biết thờl gian va Sio mạng; (vi) Biết nghiệp quả để sanh thiên; (vil) Biết chúng chư thiên; (viii) Biêt cõi trời đã từng sanh vào.

74. KINH TÁM ĐIỀU SUY NIÊM1 .

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bà-kỳ,2 ngụ tại vườn Nai, trong rừng Sợ Hãi, thuộc núi Cá sấu.3456 Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà sống giữa dân chúng Chi-đề/ trong rừng Thủy Chử. Có lần, Tôn giả A-na-luật-đà ở nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Bạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục; đạo chứng đắc từ biết đủ? chứ không phải từ không biết đủ; đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, song với hội họp, tương hợp với hội họp; đạo chứng đắc từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác; đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm; đạo chứng đắc từ đinh tâm, chứ không phải từ loạn tâm; đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si.” Lúc ấy, bằng Tha tâm trí,5 đức Phật biết rõ những suy nghĩ, những tư duy, những chí nguyện trong tâm của Tôn giả A-na-luật-đà. Khi đã biết rồi, đức Phật liền nhập Như kỳ tượng định/ bằng sức đinh đó? trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật bỗng ẩn mất khỏi rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai thuộc nước Bà-kỳ và xuất hiện tại rừng Thủy Chử ở nước Chi-dề, đứng trước mặt Tôn giả A-na-luật-đà. Bấy giờ, đức Phật liền xuất định, khen ngợi Tôn giả A-na-luật-đà: Lành thay, lành thay, A-na-luật-đà! Thầy ở nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Đạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục; đạo chứng đắc từ biết đủ, chứ không phải từ không biết đủ; đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương

1 Nguyên tác: Bát niệm kỉnh roi. 0026.74. 054ƠCÍ8. Tham chiếu: A-na-luật Bát niệm kinh roi. 0046. 0835C12; Tăng.7.02. 0125.4*6. 0754al2; 4 8.30 - IV. 228. 2 Nguyên tác: Bà-kỳ-sấu Bhaggesu. Bhagga Bà-kỳ là một tiểu quốc, có thủ phủ là Sumsumāragiri. 3 Nguyên tác: Đà Sơn Bố lâm Lộc Dã viên SuiḶisumragira Bhesakalāvana Migadāya. 4 Nguyen tác: Chi-đề-sấu Cetīsu. Xem chú thích 2, kinh số 73, tr. 487. 5 Tha tâm trí ,một trong 10 trí của Phật, là trí biết tâm niệm của người khác. 6 Nhập như kỳ tượng định .SĀ. 535: Như kỳ tượng tam-muội chánh thọ .Đây không phải*tên riêng của mọt loại định mà là chỉ chcThanh động của thân, tam đang diễn ra. Thân ngay thẫig, bất động tâm chuyên chú vào một chỗ .Tham chiêu: M. 50: Paccattam yoniso manasãkãsỉ tự mình quán sát nguyên do.

hợp với hội họp; đạo chứng đắc từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác; đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm; đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm; đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si." [0541al0] Này A-na-luật-đà! Thầy hãy nghe Như Lai dạy mà lãnh thọ thêm điều suy niệm thứ tám của bậc Đại nhân.7 Sau khi lãnh thọ, thầy hãy tư duy thế này: "Bạo chứng đắc từ không hy luận, ưa không hy luận, thực hành không hy luận, chứ khônẹ phải từ hy luận, ưa hy luận và thực hành hy luân.” Này A-na- luật-đà! Nếu thây thành tựu tám điêu suy niệm của bậc Đại nhân8 thì chác chăn có thể lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Này A-na-luật-đà! Nấu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân và còn chứng đắc bốn tâm tăng thượng này9 nữa thì được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có cái rương đẹp, đựng đầy các loại y phục đẹp, buổi sáng muốn mặc gì liền lấy mặc? buổi trưa hay buổi chiều muốn mặc gì liền lấy mặc, tùy ý tự tại. Này A-na-luật-đà9 thầy cũng như thế, y phấn tảo là y phục bậc nhất, tâm thầy không tham dục, song và an trú với hạnh này. Này A-na-luật-đà! Nếu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có đầu bếp giỏi hay nấu nhiều món ăn thơm ngon, tinh sạch, thượng diệu. Này A-na-luật-đà9 thầy cũng như the, thức ăn khất thực là thức ăn bậc nhất, tâm thay không tham dục, sống và an trú với hạnh này. Này A-na-luật-đà! Nấu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có nhà cửa đẹp hoặc có lầu gác cung điện, thầy cũng như thế, nương bên gốc cây mà sống, đây là ngôi nhà bậc nhất, tâm thầy không tham dục, sống và an trú với hạnh này. Này A-na-luật-đà! Nêu thây thành tựu tám điêu suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có giường tốt đẹp mà nệm lót được dệt băng lông thú, có chăn đăp băng gâm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Này A-na-luật-đà, thầy cũng như thế, nệm ngồi bằng cỏ hay nệm ngồi bằng lá cây là chỗ ngồi bậc nhất, tâm thầy không tham dục, sống và an trú với hạnh này. [0541005] Này A-na-luật-đà! Nếu thầy

thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong

7 Nguyên tác: Đại nhân chi niệm Mahāpurisavitakkā. 8 Nguyên tác: Đại nhân bát niệm ,Atthā mahãpurỉsavittakkà . 9 Bốn tâm tăng thượng ở đây chỉ cho 4 tâm chứng đắc và an trú vào 4 tầng thiền, từ Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư.

hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Như vậy, thầy du hóa phương Đông, chác chăn được an lạc, không có khổ đau. Nếu du hóa phương Nam, phương Tây hay phương Bắc, chắc chắn cũng được an lạc, không có khổ đau. Này A-na-luật-đà! Nếu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân và chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Đối với các pháp thiện mà thầy đã an trú Ta còn chưa kê đên, huông gì nói đên việc suy hao? Các pháp thiện cứ ngày đêm tăng trưởng chứ không hề suy giảm. Này A-na-luật-đà! Nếu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân và chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Chắc chắc thầy sẽ chứng đắc một trong hai quả vị: Hoặc đắc Trí cứu cánh10 ngay trong đời này, hoặc nếu còn hữu dư11 thì đắc A-na-hàm. Này A-na-luật-đà! Thây hãy thành tựu tám điêu suy niệm của bậc Đại nhân và cũng nên chứng đăc bôn tâm tăng thượng này nữa, đê được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó, sau đó an cư mùa mưa trong rừng Thủy Chử thuộc nước Chi-đề. Bấy giờ, đức Phật thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ.12 Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến vị ấy hoan hỷ rồi, đức Phật nhập Như kỳ tượng đinh, bang sức định đó, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật bỗng ẩn mất khỏi rừng Thủy Chử thuộc nước Chi-đề và xuất hiện trong rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai ở nước Bà-kỳ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu đức Phật. Khi Thế Tôn xuất định rồi, Ngài liền quay lại bảo: Này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo nào đang ở rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai này thì hãy bảo tất cả nhóm họp tại giảng đường. Khi tất cả đã nhóm họp đầy đủ rồi, thầy trở lại báo cho Ta biết. Tôn giả A-nan vâng lời Phật, đảnh lễ sát chân Ngài và liền đi thông báo: "Các vị Tỳ-kheo nào đang ở rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai, tất cả hãy tập trung tại giảng đường." Khi các Tỳ-kheo đã tập hợp tại giảng đường roi, Tôn giả A-nan trở về đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, đứng sang một bên thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo đang ở rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai đã tập hợp tại giảng đường. Kính mong đức Thế Tôn biết cho!

10 Nguyên tác: Cứu cánh trí Sammadañña'. Trí tuệ của bậc A-la-hán, quả vị A-la-hán. MA. 187 gọi là Sở đác trí . 11 Hữu dư Phiền não còn sót lại. 12 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

[0541c04] Lúc ấy, đức Phật cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xuống rồi, đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Nay Ta sẽ nói cho các thầy nghe về tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Lúc đó, các Ty-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Tám điều suy niệm của bậc Đại nhân là: Đạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục; đạo chứng đắc từ biết đủ, chứ không phải từ không biết đủ; đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương hợp với hội họp; đạo chứng đắc từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác; đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm; đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm; đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si; đạo chứng đắc từ không hy luận, ưa không hý luận, thực hành không hy luận, chứ không phải từ hy luận, ưa hy luận và thực hành hy luận. Thế nào là đạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục? Nghĩa là Tỳ-kheo được không tham dục thì tự biết đã được không tham dục, không đe người khác biết mình không tham dục; được biết đủ, được viễn ly, được siêng năng, được chánh niệm, được đinh tâm, được trí tuệ và được không hy luận thì tự biêt đã được không hý luận, không muôn người khác biêt mình không tham dục. Đó gọi là đạo chứng đắc từ không tham dục chứ không phải từ tham dục. Thế nào là đạo chứng đắc từ biết đủ, chứ không phải từ không biết đủ? Nghĩa là Tỳ-kheo sống với hạnh biết đủ5 áo đủ che thân, ăn đủ nuôi thân. Đó là đạo chứng đắc từ sự biết đủ, chứ không phải từ sự không biết đủ. Thế nào là đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương hợp với hội họp? Nghĩa là Tỳ-kheo thực hành hạnh viễn ly, thành tựu hai sự viễn ly là thân và tâm viễn ly. Đó gọi là đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương hợp với hội họp. Thế nào là đạo chứng đắc từ tinh tấn, chứ không phải từ biếng nhác? Nghĩa là Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, dứt trừ xấu ác bất thiện, tu các thiện pháp? thường tự giữ tâm chuyên nhất và vững chãi, vì gốc rễ thiện pháp mà luôn cố găng. Đó gọi là đạo chứng đắc từ tinh tấn, chứ không phải từ biếng nhác. Thế nào là đạo chứng đắc từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán nội thọ đúng như thọ, quán nội tâm đúng như tâm, quán nội pháp đúng như pháp.13 Đó gọi là đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm.

^Nguy^Ị tác: Tỳ-kheo quán nội thân như thân, quán nội giác..., ... tâm, pháp như pháp .Đây là tỉnh lược của pháp quán tứ niệm xứ cattārosatipatthāna. Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272.

Thế nào là đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm? Nghĩa là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bát thiện, cho đên chứng đác và an trú Thiên thứ tư. Đó gọi là đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm. Thế nào là đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si? Nghĩa là Tỳ- kheo tu hành trí tuệ? quán pháp hưng suy, chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt rõ ràng để rồi đoạn tận mọi khổ đau. Đó gọi là đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si. Thế nào là đạo chứng đắc từ không hý luận, ưa không hy luận, thực hành không hy luận;

chứ không phải từ hý luận, ưa hy luận, thực hành hy luận? Nghĩa là Tỳ-kheo tâm ý thường diệt hy luận, an lạc trong Vô dư Niết-bàn,14 tâm thường an lạc, hoan hỷ thong dong. Đó gọi là đạo chứng đắc từ không hy luận, ưa không hy luận, thực hành không hy luận, chứ không phải từ hy luận, ưa hy luận, thực hành hy luận Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân này rồi, sau đó an cư mùa mưa tại rừng Thủy Chử thuộc nước Chi-đê. Sau khi được Ta giảng dạy những điêu này, vi ây sông một mình nơi yên vắng, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Vị ấy đã sống một mình nơi thanh vắng, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành, bởi lý do mà một thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với lòng tin tha thiết, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng. Ngay trong đời này, vị ấy tự biết, tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Lúc đó, Tôn giảA-na-luật-đà chứng đắc A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn, xứng đáng là bậc Trưởng lão thượng tôn, rồi nói kệ này: Đấng Tối Tôn trong đời, Từ xa thâu lòng con, r Chánh thân tâm nhập định, Nương hư không đên đây. Như tâm con đã nghi, Phật thuyết còn cao hơn, Chư Phật không hy luận, Mọi hy luận không còn. Con từ Phật biết pháp, Vui tru pháp tu hành, Chánh định liền chứng nhanh, Pháp Phật đã tựu thành. 9 r Con chăng ưa sự chét, Cũng chăng muôn sự sanh, Nay tùy theo sở thích, Chánh niệm, trí đã thành. Tỳ-da-ly5 Trúc Lâm? Nơi đó bỏ xác thân, Ngồi yên dưới khóm trúc, Nhập Vô dư Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

14 Vô dư Niết-bàn cũng được gọi là Bát-niết-bàn .

75. KINH THANH TỊNH KHÔNG LAY CHUYỂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm5 thuộc nước Câu-lâu.23 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Dục là vô thường, không thật, giả dối; đã là pháp giả dối thì huyễn hóa, k. . e e r dôi gạt, ngu si. Dù dục đời này hay dục đời sau, hoặc sác đời này hay săc đời sau, tát cả những thứ ây đêu thuộc vê cảnh giới của ma, là miêng môi của ma. Do đây mà khiến tâm sanh vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam,3 sân hận, đấu tranh... làm chướng ngại cho sự tu học của vị Thánh đệ tử. Vi Thánh đệ tử đa văn nên quán sát như vầy: "Thế Tôn dạy rằng Mục là vô thường, không thật, giả doi; đã là pháp giả doi thì huyễn hóa, doi gạt, ngu si. Dù dục đời này hay dục đời sau, hoặc sắc đời này hay sắc đời sau, tất cả những thứ ây đêu thuộc vê cảnh giới của ma5 là miêng môi của ma. Do đây mà khiên tâm sanh vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân hận, đấu tranh... làm chướng ngại cho sự tu học của vị Thánh đệ tử.'" Vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "Ta có thể đạt đến tâm rộng khắp, thành tựu và an trú, chinh phục the gian,45giữ gìn tâm ấy.5 Nêu ta đạt đen tâm rộng khắp, thành tựu và an trú, chinh phục thế gian, giữ gìn tâm ấy, như vậy tâm sẽ không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân hận và đau tranh... làm chướng ngại cho sự tu học của vị Thánh đệ tử” Vi ấy bằng sự thực hành như thê, học như thê, tu tập như thê, roi làm cho rộng khắp, liên nhân đó mà được tâm thanh tịnh.6 Khi tâm đã được thanh tịnh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà đạt

Nguyên tác: Tịnh bất động đạo kinh roi. 0026.75. 0542b03. Tham chiếu: M. 106, Āneñjasappāya Sutta Kinh bất động lợi ích. 2 Câu-lâu đô ấp .Xem chú thích 3, kinh số lo, tr. 55. 3 Tăng tứ .Bản kinh Pali tương đương ỉầ M. 106 viết là abhijjhāpi. ở đây, abhijjhā^ có nghĩa là tham cầu, tham dục. Tiếp đầu ngữ adhỉ có nghĩa là "tang" có lẽ do đọc nhâm tiêp đâu ngữ abhi thành adhi nên bản Hán viết 4ítăng tứ" 4 Nguyên tác: Yểm phục thế gian .M. 106: Abhibhuyya lokarn siêu việt thế gian. 5 Nguyên tác: Nhiếp trì kỳ tâm .M. 106: Adhitthāya manasā sau khi xác định vị trí của ý, HT. Thích Minh Châu dịch. 6 Nguyên tác: Tiện ư xứ đắc tâm tịnh .Tham chiếu: M. 106: Āyatane cittampasīdati tâm trở thành an tịnh trong giới xứ của nó, HT. Thích Minh Châu dịch.

9 A e

được sự không lay chuyên/ hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát. Vê sau, khi vị ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến sự không lay chuyển. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ nhất đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyển. Lại nữa, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vây: "Những gì là săc5 tát cả săc ấy là bốn đại và do bổn đại tạo thành. Bốn đại chính là pháp vô thường, là kho, là diệt.,, Vị ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tinh rồi, vi ấy hoặc ở ngay nơi đó mà đạt được sự không lay chuyển, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vi ấy qua đời, nhờ tâm thanh tinh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến sự không lay chuyển. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ hai đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyển. [0542c02] Lại nữa, các vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy"Dù dục đời này hay dục đời sau, dù sắc đời này hay sắc đời sau, dù tưởng về dục đời này hay tưởng về dục đời sau, dù tưởng về sắc đời này hay tưởng về sắc đời sau thì tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, là khổ, là diet." Bấy giờ, vị ấy đạt được Sự không lay chuyên. Vị ây băng sự thực hành như thê, học như thê, tu tập như thế, roi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tinh. Khi tâm đã được thanh tinh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà đạt được sự không lay chuyển, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vị ấy qua đời5 nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến sự không lay chuyển. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ ba đưa đên sự thanh tinh không lay chuyên. Lại nữa, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: "Dù là tưởng về dục đời này hay tưởng vê dục đời sau, dù là tưởng vê sác đời này hay tưởng vê săc đời sau và tưởng vê sự không lay chuyên thì tát cả những tưởng ây đêu là pháp vô thường, là khổ, là diệt.,^ Bấy giờ, vi ấy đạt được tưởng Vô sở hữu xứ.7 8 Vị ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tịnh rồi thì vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được the nhập vào cõi Vô Sở Hữu Xứ, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vi ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn sẽ đạt đến cõi Vô Sở Hữu Xứ. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ nhất đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu Xứ.9

7 Nhập bất động ānerijāni samāpajjati: Nhập định với trạng thái bất động, chỉ Đệ tứ thiền. Tham chiếu: tập kỉnh r.03. 0152.8^ 0050a20: Nhát tâm bất độn£ chứng Thiền thứ tư 8 Vô Sở Hữu Xứ „Āl$ifīcañ ñ2ya]ana: Tầng trời thứ 3 của Vô sắc giới, ứng với cấp thiền định gọi là Vô sở hull xứ định. ở cap này, thiền giả thành tựu được tâm hoàn toàn thành tịnh/ quân bình. DÃ. 5 viết là Bất dụng xứ .Thành tựu được phép định này hành giả trực nhận không có vật gì, hiện tượng gì tồn tại, nhờ đó bản thân mình không bị hạn chế hay bị vướng mắc bơi bất cư vật gì, hiền tượng gì. 9 Nguyên tác: Tịnh vô sở hữu xứ đạo .M. 106: Ākiñcañ ñāyatanasappayāpatipadā sự thực hành đưa đến cõi Vô Sở Hữu Xu.

75. KINH THANH TỊNH KHÔNG LAY CHUYÊN 499

Lại nữa, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: "Thế gian này là không, không có cái ta? không có cái của ta, không thường, không hang, không trường tồn, không có gì không biến(téi." Vi ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tinh. Khi tâm đã được thanh tịnh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được thể nhập vào cõi Vô Sở Hữu, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vị ấy qua đời, nhờ tâm thanh tinh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến cõi Vô Sở Hữu. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ hai đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu. Lại nữa, vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: “Ta không phải do cái khác tạo ra mà có? cũng không phải do tự mình mà c6."i° Vị ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tịnh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được thể nhập vào cõi Vô Sở Hữu, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát. về sau, khi vi ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chăn đạt đên cõi Vô Sở Hữu. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ ba đưa đên sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu. [0543a01] Lại nữa, vị Thanh đệ tử đa văn quán sát như vày: "Dù là dục đời này hay dục đời sau, dù là sắc đời này hay sắc đời sau, dù là tưởng về dục đời này hay tưởng về dục đời sau, dù là tưởng về sắc đời này hay tưởng về sắc đời sau, tưởng về sự không lay chuyển và tưởng Vô sở hữu xứ thì tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, là khổ, là diet." Bấy giờ, vi ấy đạt được Vô tưởng. Vị ây băng sự thực hành như thê, học như thê, tu tập như thê, roi làm cho rộng kháp, liên nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tịnh roi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được nhập Vô tưởng, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vị ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến cõi Vô Tưởng. Đó gọi là phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô Tưởng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu đức Phật. Tôn giả liền chắp tay hướng về Ngài thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo nào thực hành như vầy: "Không có cái ta5 không có cái của ta; cái ta không tồn tại ở tương lai, cái của ta không tồn tại ở tương lai, những gì chấp thủ trước kia nay đều buông xả hết." Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo thực hành như thế, vị ấy đã buông xả tất cả thì có chứng đắc Cứu cánh Niết-bàn chăng? Đức Phật bảo: -NàyA-nan! Việc ấy không nhất định, có người chứng đắc, có người không chứng đắc.

10 Tham chiếu: M. 106: Nāham kẏacanỉ kassaci kiñcanatasmirn, na ca mama kvacani kỉsmmci kiñcanarn natthī'ti (Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai va trong hình thức nào), HT. Thích Minh Châu dịch.

500 KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả A-nan lại thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo thực hành pháp nào mà không chứng đắc Niết-bàn? Đức Phật bảo: - Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo thực hành như vầy: "Không có cái ta, không có cái của ta; cái ta không tồn tại ở tương lai, cái của ta không tồn tại ở tương lai, những gì chấp thủ trước kia nay đều buông xả hết." Nhưng này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy vui thích với sự buông xả ây, dính mác nơi sự buông xả ây, an trú vào sự buông xả ây, A-nan, Tỳ-kheo thực hành như vậy chác chăn không chứng đắc Niết-bàn. Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo nào có chấp thủ thì không đắc Niết-bàn chăng? Đức Phật bảo: -Đúng vậy? A-nan! Nếu Tỳ-kheo có chấp thủ thì sẽ không đắc Niết-bàn. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ấy chấp thủ bởi pháp nào? Đức Phật bảo: Này A-nan! Trong những cõi hữu dư thì cõi trời Hữu Tưởng Vô Tưởng11 là hơn hết trong ba cõi. Tỳ-kheo còn chấp thủ ở đó. Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ấy còn chấp vào pháp nào khác nữa chăng? Đức Phật bảo: -Đúng như thế, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào các pháp khác nữa. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo phải tu hành như thế nào mới chắc chắn đắc Niết-bàn? “ Đức Phật bảo: Này A-nan! Nêu Tỳ-kheo nào thực hành như vây: "Không có cái ta, không có cái của ta; cái ta không tồn tại ở tương lai, cái của ta không tồn tại ở tương lai, những gì chấp thủ trước kia nay đều buông xả hết?9 A-nan, nếu Tỳ-kheo không vui thích với sự buông xả ấy, không dính mắc nơi sự buông xả ấy, không bám trụ vào sự buông xả ấy, thì này A-nan, Tỳ-kheo thực hành như vậy, chắc chắn sẽ chứng đắc Niết-bàn. [0543b03] Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn đắc Niết-bàn chăng?

11Ịv tỊjĩữu Tưởng Vô Tưởng Xứ ,tên gọi khác của Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ,Nevasañññānāsafmāyatana. J J

75. KINH THANH TỊNH KHÔNG LAY CHUYỂN 501

Đức Phật bảo: Đúng vậy, A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn đắc Niết-bàn. Bây giờ, Tôn giả A-nan chăp tay hướng vê đức Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Ngài đã nói về phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyên, đã nói vê phương pháp thực hành đưa đên sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu Xứ, đã nói về phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô Tưởng, đã nói về phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô dư Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Thế nào là sự giải thoát của bậc Thánh? Đức Phật bảo: -Này A-nan! Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: "Dti là dục đời này hay dục đời sau; dù là sắc đời này hay sắc của đời sau; dù tưởng về dục đời này hay tưởng về dục đời sau; dù tưởng về sắc đời này hay tưởng về sắc đời sau, tưởng về sự không lay chuyển, tưởng Vô sở hữu xứ và tưởng Vô tưởng thì tất cả các tưởng ấy đều là pháp vô thường, là khổ, là hoại diệt; đó gọi là hữu thân.12

Nếu là hữu thân thì đó là sanh, là già, là bệnh, là chết. Này A-nan! Nếu còn có pháp này thì phải diệt trừ sạch, không để sót lại gì, không để phát sanh trở lại; như vậy sẽ không sanh, không già, không bệnh, không chết. Bậc Thánh quán sát như vậy, nêu còn có điêu gì thì đó chính là pháp giải thoát; nêu có điêu gì bất tử13 thì đó chính là Vô dư Niết-bn." Vị nào quán như vậy, thấy như vậy, chắc chắn được tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết đã giải thoát và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Này A-nan! Nay Ta vì thầy mà đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyển, đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu Xứ, đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Tưởng, đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô dư Niết-bàn? đã nói về sự giải thoát của bậc Thánh. Như bậc Tôn Sư với tâm đại bi, đoái tưởng, thương xót, mong cầu ý nghĩa và lọi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho chúng đệ tử, những điều ấy Ta nay đã làm xong. Các thầy hãy tự mình • r . r thực hành, hãy đên nơi văng vẻ, đên bên góc cây thanh văng yên tĩnh, ngôi lặng lẽ mà tư duy, chớ có buông lung, hãy nỗ lực tinh tấn, chớ hối tiếc về sau. Đây là lời răn dạy của Ta, đó là lời giáo huấn của Ta. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 Nguyên tác: Tự kỷ hữu sakkāyo: Tự thân hay hữu thân, chỉ cho sự chắc thật của 5 uẩn khandhapañcakd. 13 Nguyên tác: Cam lộ amatà. Bất tử, ở đây mang nghĩa giải thoát.

76. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa úc-già-chi-la/ ngụ bên bờ sông Hằng.3 Bấy giờ, vào lúc xế chiều, có vi Tỳ-kheo rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài thuyết giảng pháp chánh yếu4 cho con. Sau khi nghe Thế Tôn dạy, con sẽ sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Vì để sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, thế nên người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đức Phật dạy: Này Tỳ-kheo! Hãy tu tập như vầy: Giữ tâm an trụ, bất động bên trong, tâm không hạn lượng, khéo léo tu tập. Lại quán nội thân đúng như56thân, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác/ khéo điều phục tâm mình, khiên lìa xa bon xẻn, tâm không sâu não. Lại quán ngoại thân đúng như thân,

1 Nguyên tác: ủc-già-chỉ-la kỉnh roi, 0026.76. 0543c01. Tham chiếu: s. 47.3 - v. 142; A. 8.63 - IV. 299. 2 úc-già-chi-la Ukkācelā, một ngôi làng thuoc nước Bạt-kỳ Vajjī, bên bờ sông Hằng Gañgā, trên con đường từ thành Vương Xá Rājagaha đến thành Xá-vệ , Sāvatthi và làng này gần thành Xá-vệ. 3 Nguyên tác: Hằng Thủy trì ngạn ,bờ hồ Hằng Thủy. Do đi cùng đi với địa danh

úc-già- chi-la ,Ukkācelā nen co thể xác định đó là sông Hằng. Vì theo DPPN, Ukkācelā là một ngôi làng thuộc nước Bạt-kỳ ,Vajjī, nằm bên bờ sông Hăng. 4 Nguyên tác: Thiện lược thuyết pháp samkhittena dhammam desetu'. Thuyết pháp vắn tắt. 5 Như :Giống như, đúng như .Tham chiếu: M. 10: Anupassĩ, có nghĩa là quán sát liên tục, từ sát-na này đến sáĩ-na khác, chuyên chú quán sát. ở một phương diện khác, anu là tiếp đầu ngữ, có nghĩa là tùy theo, dựa theo. Chính vì vậy, anupassī, động tư la anupassati, còn được dịch là tùy quán Bsfe. 6 Nguyên tác: Hành cực tinh cần, lập chánh niệm, chánh trí ,.Đây là 3 yếu tố quan trọng trong khi quán tứ niệm xú:cattāro-satipatthāna. Tham chiêu: M. 10, Satipatthāna Sutta Kinh niềm xứ: Ātāpī sampajāno satimā nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm. Ngay như bản kinh đề cập đầy đủ nhất về tứ niệm^ư thuộc Trung A-harn ỉảrMÃ. 9 chi dề cập đến 2 yếu to liên quanden chánh niệm và tỉnh giác mà vẫn chưa đề cập đến yếu tố tinh cần ātāpī. Xem Niệm xứ kinh roi. 0026.98. 0582b23: Lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng sunt minh đạt ,i BMW ã.

thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo điều phục tâm, khiến lìa xa bon xẻn, tâm không sầu não. Lại quán nội, ngoại thân đúng như thân, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo điều phục tâm, khiến lìa xa bon xẻn, tâm không sầu não. Này Tỳ-kheo! Với đinh như vậy được khéo léo tu tập trong khi đi tới, đi lui. Ngay cả lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng phải nên tu tập. Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán; tu tập về định không giác có quán; tu tập về định không giác không quán;7 cũng nên tu tập về định đi cùng với hỷ5 tu tập về định đi cùng với lạc, tu tập về đinh đi cùng với đinh và tu tập về định đi cùng với xả. Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập đinh này và đã tu tập thuần thục thì cần phải tu tập thêm quán nội thọ đúng như thọ,8 thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo điều phục tâm, khiến lìa xa bon xẻn, tâm không sầu não. Lại quán ngoại thọ đúng như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu não. Lại quán nội ngoại thọ đúng như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo che ngự tâm mình, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu não. Này Tỳ-kheo! Với định như thế, khi tới khi lui hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng nên tu tập như vậy. Lại nữa, cũng nên tu tập về đinh có giác có quán, tu tập về đinh không giác có quán, tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về định đi cùng với hỷ5 tu tập về đinh đi cùng với lạc, tu tập về định đi cùng với định và tu tập về định đi cùng với xả. [0544a04] Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập định này và đã tu tập thuần thục thì can phải tu tập thêm quán nội tâm đúng như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến lìa bon xẻn, tâm không sâu não; lại quán ngoại tâm đúng như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu não; lại quán nội, ngoại tâm đúng như tâm, thực hành hết sức tinh cân, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chê ngự tâm minh, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu

não. Này Tỳ-kheo! Với đinh như thế, khi tới khi lui hãy khéo léo tu tập; cho đến lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm5 lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng nên tu tập như vậy. Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán; tu tập vê định không giác có quán; tu tập vê đinh không giác không quán; cũng nên tu tập về định đi cùng với hỷ, tu tập về định đi cùng với lạc, tu tập về định đi cùng với định và tu tập về đinh đi cùng với xả. Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập đinh này và đã tu tập thuần thục thì càn phải tu tập thêm quán nội pháp đúng như pháp, thực hành hét sức tinh cần, giữ vững chánh

7 Nguyệntác: Tu học hữu giác hữu quán định, tu học vô giác thiểu quán định, tu học vô giác vô quán định ?.Xem chu thích 38, kinh số 72, tr.. 8
Nguyên tác: Nội giác như giác .

niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến xa lìa bon xẻn, tâm không sầu não; lại quán ngoại pháp đúng như pháp, thực hành hết mực tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo che ngự tâm minh, khiến xa lìa bon xẻn, tâm không sầu não; lại quán nội, ngoại pháp đúng như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo che ngự tâm mình, khiến lìa bon xẻn, tâm kh6ng sau não. Này Tỳ-kheo! Với định như thế, khi tới khi lui hãy khéo tu tập; cho đến lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng cần phải tu tập. Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán; tu tập về định không giác có quán; tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về đinh đi cùng với hy, tu tập về định đi cùng với lạc, tu tập về định đi cùng với định, tu tập về định đi cùng với xả. Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập định này và đã tu tập thuần thục thì này Tỳ-kheo, tâm sẽ tương ưng với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trú, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương; bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân giận não hại, bao la rộng lớn, không hạn lượng, khéo léo tu tập biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, tâm sẽ tương ưng với bi, với hỷ và xả? không gây thù kết oán, không sân giận não hại, bao la rộng lớn, không hạn lượng, khéo léo tu tập biến khắp tất cả the gian, thành tựu và an trú. [0544b03] Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập định này và đã tu tập thuần thục, nếu thay có đi đen phương Đông thì vẫn luôn được an lạc, không bị các tai họa đau khổ. Nếu thầy đi đến phương Nam, phương Tây hay phương Bắc thì vẫn luôn được an lạc, không bị các tai họa đau khổ. Này Tỳ-kheo! Nếu thầy tu tập định này và đã tu tập thuần thục, Ta còn chưa kể đến các pháp thiện mà thầy đã an trú thì làm sao nói đến việc suy giảm? Vì thiện pháp sẽ luôn tăng trưởng cả ngày lẫn đêm mà không he suy giảm. Này Tỳ-kheo! Nếu thầy tu tập định này và đã tu tập thuần thục thì trong hai quả vị chắc chắn sẽ chứng được một quả vị: Ngay trong hiện tại chứng Trí cứu cánh;9 nếu còn phiền não10 thì chứng đắc A-na-hàm. Khi Tỳ-kheo ấy nghe những lời đức Phật dạy, khéo lãnh thọ, khéo giữ gìn rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng và lui ra. Sau khi nghe Phật dạy, vị ây sông một mình ở nơi thanh văng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Vì để sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, thế nên người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết,

rời xa gia đình, sống không gia đình,

9 Nguyên tác: Cứu cánh trí Sammadaññā'. Trí của một bậc A-la-hán. Xem chú thích lo, kinh so 74, tr. 493. 10 Nguyên tác: Hữu dư ,chỉ cho việc chưa đoạn tận tham ,lobho, sân,dosā, si ,moho.

làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tư thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Tôn giả đó liễu tri pháp rồi... (cho đến) chứng quả A-la-hán. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

77. KINH BA THIỆN NAM ở SA-KÊ-ĐẾ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Sa-kê-đế?2 ngụ trong rừng Thanh.3 Bấy giờ, tại Sa-kê-đế có ba thiện nam là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan- đề và Tôn giả Kim-tỳ-la, đều là những thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. LÚC ây, đức The Ton hỏi các Tỳ-kheo: -Ba thiện nam này đều là những thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. Ba thiện nam ấy có an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này chăng? Khi đó, các Tỳ-kheo im lặng, không trả lời. Đức Phật lại hỏi đến lần thứ ba: Ba thiện nam này đều là những thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. Ba thiện nam ấy có an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này chăng? Khi ấy, các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. [0544c04] Thế rồi, đức Phật đích thân hỏi ba thiện nam. Ngài hỏi Tôn giả A-na-luật-đà: Ba thiện nam các thây đêu ở tuôi thiêu niên, mới xuât gia học đạo? cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. Này A-na-luật-đà! Các thầy có an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con rất an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này. Đức Phật lại hỏi: -Này A-na-luật-đà! Lúc các thầy còn nhỏ? là những đứa trẻ ấu thơ, trong trắng, tóc đen, thân the cường tráng, ưa thích chơi đùa, ưa thích tam gội, luôn trau chuốt thân mình. Khi lớn lên, bà con thân thích và cha mẹ các thầy đều

1 Nguyên tác: Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh (01. 0026.77. 0544Ồ21). Tham chiêu: M. 68, Nalakapāna Sutta (Kinh NaỊakapãnà). 2 Sa-kê-đế (Sāketa), một trong 6 thành phố lớn ở Ấn Độ thời cổ đại, thuộc Kosala, cách Sāvatthi khoang 7 do-tuần. 3 Thanh lâm (,Palāsavana), một khu rừng gần làng Nalakapāna.

thương yêu lưu luyến, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các thầy xuất gia học đạo. Vậy mà các thầy đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với lòng tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này A-na- luật-đà! Các thầy không phải vì sợ vua chúa mà xuất gia học đạo, cũng không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không vì sợ khủng bố, không vì sợ nghèo khổ không đủ để nuôi sống mà xuất gia học đạo mà chỉ vì chán ghét sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, sầu khổ, hoặc chỉ vì muốn chấm dứt tận cùng khối khổ lớn này nên xuất gia học đạo. Này

A-na-luật-đà! Các thầy không vì những tâm niệm như vậy mà xuất gia học đạo chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: Bạch Thế Tôn! Quả thật như vậy. -Này A-na-luật-đà! Nếu người thiện nam với tâm niệm như thế mà xuất gia học đạo thì do đâu mà biết là sẽ chứng đắc Vô thượng pháp lành? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Kính bạch The Ton! The Ton la côi nguồn cua giao pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: -Này A-na-luật-đà! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thay. A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà! Nêu ai bị dục che kín, bi pháp ác trói buộc thì sẽ không được xả, lạc và sự tịch tĩnh vô thượng. Tâm của vị ấy sẽ sanh ra tham muốn, sân hận, hôn trầm, tâm sanh buồn chán, thân sanh mệt mỏi, ăn nhiều, lòng sầu não. Tỳ-kheo ấy sẽ không nhẫn chiu được sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nang bức bách, không thể nhẫn chiu khi nghe nói xấu hay bị đánh đập, không thể nhẫn chịu được khi thân mắc phải các căn bệnh đau đớn gần như mạng chung hay gặp những cảnh ngộ không vừa lòng. Vì sao như vậy? Vì vi ấy bị dục che kín, bị pháp ác trói buộc, không được xả? lạc và sự tịch tĩnh vô thượng. Trái lại, nếu lìa dục, không bị pháp ác trói buộc, sẽ đạt đến xả ly5 an lạc và tịch tĩnh vô thượng. Tâm vi ấy không sanh tham muốn, sân hận, hôn trầm, tâm sanh vui thích, thân không sanh mệt mỏi, cũng không ăn nhiều, tâm không sầu não. Tỳ-kheo ấy nhẫn chịu được sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, cũng có thể nhẫn chịu được khi nghe mắng chửi hay bi đánh đập, thân dù mắc phải những căn bệnh đau đớn gần như mạng chung hay gặp những cảnh ngộ không vừa lòng, thảy đều kham nhẫn được. Vì sao như vậy? Vì vị ấy không bi dục che kín, không bị pháp ác trói buộc, lại đạt đến xả ly, an lạc và tịch tĩnh vô thượng.

77. KINH BA THIỆN NAM ở SA-KÊ-ĐẾ 509

[0545al0] Đức Phật hỏi: Này A-na-luật-đà! Vì ý nghĩa gì mà Như Lai nói có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chịu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra?4 A-na-luật-đà thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: -Này A-na-luật-đà! Các thay hãy lang nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thầy. A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà! Các phiền não, nhiễm ô là gốc rễ của sự hiện hữu trong tương lai, là cái nhân của quả khổ nóng bức sanh, già, bệnh, chết. Chẳng phải Như Lai chưa diệt hết, chẳng phải không biết mà có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chịu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra Này A-na-luật-đà! Như Lai chỉ vì nhân nơi thân này, nhân nơi sáu xứ, nhân nơi thọ mạng mà có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chịu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra. Này A-na-luật! Như Lai vì những nghĩa này mà nói có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chiu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra Đức Phật hỏi: Này A-na-luật-đà! Vì ý nghĩa gì mà Như Lai sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều

xấu, không một bóng người, tùy thuận ngồi yên như thế? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật bảo: Này A-na-luật-đà! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thầy. Lúc đó, A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời lắng nghe.

4 Nguyên tác: Hoặc hun sở trừ, hoặc hữu sở dụng, hoặc hữu sở kham, hoặc hữu sở chỉ, hoặc hữu sở thổ ().Tham chiếu: M. 68: Sañkhāyekarn
patisevati sañkhāyekam adhivãsati sañkhāyekam parivajjati sañkhāyekam vinodeti (Sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp, sâu khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp), HT. Thích Minh Châu dịch.

510 KINH TRUNG A-HÀM

[0545b02] Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà! Chẳng phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt được, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sông nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú dưới góc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà! Như Lai chỉ vì hai mục đích sau đây nên mới sống nơi vô sự5 ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sông ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viên ly, không có điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên. Một là tự mình sông an lạc ngay trong đời hiện tại. Hai là vì thương xót chúng sanh ở đời sau. Hoặc ở đời sau, sẽ có người học theo hạnh Như Laisống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không CÓ điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên. Này A-na-luật-đà! Vì những mục đích ấy mà Như Lai sống nơi thanh vắng? ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xâu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên. Đức Phật hỏi: Này A-na-luật-đà! Vì ý nghĩa gì mà khi các đệ tử qua đời, Như Lai ghi nhận vị này sanh ở cõi này, vi kia sanh ở cõi kia? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: —Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật bảo: Này A-na-luật-đà! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thầy. Lúc đó, A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời và lắng nghe. Đức Phật bảo: -Này A-na-luật-đà! Khi đệ tử qua đời, Như Lai ghi nhận vị này sinh chỗ này, vị kia sinh chỗ kia. Như Lai nói điều đó không phải vì xúi giục5 người, cũng không phải vì dối gạt người và cũng không phải vì muốn làm vui lòng người. Này A-na-luật-đà! Như Lai chỉ vì các thanh tín nam và thanh tín nữ,6 với niêm tin tha thiêt, với lòng kính mên cao tột5 khởi lòng hoan hỷ cao thượng, sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Cho nên, khi đệ tử qua đời, Như Lai ghi nhận vi này sẽ sanh ở cõi này, vị kia sẽ sanh ở cõi kia.

5 Nguyên tác: Thú ,dùng như "th6i thiíc",mang nghĩa xúi giục, thúc giục. ^Nguyên tác: Thanh tín tộc tánh nam3ộc tánh nữ ,còn gọi là "thanh tín sf upāsakā và "thanh tín nữ*”upāsikā, những người đã quy y Tam bảo và thọ trì năm giới.

77. KINH BA THIỆN NAM ở SA-KÊ-ĐẾ 511

Nêu Tỳ-kheo nào nghe Ton giả ây qua đời nơi ây, vị đó được Phật ghi nhận đã chứng đắc Trí cứu cánh/ biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Hoặc Tỳ-kheo kia chính mắt thấy Tôn giả kia, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tôn giả ấy có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy?5 Tỳ-kheo kia nghe xong ghi nhớ: "Tôn giả ấy có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay", sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chắc chắn được an trú trong an vui. [0545c04] Lại nữa, này A-na-luật-đà! Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả kia qua đời nơi đó, vị đó được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử,8 sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại đời này nữa. Hoặc Tỳ-kheo ấy chính mắt thấy Tôn giả kia, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tôn giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiêu như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như v'Tỳ-kheo ây nghe xong ghi nhớ "Tôn giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bồ thí như vậy, trí tuệ như vay", sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả kia qua đời ở nơi ấy, vị đó được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử,9 giảm thiểu tham, sân, si, chỉ một lần trở lại cối trời hay cõi người. Sau một lần trở lại thì vị ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc Tỳ-kheo ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều làn nghe người khác kể lại răng: "Tôn giả kia có niêm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiêu như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Tỳ-kheo ấy nghe xong ghi nhớ: "Tôn giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy5\ sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy? như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chắc chắn được an tru trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả kia qua đời ở nơi ấy, vị đó được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, nhất định thành tựu Chánh giác5 tối đa bảy lần thọ sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh qua lại ở cõi trời hay cõi người, vi ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc Tỳ-kheo ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tôn giả kia có niềm tin như vậy? giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiêu như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Tỳ-kheo ấy nghe xong ghi nhớ: "Tôn

7 Nguyên tác: Cứu cánh trí Sammadaññā. Xem chú thích l o, kinh số 74, tr. 493.
8 Ngũ hạ phần kiết ,peg orambhāgiyāni sarhyojanāni'. Năm loại phiền não trói buộc và sai sử chúng sanh trong Dục giới, gồm: tham dục kāmarāga, sân khuê vyāpāda, thân kiến ,sakkdyaditlhí, giới câm thủ

,sīlabbataparāmāso và nghi vicikicchā. 9 Ba kiết *msamyojanānī đó là thân kiến, giới cấm thủ và nghi.

giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.^ Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chác chăn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni kia qua đời ở nơi đó, vi ấy được Phật ghi nhận đã chứng đác Trí cứu cánh, biêt đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Tỳ-kheo-ni ấy nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe giáo pháp này xong, phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được an trú trong an vui. [0546a08] Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni kia qua đời ở nơi đó? vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia10 rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại cõi này nữa. Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy? học rộng hiêu nhiêu như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như vay." Tỳ-kheo-ni ây nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni qua đời ở nơi đó, vi ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si, chỉ còn một lần trở lại ở cõi trời hay cõi người. Sau một lần trở lại, vi ấy chấm dứt kho đau. Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kê lại răng: "Tỳ-kheo-ni kia có niêm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiêu nhiêu như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như vậyy Tỳ-kheo-ni ây nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy5 bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni kia qua đời ở nơi đó? vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn9 không còn đọa vào đường ác, nhất định thành tựu Chánh giác, tối đa bảy lần thọ

gSạnh ư bỉ gian ích chỉ cho ngũ Bất Hoàn thiên hay ngũ Tịnh Cư thiên ,Suddhāvāsā, gồm: Vô Phiền 7Āviha, Vô Nhiệt ,Atappā, Thiện kiến,Sudassī, Thiện Hiện Sudassā, A-ca-nị-trá ,Akanittha.

sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh trở lại ở cõi trời hay cõi người, vị ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: uTỳ-kheo-ni kia có niêm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vāy." Tỳ-kheo-ni ấy nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bo thí như vậy, trí tuệ như vậy?5 Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chan được an trú trong an vui. [0546b04] Này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-tắc nào nghe vị ưu-bà-tắc kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại đời này nữa. Hoặc ưu-bà-tăc ây chính măt thây, hoặc nhiêu lân nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy5 giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậyy Nghe xong, ưu-bà-tắc ấy ghi nhớ: "Ưu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới, học rộng nghe nhiều, bố thí và trí tuệ như vậy/9 Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-tắc đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-tắc nào nghe iru-bà-tắc kia qua đời ở thôn đó, vi ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân? si, chỉ còn một lần trở lại cõi trời hay cõi người. Sau một lần trở lại, vị ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc ưu-bà-tắc ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Nghe xong, iru-bà-tắc ấy ghi nhớ: "Uu-b-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới, học rộng nghe nhiều, bố thí và trí tuệ như vậy.^, Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-tắc đó chắc chắn được an tru trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nêu ưu-bà-tăc nào nghe ưu-bà-tăc kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, nhát định thành tựu Chánh giác, tôi đa bảy lân thọ sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh trở lại ở cõi trời hay cõi người, vị ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc ưu-bà-tắc ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Ưu-bà-tắc ấy nghe rồi ghi nhớ: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-tăc đó chác chắn được an trú trong an vui.

[0546c01] Này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-di11 nào nghe ưu-bà-di kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại đời này nữa. Hoặc iru-bà-di ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiêu nhiều như vậy, bố thí như vậy? trí tuệ như vay." Ưu-bà-di ấy nghe rồi ghi nhớ: "ưu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Sau khi nghe giáo pháp

này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-di đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại • nữa, này A-na-luật-đà! 9 Nếu ưu-bà-di nào nghe e n im-bà-di 'D e kia qua đờiA ở thôn đó, vi ây được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiêt sử5 giảm thiêu tham, sân, si, chỉ còn một lân trở lại cõi trời hay cõi người. Sau một lân trở lại nữa, vị ây cham dứt kho đau. Hoặc ưu-bà-di ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Ưu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy? trí tuệ như vậy.^, Ưu-bà-di ấy nghe rồi ghi nhớ: "Uu-bà-di kia có niềm tin như vậy? giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như vậy/9 Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-di đó chắc chan được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-di nào nghe ưu-bà-di kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà- hoàn, không còn đọa vào đường ác, nhất định thành tựu Chánh giác, tối đa bảy lần thọ sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh trở lại ở cõi trời hay cõi người, vị ấy cham dứt kho đau. Hoặc ưu-bà-di ấy chính mắt thay, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Ưu-bà-di ấy nghe rồi ghi nhớ: ÍẾưu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy? trí tuệ như vay.” Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-di đó chắc chắn được an trú trong an vui. Này A-na-luật-đà! Vì những ý nghĩa ấy nên khi đệ tử qua đời, Như Lai đã ghi nhận vị này sẽ sanh vào cõi này, vị kia sẽ sanh vào cõi kia. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.12

11 Nguyên tác: Ưụ-bà-tư ,tức là "ựu-badi",còn được dịch là t4cận sĩ nữ", t4cận sự nũ?,,"thanh tin nữ M. 12 Bản Hán, hết quyển 18.

78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi lên tà kiên như vây: "Chốn này là thường còn, là nơi hằng hữu, là xứ tồn tại lâu dài, là chỗ thiết yếu, là nơi không bị hoại diệt, là chốn giải thoát, ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn.,^ Lúc đó5 bằng Tha tâm trí, đức Thế Tôn biết suy nghĩ trong tâm của Phạm thiên kia,2 Ngài liền nhập định với trạng thái toàn thân bất động.3 Với định ấy, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài biến mất khỏi vườn Cấp Cô Độc, trong Thắng Lâm thuộc nước Xá-vệ5 lên đến cối Phạm thiên. Bấy giờ, Phạm thiên kia trông thấy đức Phật xuất hiện, liền đến thỉnh: Quý hóa thay, Đại tiên nhân đã đến! Chốn này là thường còn, là nơi hằng hữu, là xứ tồn tại lâu dài, là chỗ thiết yếu? là nơi không bị hoại diệt, là chốn giải thoát; ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Bấy giờ, đức Phật bảo: -Này Phạm thiên! Cái vô thường mà ông cho là thường; cái không hằng hữu mà ông cho là hằng hữu; cái không trường tồn mà ông cho là trường tồn; cái không thiết yếu mà ông cho là thiết yếu; pháp hoại diệt mà ông cho là không hoại diệt; cái không giải thoát mà ông cho là giải thoát và ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tôi thăng, tôi diệu, tôi tôn

hơn. Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh! Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh! Lúc đó, Ma Ba-tuần đang ở trong chúng, liền nói với đức Phật: -Này Tỳ-kheo! Chớ trái lời Phạm thiên này, chớ chống đối lời Phạm thiên này. Tỳ-kheo, nếu ông trái lời Phạm thiên này, chống đối lời Phạm thiên này

1 Quyển 19. Nguyên tác: Phạm Thiên thỉnh Phật kinh roi. 0026.78. 0547a09. Tham chiếu: M. 49, Brahmanimantanìka Sutta Kinh Phạm thiên cau thỉnh. 2 Nguyên tác: Tha tâm trí Cetopariyañānam. Tham chiếu: M. 49: Bakassa brahmuno cetasā cetoparivitakkamañ ñāya sau khi với tự tâm biết được tâm của Phạm thiên Baka, HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Như kỳ tượng định .Theo Pāli-Han từ điển Edo Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, "như kỳ tượng dinh”có nghĩa là giống như hình tượng bất động rồi nhập định Ãj.

.o guns Wu?G īRdsnqo qu% p

• pu TOipj Uq u'n^ uọnq Ị9P I u^Tụ-^a Uậu ẤẻA a “•BpL uảIiịiq BỊnọi\ : WHtụeg onqy •u?tụ-B0 BPV ƯỊ quiqo ẤQP iqi u?m-^a ppv 00 Supj oip n?N IUqd ?l Sunx m pnSu gimqu uiẻụd Bno oộnụỊ uậẤnb ipqd ỗupqố ỗuno ẾuậỊLỊỊ urêqd qd ẵupqo ụm^N ịUPrụ-Bg PỊẠỊ - :opq UOỊỊ LỊd p'! QJ a “ wg BỊ qujqp iqi uẹtụ-^a eg 00 gu?j oqo •uoiqj uipqd quīiu Suiix m gimqu 'UOỊIIỊỊ uiẻqd pno oộnqỊ uậẤnb qd guếqo E ” uỉẻdd Ị?qd Su?qo U^tụ-BQ ”:u Ấns lỊd p a ?

•u%qi urêqd ?I lỊUỊiu gimx m ỊÉỊ ẵunqu 'u%qi uréqd PHO oộnqỊ UQẤnb Ịpụd ỗupqo Suno 'uơiqỊ urêqd qd Supqo UBnj-BQ vp\[^ỖUBqo ẤBp ỊQẩu Supp ỊQỊ ỗunqo XLIỊU CUỌỊ oộnqỊ uoẤnb ỖUPIỊ 00 ẤBU uoiqỊ urêqd ẩuọip[ẩùọ ịUPlỊU u ẤQN 3uỏn ỊQ1 oẻq ÙlBỊ UậỊỤỊ UrélỊd SuojỊ qups Ấg ỈA 6iop pnb īip[nns [uoiqi lUBqj ỊỎSu €0 ‘U9! urêiỊd qojqi en ỊB nậu 'uoiqi arêqd BA nqo quBS 'uoiqỊ níp ẾU^LỊỊ Ấnb ểọịS JỌILU ịọa ỊỌp ẾẤỆA SunQ -ỖuỏnqỊ ỊQ1 oẻq UIPỊ UOỊIIỊ urèqd !Q1 ịọo Suojị OPA lỊUPS §s Ấ€ ỈA 70P pnb Ịip[nưs iqi p ịỏẵu BO 'igp ipjqi pn OPU jqo uiẻqd Ấpq UỌUI-BS 00 n?N iugqu u?! ỊBG ,oéqu Ấ5[uqqi UIBỊ ẾuảỊỊ ẻq uọqo ỖUOIỊ qu€S gs ưưqo w ọp Ịọnỗu ỂỊỌp pnb Ịip[nes ỊqỊ U9ỊIIỊ uréqd q oqo ‘! rnẻụd Ịoqỗ uếqo ip nou 'u uiéqd PA ỳọqo IỊUBS cuậỊqỊ nqo Ểưưqỉ Ấnb Ếọiă CBỌỊ Ếoọnu ỊỌA ỊỌP aẤỆA SutjQ -oéiỊU Ể>[UPỤỊ UIƯỊ 'uậụ q uọqo ỖUOJỊ lỊUBS gs ọp Ịpnẩu CỊỌP pnb Ịip[nas iqạ Ị^p Ịpq ậiỊO qa uqqo u IIỊO uiéqj q UOUI-BS 00 n?N iu uG — [SīqiKO]

,UỆỊ ỗunxụ ẤpqỊ BỊ ẤglỊl ỊBỖU niu Ịẩ ỖimiỊU CUỆỊ ẵiLỌHỊ ỊOIq BỊ Ịậiq ỊPỖU BUI Ịẩ 3UỊIIIN quss ỊBẩu óp nóp ỊUOỊ ĨỎUI ẹo Igl 'lỊUPS gs ỂIỊUBS 0p ỊPOỊ UỌniU pụo uạp ỌI BỊ ỒOỂỊ Sues 3u?p a§uÈu UPO1 ẩupp ỂUỌỊ ỊQ1 Supp BỊ Ếpọq oẻi ỖU€p €Ị ỂquưỊ oọhqd upq ẵupp BỊ 'lúẻqd TOO BỌO uậỊiỊỊ urêqd Ẩpp l A A niỊU OPS lA •u ugụp urêqd ỊỌỊ ỊỌp Suọqo ọqo 'ueiqi uiẻqd ỊjỌỊ ỊPJỊ Uặu ỌLỊO ỗuọq BỊ 'ooipf-ĀjL ẤPU °u?u OIỊO ,A nqu ẵuno ỊéỊ RI ỊỌU ooipt-Ấi ỊỌỊ 4tS oỏnp mA luqq ẩupqo ẵunqu IỊUP0 Ấ^Ị dñqo upqo ẤPỊ gunp Ấrụ 'p ẵuọnx ỊOJ OPO ẤPO uặjỊ BỊ ỊpnSu 00 nqu ỊA ‘0-* ẤPU [uậỊỤỊ tud]QỈ Ī9P SuọiỊO !qi uiEqd]QỈ Suọ n$N [-R -TOīqi luEqd pno ỊpỊ TỌP ẳuọiỊo' pqo 'ueiqi uréqd epo ỊDỊ ỊƯJỊ ỌIỊO ẵuọ oẹq BỊ 6O9ipj-41 ẤBU ẾUậU oqo nqu Ịẻ�ị ẵuno RI ỊỌU O0ip[-£QI 'ngp 0BA njA uiBq eqi ỗupqo ẵunqu guoipj nq PHỊẩ ẩuénb

pnb uBqo l ẵupp Ấtụ Ế§uọnx ỊDJ OBO mu B Ịpnẩu 00 nqu TA ‘0- ẤBU ỊqỊ ẤBU u^iụ uiẻqd ỊjỌỊ ỊỌP guọỈỊO ẾẪPU u?!qi urêqd !RI D §uọ nqu ngu ‘O0ip[-£ KQu u?! uiẻqd ếọo ỊPỊ TỌP ẵuọqo ỌIỊO ẾẤBU uqi urêqd PỌ[ọqo guọ opq BỊ ‘00-£ KQu 'u?u ậqi ,A niỊií ỊẻỊ ẵuno RI ỊỌU 0-£ ỊỌỊ ẾỊp Ịọnp CTLX ỉq BUI Uập ẤPUI UỆA 3usử̉l ỊDIlẵu 00 nqu ỊA ‘OQipf- ẤPU

KỴH-VDNÍÌHIHMDI 9

78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT 517

[0547c03] Bấy giờ, Phạm thiên ấy đã thưa thỉnh Thế Tôn đến ba lần: Quý hóa thay, Đại Tiên nhân đã đến! Chốn này là thường còn, là nơi hằng hữu, là xứ tồn tại lâu dài, là chỗ thiết yếu, là nơi không bị hoại diệt, là chốn giải thoát; ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Đức Phật cũng ba lần bảo Phạm thiên: Này Phạm thiên! Cái vô thường mà ông cho là thường; cái không hằng hữu mà ông cho là hang hữu; cái không trường tồn mà ông cho là trường tồn; cái không thiết yếu mà ông cho là thiết yếu; pháp hoại diệt mà ông cho là không hoại diệt; cái không giải thoát mà ông cho là giải thoát và ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh. Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh. Lúc đó, Phạm thiên thưa Phật: Này Đại Tiên nhân! Thuở xưa có Sa-môn9 Phạm chí tuổi thọ rất dài, sống rất lâu. Này Đại Tiên nhân! Tuổi thọ của ông quá ngắn, không bằng một khoảnh khắc ngồi yên của Sa-môn9 Phạm chí kia. Vì sao như vậy? Vì những gì họ biết là biết rõ tường tận, những gì họ thấy là thấy rõ tường tận. Nếu thật sự có giải thoát thì ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tôi diệu, tôi tôn hơn. Nêu thật sự không có giải thoát thì ngoài sự giải thoát này ra, không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Này Đại Tiên nhân! Đối với sự giải thoát ông nghĩ là không giải thoát, đối với sự không giải thoát ông nghĩ là giải thoát. Như vậy, ông sẽ không bao giờ được giải thoát mà trở thành kẻ đại ngu si. Vì sao như vậy? Vì sẽ không bao giờ có cảnh giới ấy. Này Đại Tiên nhân! Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích đất, ca ngợi đất thì vị ấy sẽ được tự tại bên ta, làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta.5 Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu ai ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì vi ấy sẽ được tự tại bên ta, làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta. Này Đại Tiên nhân! Nếu ông ưa thích đất, khen ngợi đất thì ông cũng sẽ được tự tại bên ta5 làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu ông ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì ông sẽ được tự tại bên ta, làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta. Bấy giờ, đức Phật bảo: Này Phạm thiên! Như vậy, những điều ong nói là sự thật rằng: "Nếu Sa- môn, Phạm chí nào ưa thích đất, khen ngợi đất thì vị ấy sẽ được tự tại bên ông, làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của ông. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu ai ưa thh Phạm thiên,

5 Tham chiếuz M. 49: Này Tỷ-kheo, nếu ông y trước địa đại, ông sẽ gần Ta, trú tại lãnh địa của Ta, làm theo ý Ta muốn, bị đứng ngoài lề (HT. Thích Minh Châu dịch).

ca ngợi Phạm thiên thì vị ấy sẽ được tự tại bên ông5 làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của 6ng." Này Phạm thiên! Nêu Ta ưa thích đất, ca ngợi đất thì Ta cũng sẽ được tự tại bên ông, làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của ông. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu Ta ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì Ta cũng sẽ được tự tại bên ông, làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của ông. [0548a07] Này Phạm thiên! Nêu tám sự kiện6 này, Ta tùy theo mỗi việc mà ưa thích, ca ngợi thì những điều ấy cũng vẫn như vậy. Này Phạm thiên! Ta biết rõ ông từ đâu đến và sẽ đi về đâu, tùy chỗ ông đang sống, tùy nơi ông qua đời và tùy nơi ông tái sanh. Nêu có Phạm thiên thì Phạm thiên ấy có thần thông lớn,7 có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Khi đó, Phạm thiên thưa Thế Tôn: -Đại Tiên nhân! Làm thế nào mà ông biết được điều ta biết, thấy được điều ta thấy? Làm sao biết rõ về ta? Như mặt trời tự tại, tỏa ánh sáng khắp noi, bao trùm cả một ngàn the giới. Trong một ngàn the giới như vậy, ông có được tự tại không? Ong có biết nơi nào, chốn nào không có ngày đêm? Đại Tiên nhân có bao giờ qua lại các nơi ấy, hay đã nhiều lan đen đó chăng? Bấy giờ, đức Phật bảo: -Này Phạm thiên! Như mặt trời tự tại, tỏa ánh sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới. Trong ngàn thế giới như vậy, Ta được tự tại và cũng biết rõ chỗ này chỗ kia không có ngày đêm. Hơn nữa, Ta đã từng qua lại những nơi ấy, thậm chí qua lại rất nhiều lần. Này Phạm thiên! Có ba cõi trời là Quang thiên, Tịnh Quang thiên và Biến Tịrủi Quang thiên. Nếu ba cõi trời ấy thấy điều gì, biết điều gì thì Ta cũng có biết, có thấy như vậy. Này Phạm thiên! Có những điều ba cõi trời đó không biết, không thấy, nhưng riêng Ta lại có biết, có thấy. Này Phạm thiên, những gì mà ba cõi trời ấy và các quyến thuộc có biết, có thấy thì Ta cũng có biết, có thay. Trái lại, những gì mà ba cõi trời ấy và các quyến thuộc không biết, không thấy thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Này Phạm thiên! Những gì ông biết, ông thấy thì Ta cũng biết, cũng thấy như vậy. Những gì mà ông không biết, không thấy thì riêng Ta vẫn biết, vẫn thấy. Những gì mà ông và quyên thuộc của ông có biêt, có thây thì Ta cũng có biết, có thấy. Những gì mà ông và quyên thuộc của ông không biết, không thấy thì riêng Ta vẫn biết, vẫn thấy. Này Phạm thiên! Ông không thể sánh bằng Ta về mọi mặt, cũng không thể sánh bằng Ta về trí thấy biết tường tận. Đối với ông, Ta là tối thượng, tối thắng. [0548b01] Khi ấy, Phạm thiên thưa Thế Tôn: -Này Đại Tiên nhân! Do đâu mà có việc ba cõi trời kia có biết, có thấy thì ông cũng có biêt, có thấy? Nếu ba cõi trời kia không biết, không thấy thì riêng

6 Bát sự gồm: đất, nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên pathavī, ãpa, tejo, vāyo, bhūtā, deva, Pajāpati, Brahmā. 7 Nguyên tác: Đại như ý túc .

Ông vẫn có biết, có thấy? Nếu ba cõi trời kia và quyến thuộc có biết, có thấy thì ông cũng có biết, có thay? Nếu ba cõi trời kia và quyến thuộc không biết, không thấy thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Nếu ta biết, ta thấy gì thì ông cũng biết, cũng thây như vậy; nếu ta không biết, không thấy thì riêng ông vẫn có biết, có thấy; nếu ta và quyến

thuộc có biết, có thấy gì thì ông cũng có biết, có thấy như vậy; nêu ta và quyến thuộc không biết, không thấy thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Đại Tiên nhân, đây không phải là lời nói thân tình chăng? Khi hỏi xong, không biết có làm tăng thêm sự ngu si chăng? Vì sao như vậy? Vì thức tuy vô hình8 nhưng biết vô lượng, thấy vô lượng và phân biệt vô lượng. Còn ta thì chỉ biết rõ từng trường hợp, đó là, đất thì biết là đất, nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên thì biết là Phạm thiên. Bấy giờ, đức Phật bảo: —Này Phạm thiên! Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với đất mà nghĩ tưởng về đất rằng: :Bất là ta, đất là của ta, ta thuộc về dất." Khi vị ấy đã chấp đất là ta tức không biết rõ về đất. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Sanh chủ5 Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên và Tịnh thiên mà nghĩ tưởng về Tinh thiên rằng: "Tịnh thiên là ta, Tịnh thiên là của ta? ta thuộc về Tinh thiên.,, Khi đã chấp Tịnh thiên là ta thì vị ấy không biết rõ về Tịnh thiên. Này Phạm thiên! Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với đất mà biết là đất, "đất không phải là ta, đất không phải là của ta, ta không thuộc về dất." Do vị ấy không chấp đất là ta nên biết rõ về đất. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên và Tịnh thiên biết là Tịnh thiên, "Tịnh thiên không phải là ta, Tịnh thiên không phải của ta, ta không thuộc về Tịnh thiên,,, Do vị ấy không chấp Tinh thiên là ta nên biết rõ về Tinh thiên. Này Phạm thiên! Ta đối với đất thì biết là đất, đất chẳng phải là Ta, đất chẳng phải của Ta, Ta không thuộc về đất. Do Ta không chấp đất là Ta nên Ta biết rõ về đất. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Tinh thiên biết là Tịnh thiên, Tinh thiên chẳng phải là Ta, Tịnh thiên chẳng phải của Ta, Ta chẳng thuộc về Tịnh thiên. Do Ta không chấp Tịnh thiên là Ta nên Ta biết rõ về Tịnh thiên. Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Phật: Đại Tiên nhân! Chúng sanh này ai cũng ái trước hữu, ưa thích hữu, thân cận hữu. Chỉ có ông đã nhổ tận gốc rễ hữu. Vì sao như vậy? Vì ông là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

8 Nguyên tác: Thức vô lượng cảnh giới (Ệ).DĀ. 24 ghi: Thức vô hình, vô lượng tự hữu quang (.D. 11 và M 49 cho rằng: Thức không hiển hiện, vô biên và chiêu soi rực rỡ tất cả (yiññānam anidassanam anantam sabbato pabhaụì). Trong một sô trường hợp thuộc Kinh tạng Nikāya, 3 chữ tâm, ý và thức được sử dụng qua lại. Thức (yiññānā) trong trường hợp này cũng được hiểu như là tâm (citta). Tham chiếu: A. 1.51 - L 11: Pabhassaramỉdam, bhikkhave, cittam, tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkilittharn (Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng bị ô nhiêm bởi các cấu uế từ ngoài vào), HT. Thích Minh Châu dịch.

Phạm thiên liền nói kệ: 7 Với hữu thấy lo sợ, Không hữu chăng lo gì, Thế nên không tham hữu, Hữu dứt sạch chẳng nghi. [0548c04] Này Đại Tiên nhân! Nay tôi muốn ẩn thân. Đức Phật bảo: Này Phạm thiên! Nấu ông muốn ẩn thân thì cứ làm điều ông muốn. Phạm thiên liền ẩn thân ngay nơi đó. Phật liền thấy và bảo: Này Phạm thiên! ông ở chỗ kia, ông ở đây, ông ở giữa này! Lúc đó, Phạm thiên vận dụng hết sức thần thông, muốn ẩn thân mà không thể ẩn nên hiện trở lại giữa cõi trời Phạm thiên. Đức

Phật bảo: -Này Phạm thiên! Nay Ta cũng muốn ẩn thân. Phạm thiên thưa rang: Này Đại Tiên nhân! Nếu Ngài muốn ẩn thân thì cứ tùy ý. Lúc ấy, đức Phật nghĩ: "Nay Ta nên nhập chánh đinh rồi hiện các loại thần túc như: Phóng hào quang cực sáng, chiếu soi khắp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn thân trong đó, khiến cho các Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ta." Nghĩ xong, đức Phật nhập chánh định rồi hiện các loại thân túc như: Phóng hào quang cực sáng, chiêu soi kháp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn thân trong đó, khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Phật. Bấy giờ, Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên đều nghĩ rằng: C6Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là đặc thù! Ngài có thần thông lớn? có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai than lớn. Vì sao như vậy? Vì Ngài đã phóng hào quang cực sáng, chiếu soi khắp cõi trời Phạm thiên, rồi tự ẩn thân trong đó, khiến chúng ta và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hinh.” Lúc ấy, đức Phật lại nghĩ: "Ta đã cảm hóa các Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên. Nay Ta hãy thu hồi thần túc." Nghĩ xong, Ngài liền thu hồi thần túc, hiện ra giữa cõi trời Phạm thiên. Bấy giờ, Ma vương cũng xuất hiện hai, ba lần trong chúng Phạm thiên. Thấy vậy, Ma vương liền thưa Phật: Đại Tiên nhân, ông thật khéo thấy, khéo biết, khéo thông đạt, nhưng ông chớ nên giáo huấn, chớ nên dìu dắt đệ tử, cũng chớ nên nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc vào đệ tử. Vì nếu bị dính mắc vào đệ tử thì khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy sống vô vi, hưởng thọ an lành trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân! Vì tất cả những điều đó sẽ gây phiền phức vô ích cho mình. Này Đại Tiên nhân! Xưa kia có Sa-môn, Phạm chí giáo huấn đệ tử, răn dạy đệ tử, thuyết pháp cho đệ tử nghe, yêu mến và dính mắc đệ tử. Do vì luyến ái đệ tử mà khi qua đời, vị ấy đã sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc. Vì thế ta bảo ông chớ nên giáo huấn, dìu dắt đệ tử5 cũng chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc đệ tử. Vì nếu bị dính mắc vào đệ tử thì

khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy sống vô vi, hưởng thọ an lanh trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân, vì chúng sẽ gây phiền phức vô ích cho mình. [0549a07] Lúc đó, đức Phật bảo: Này Ma Ba-tuần! Ngươi chẳng phải vì mong cầu nghĩa lợi9 cho Ta, chẳng phải vì đem lợi ích cho Ta, chẳng phải vì đem đến niềm vui cho Ta, chẳng phải đem đến sự an ổn cho Ta mà nói: "Chớ nên giáo huấn, chớ nên dìu dắt đệ tử, cũng chớ nên nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc vào đệ tử. Vì nếu bi dính mắc vào đệ tử thì khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy sống vô vi, hưởng thọ an lành trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân, vì tất cả những điều đó sẽ gây phiền phức vô ích cho mình.,^ Này Ma Ba-tuân! Ta biêt ngươi đang nghĩ răng "Sa-môn Cù-đàm này nói pháp cho đệ tử nghe, sau khi nghe xong, các đệ tử ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của ta.” Này Ma Ba-tuần, vì thế nên ngươi nói với Ta: "Chớ nên giáo huấn, chớ nên dìu dắt đệ tử, cũng chớ nên nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc vào đệ tử. Vì nếu bị dính mắc vào đệ tử thì khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy song vô vi, hưởng thọ an lành trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân, vì tất cả những điều đó sẽ gây phiền phức vô ích cho minh." Này Ma Ba-tuần! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào đã giáo

huấn dìu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe và luyến ái đệ tử; vì luyến ái đệ tử mà khi qua đời, vị ây đã sanh vào nơi tháp kém, làm thân kỹ nhạc thì Sa-môn hay Phạm chí ây chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn9 chẳng phải Phạm chí mà tự xưng là Phạm chí, chăng phải A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, chăng phải Đăng Chánh Giác mà tự ximg là Đăng Chánh Giác. Này Ma Ba-tuần! Ta đúng là Sa-môn mới xưng là Sa-môn, đúng là Phạm chí mới xưng là Phạm chí, đúng là A-la-hán mới xưng là A-la-hán, đúng là bậc Đẳng Chánh Giác mới xưng là Đẳng Chánh Giác. Thế nên, nếu Ta có nói pháp hay không nói pháp cho đệ tử Ta nghe thì ngươi cũng hãy đi đi. Nay Ta tự biết nên nói pháp hay không nên nói pháp cho đệ tử nghe. Đó là sự thỉnh cầu của Phạm thiên, là sự chống đối của Ma Ba-tuần5 là sự tùy thuận thuyết pháp của Như Lai. Thế nên kinh này đặt tên là "Phạm thiên thỉnh Phậty Đức Phật dạy như vậy, Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: cầu nghĩa ,viết tắt của "cầu nghĩa cập nhiêu ích":Lợi lộc hữu ích. Pâli: Atthā, thường được sử dụng trong 2 nghĩa phô biên, tức "V nghĩa và ích lợi.,,

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đại thần Tiên Dư2 bảo người giúp việc: - Ông hãy đến chỗ Phật, thay ta đảnh lễ, cúi lạy chân Ngài rồi kính thăm hỏi: "Thánh thể Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chng?" Hãy nói như vầy: "Dại thần Tiên Dư kính lạy chân Phật, kính thăm hỏi Thánh thể Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chng?" Khi thăm hỏi Phật xong, ông hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà9 cũng thay ta cúi lạy chân Tôn giả, thăm hỏi Thánh thể Tôn giả có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Hãy thưa như vầy: "Dại thần Tiên Dư kính lễ Tôn giả A-na-luật-đà5 thăm hỏi Thánh thể Tôn giả có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Đại thần Tiên Dư cung thỉnh Tôn giả A-na-luật-đà5 tất cả bốn vị? sáng ngày mai cùng đến nhà thọ trai.” Nếu Tôn giả nhận lời thỉnh thì thưa thêm rằng: "Bạch Tôn giả A-na-luật-đà! Đại thần Tiên Dư rất bận việc, nào là việc vua sai, nào là phò tá cho các quan, kính mong Tôn giả vì lòng thương xót, vào sáng ngày mai, mời tất cả bốn vị cùng đến nhà đại thần Tiên Du." Lúc ấy, người giúp việc vâng lời đại thần Tiên Dư liền đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên và thưa: -Bạch đức Thế Tôn! Đại thần Tiên Dư kính lạy sát chân Phật, thăm hỏi Thánh thể Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Bấy giờ, đức Phật nói với người giúp việc: —Ta nguyện cho đại thần Tiên Dư được an ổn, hân hoan cũng như trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà, la-sát và tất cả các loài khác đều được an ổn9 hân hoan.

1 Nguyên tác: Hữu thắng thiên kỉnh r.01.0026.79.0549b03. Tham chiếu: M. Anuruddha Sutta Kinh A-na-luật. 2 Tiên Dư tài chủ :Vị quan trông coi về tài vật tên là Tiên Dư. Tiên Dư được phiên âm từ Isidatta; tài chủ được dịch nghĩa từ chữ thapatỉ. Thapati vừa có nghĩa là người thợ mộc, vừa có nghĩa là một vị đại

than. Theo M.127, Vua Ba-tư-nặc có 2 vị cận thân thapatayo tên là Isidatta và Purānā. Theo MĀ. 213, 2 vị cận thần trông coi tài vật của Vua Ba-tư-nặc tên là Tiên Dư , Isidatta và Túc Cựu ,Purāna.

524 KINH TRUNG A-HÀM

Khi ấy, người giúp việc nghe lời Phật dạy, khéo ghi nhớ, rồi cúi lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Sau đó, người giúp việc đi đến chô A-na-luật-đà, cúi lạy sát chân Tôn giả, ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Đại thần Tiên Dư kính lạy sát chân Tôn giả, thăm hỏi Thánh thể Tôn giả có được mạnh khỏe kh6ng? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bìrứi thường chăng? Đại thân Tiên Dư kính thỉnh Tôn giả A-na-luật-đà? mời tất cả bốn vi vào sáng ngày mai đến nhà đại thân thọ trai. [0549c03] Lúc ấy, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên3 đang tĩnh tọa cách Tôn giả A-na-luật-đà không xa, Tôn giả A-na-luật-đà liền nói: Hiền giả Chân Ca-chiên-diên! Tôi vừa nói ngày mai chúng ta đến Xá-vệ để khất thực, chính là nệhĩa này. Hôm nay, đại thần Tiên Dư sai người đến thỉnh bốn vị chúng ta cùng đên nhà ông ây thọ trai vào sáng ngày mai. Tôn giả Chân Ca-chiên-diên liền nói: -Mong Tôn giả A-na-luật-đà vì ông ấy mà im lặng nhận lời mời! Sáng ngày mai chúng ta sẽ ra khỏi khu rừng Ám4 này để vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giả A-na-luật-đà vì đại thần ấy mà im lặng nhận lời. Lúc đó5 biết Tôn giả A-na-luật-đà im lặng nhận lời rồi, người giúp việc lại thưa: -Đại thần Tiên Dư muốn thưa với Tôn giả A-na-luật-đà rằng, ông ấy rất bận việc, nào là việc vua sai, nào là phò tá cho các quan, kính mong Tôn giả vì lòng thương xót, cùng với ba vị nữa, sáng ngày mai hãy đến nhà đại thần Tiên Dư để thọ trai. Tôn giả A-na-luật-đà bảo người giúp việc: Ông hãy trở về, tôi tự biết thời! Lúc ấy, người giúp việc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi ra về. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Ton giảA-na-luật-đà, tất cả bốn vị5 đắp y om bát đi đến nhà đại thần Tiên Dư. Bấy giờ, đại thần Tiên Dư cùng với các thể nữ vây quanh, đứng ở giữa cửa đợi Tôn giả A-na-luật-đà. Đại thần Tiên Dư thấy Tôn giả A-na-luật-đà từ xa đi đến, liền chắp tay hướng về Tôn giả A-na-luật-đà? khen ngợi: Lành thay, Tôn giả A-na-luật-đà! Đã lâu rồi Ngài không đến đây! Lúc đỏ, đại thần Tiên Dư tỏ lòng cung kính, đưa tay dìu Tôn giả A-na-luật- đà vào trong nhà, thỉnh ngồi lên giường tốt đẹp đã trải sẵn. Tôn giả liền ngồi lên giường áy. Đại thần Tiên Dư cúi lạy sát chân Tôn giả A-na-luật-đà rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Tôn giảA-na-luật-đà! Con có điều muốn hỏi5 xin Ngài nghe cho.

3 Chân Cachiendi6n Sabhiya Kaccāna.

4 Ám lâm phiên âm từ Andhavana, khurừng nằm ở phía Nam thành Xá-vệ; cũng gọi An-đà lâm, An-hòa lâm, Đăc Nhãn lâm, Khai Nhãn lâm, Trú-an viên.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN 525

Tôn giả A-na-luật-đà nói: Này Tiên Dư!5 Tùy theo ông hỏi, nghe rồi tôi sẽ suy xét. Đại thần Tiên Dư liền hỏi: Thưa Tôn giả! Như có Sa-môn, Phạm chí nào đi đến chỗ con và bảo: "Này Tiên Dư! ông nên tu tâm giải thoát rộng lớn."6 Thưa Tôn giả, lại có Sa-môn9 Phạm chí đến chỗ con và bảo: "Này Tiên Dư! Ông nên tu tâm giải thoát vô lượng?97

Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Đối với hai tâm giải thoát trên, khác văn khác nghĩa, hay cùng nghĩa mà khác văn? [0550a05] Tôn giả A-na-luật-đà bảo: -Này Tiên Dư! Ong hỏi điêu này trước, vậy ông hãy tự trả lời trước, sau đó tôi sẽ trả lời. Nghe vậy, Tiên Dư liền thưa Tôn giả: Thưa Tôn giả A-na-luật-đa! Tâm giải thoát rộng lớn và tâm giải thoát vô lượng, hai tâm giải thoát này đồng nghĩa nhưng khác văn. Con không thể giải thích việc này. Tôn giả A-na-luật-đà dạy rằng: -Này Tiên Dư! Hãy lắng nghe, tôi sẽ giải thích về tâm giải thoát rộng lớn và tâm giải thoát vô lượng cho ông. Tâm giải thoát rộng lớn nghĩa là, nếu có Sa-môn9 hay Phạm chí nào ở nơi vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, nương nơi một cội cây, với tâm hướng đến tâm giải thoát rộng lớn phủ khắp rồi thành tựu và an trú, trong giới hạn ấy là tâm giải thoát, không thể vượt qua. Nêu không nương nơi một góc cây thì hãy nương nơi hai, ba góc cây, với tâm hướng đến tâm giải thoát rộng lớn phủ khắp rồi thành tựu và an tru, trong giới hạn ây là tâm giải thoát, không thê vượt qua. Nêu không nương nơi hai, ba góc cây thì hãy nương nơi một khu rừng. Nêu không nương vào một khu rừng thì hãy nương nơi hai, ba khu rừng. Nêu không nương nơi hai, ba khu rừng thì hãy nương nơi một thôn. Nếu không nương nơi một thôn thì hãy nương nơi hai, ba thôn. Nấu không nương hai, ba thôn thì hãy nương nơi một nước. Nếu không nương nơi một nước thì hãy nương nơi hai, ba nước. Nếu không nương hai, ba nước thì hãy nương vào nơi cõi đất rộng lớn này, cho đến nương nơi biển lớn, với tâm hướng đên tâm giải thoát rộng lớn phủ kháp roi thành tựu và an tru, trong giới hạn ấy là tâm giải thoát, không thể vượt qua. Đó gọi là tâm giải thoát rộng lớn. Này Tiên Dư! Thế nào là tâm giải thoát vô lượng? Nghĩa là, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi vắng vẻ5 hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm đi cùng

5 Nguyên tác: Tài chủ .Đe thuận theo nghĩa Việt nên thay chức vụ quan ưông coi kho bằng tên gọi Tiên Dư. 6 Đại tâm giải thoát Mahaggatā cetovimuttī.

7 Vô lượng tâm giải thoát ,Appamānā cetovimutti.

với lòng từ, phủ khắp một phương, thành tựu và an tru. Cứ như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cùng khắp mọi nơi, tâm đi cùng với lòng từ, không gây thù két oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, không hạn lượng, khéo tu tập, phủ khắp thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm đi cùng với bi, hỷ và xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, không hạn lượng, khéo tu tập, phủ khắp thế gian, thành tựu và an trú. Đó gọi là tâm giải thoát vô lượng. Này Tiên Dư! Như vậy, tâm giải thoát rộng lớn và tâm giải thoát vô lượng, hai tâm giải thoát này nghĩa khác, văn khác hay đồng nghĩa mà khác văn? [0550002] Đại thần Tiên Dư thưa: Thưa Tôn giả! Khi nghe Tôn giả giải thích thì con đã hiểu rõ, hai tâm giải thoát này nghĩa khác mà văn cũng khác. Tôn giả A-na-luật-đà bảo: -Này Tiên Dư! Có ba cõi trời là Quang thiên, Tịnh Quang thiên và Biến Tịnh Quang thiên. Trong đó, thiên chúng cõi Quang thiên cùng song một trú xứ nhưng không nghĩ rang: "Cái này là của ta, cái kia là của ta", vì thiên chúng cõi Quang thiên hễ trụ ở chỗ nào liền có niềm an vui nơi đó. Này Tiên Du, giống như con ruôi bám vào

miêng thịt, nó không nghĩ răng: "Cái này là của ta, cái kia là của ta”nhưng miếng thịt ở đâu thì con ruồi vui thích ở đó. Cũng vậy, thiên chúng cõi Quang thiên kia không nghĩ rằng: "Cái này là của ta, cái kia là của ta", vì thiên chúng cõi Quang thiên hễ trụ ở chỗ nào liền có niềm an vui nơi đó. Có lúc, thiên chúng cối Quang thiên nhóm họp một chỗ, thân hình tuy có khác nhưng ánh sáng thì không khác. Này Tiên Dư! Ví như có người thắp vô số ngọn đèn? đặt trong một ngôi nhà, những ngọn đèn kia tuy khác nhau nhưng ánh sáng thì không khác. Cũng vậy5 thiên chúng cõi Quang thiên ấy nhóm họp một chỗ, thân hình tuy có khác nhưng ánh sáng thì không khác. Có lúc, thiên chúng cõi Quang thiên đều tự tản mác mỗi nơi. Khi tản mác mỗi nơi thì thân hình của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác. Này Tiên Dư, giống như có người từ trong ngôi nhà đem ra nhiều cây đèn, phân chia cho các nhà. Những cây đèn đó sẽ ở những nơi khác nhau và ánh sáng cũng khác. Cũng vậy, thiên chúng cõi Quang thiên kia đều tự tản mác mỗi nơi. Khi họ tản mác mỗi nơi thì thân hình đã khác nên ánh sáng cũng khác. Bấy giờ, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên thưa: -Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Các vi Quang thiên kia cùng sống một trú xứ, có biêt được có sự hơn, băng, vi diệu hay không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Có thể nói thiên chúng cõi Quang thiên ấy cùng sông một trú xứ, biết rõ có sự hơn, bàng, vi diệu và không vi diệu.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN 527

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Các vi Quang thiên cùng sống một trú xứ, do nhân gì? duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiên giả Ca-chiên-diên! Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi văng vẻ? hoặc đên nơi yên tĩnh bên góc cây, nương bên góc cây ây, hướng tâm về Quang minh tưởng,8 thành tựu và an trú, tâm hướng về Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt qua chỗ đó. Nếu vị ấy không nương một gốc cây thì nương bên hai, ba gốc cây, hướng tâm về Quang minh tưởng, thành tựu và an trú, tâm hướng về Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Này Hiền giả Ca- chiên-diên! Giữa hai tâm giải thoát đó thì giải thoát nào là tối thượng, là tối thắng, là vi diệu, là tối cao? [0550c02] Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp: -Thưa Ton giả A-na-luật-đà! Nếu có Sa-mon hay Phạm chí nào không nương một gốc cây mà lại nương nơi hai, ba gốc cây, hướng tâm về Quang minh tưởng, thành tựu và an trú; hướng tâm vê Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Tôn giả A-na-luật- đà! Như vậy, giữa hai giải thoát ấy thì giải thoát này là tối thượng, là tối thắng, là vi diệu, là toi cao. Tôn giả A-na-luật-đà lại hỏi: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Nấu những vị ấy không nương nơi hai, ba gốc cây, mà nương nơi một khu rừng; nếu không nương nơi một khu rừng mà nương nơi hai, ba khu rừng; nếu không nương nơi hai, ba khu rừng mà nương nơi một thôn; nêu không nương nơi một thôn mà lại nương nơi hai, ba thôn; nêu không nương nơi hai, ba thôn mà lại nương nơi một nước; nếu không nương nơi một nước mà lại nương nơi hai, ba nước; nếu không nương nơi hai, ba nước mà lại nương nơi cõi đất rộng lớn này, cho đến nương nơi biển lớn, hướng tâm vê Quang minh tưởng, thành tựu và an trú; hướng tâm vê Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Hiền giả Ca-chiên-diên! Như vậy,

giữa hai giải thoát ấy, giải thoát nào là tối thượng, là tối thắng, là vi diệu, là tối cao?

8 Nguyên tác: Quang minh tưởng (Ālokasaññāni)^ tức là "tưởng ánh s9ng." Theo A. 7.6l - IV. 85 giải thích: Moggallāna, ālokasaññam manasi kareyyāsi, divāsaññarn adhitthaheyyāsi yathā divā tathā rattim yathā rattirn tathā divā. Iti vivatena [vivattena (syā.), middhavigatena (ka.)] cetasā apariyonaddhena sappabhāsam cittam bhāveyỵāsi. Thānam kho panetarn vijjati yarn te evam viharato tam rniddham pahīyetha. (Này Moggallāna, thầy hãy tác ý đến quang tưởng và an trú vào tưởng ban ngay. Như bân ngày, ban đêm cũng vạy. Như ban đêm, ban ngày cũng vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có hạn che. Sự kiện này có xảy ra, do thầy trú như vậy, thụy miên ay được đoạn diệt), HT. Thích Minh Châu dịch.

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp: -Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không nương nơi hai, ba gốc cây lại nương nơi một khu rừng; hoặc không nương nơi một khu rừng mà nương nơi hai, ba khu rừng; hoặc không nương nơi hai, ba khu rừng mà lại nương nơi một thôn; hoặc không nương nơi một thôn mà lại nương nơi một nước; hoặc không nương nơi một nước mà lại nương nơi hai, ba nước; hoặc không nương nơi hai, ba nước mà lại nương nơi cõi đất rộng lớn này, cho đến nương nơi biển lớn, hướng tâm về Quang minh tưởng, thành tựu và an tru; hướng tâm về Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Như vậy, giữa hai giải thoát ấy5 giải thoát này là tối thượng, là tôi thăng, là vi diệu, là tôi cao. Tôn giả A-na-luật-đà bảo: Hiền giả Ca-chiên-diên! Do nhân này, duyên này mà thiên chúng cõi Quang thiên cùng sống một trú xứ, nhưng biết rõ có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao như vậy? Vì do tâm người có hơn, có bằng nên việc tu tập liền có thô có tế. Do vì tu tập có thô có tế nên được thân người thì có hơn, có bằng. Hơn nữa, đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người thì có hơn, có bằng. [0551a01] Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: -Này Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng ở cõi Tịnh Quang thiên kia cùng sống một tru xứ, biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Có thể nói, thiên chúng cõi Tịnh Quang thiên cùng sống một tru xứ, biết rõ có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng cõi Tinh Quang thiên cùng sống một trú xứ, do nhân gì duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Này Hiên giả Ca-chiên-diên! Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi văng vẻ, hoặc đên nơi yên tĩnh bên góc cây, tâm ý hướng vê và phủ kháp Tinh Quang thiên rồi thành tựu và an tru. Với định này? vị ấy không tu, không tập, không làm cho rộng khắp, không thành tựu rốt ráo. Sau khi vị đó qua đời liền sanh lên cõi trời Tịnh Quang. Sau khi sanh lên, vị ấy không được sự an tịnh9 cao nhất, không được sự tịch tĩnh cao nhất, cũng không được sống trọn tuổi thọ. Hiên giả Ca-chiên-diên! Ví như hoa sen xanh, sen hông, sen đỏ và sen trăng đều sanh trưởng ở dưới nước. Khi ấy, rễ, cọng, lá, hoa, tất cả đều bị thấm nước, ngập nước, không chỗ nào mà không thấm. Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như

9 Nguyên tác: Chỉ tức upasamă'. An tịnh, tĩnh chỉ, bình an, trầm lặng; cũng được viết là "ninh tĩnlfXW.

vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về và phủ khắp Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Với định này, vị ấy không tu, không tập, không làm cho rộng khắp, không thành tựu rốt ráo. Sau khi vi đó qua đời liền sanh lên cõi trời Tinh Quang. Sau khi sanh lên, vị ấy không được sự khinh an cao nhất, không được sự tịch tĩnh cao nhất, cũng không được sống trọn tuổi thọ. Này Hiên giả Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn hay Phạm chí nào với tâm ý hướng ve và phủ khắp Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an tru. Với định này, vị ấy thường tu, thường tập, thường làm cho rộng khắp, được thành tựu rốt ráo. Vị ấy sau khi qua đời, sẽ được sanh lên cõi trời Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, vị ây sẽ được sự khinh an cao nhát, được sự tịch tĩnh cao nhát, cũng được sông trọn tuôi thọ. Hiên giả Ca-chiên-diên! Ví như hoa sen xanh, sen hông, sen đỏ và sen trắng sanh trưởng từ trong nước, ngoi lên khỏi mặt nước nên nước không the tham ướt được. Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chỗ vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về và phủ khắp Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Với định này, vi ấy thường tu, thường tập, thường làm cho rộng khắp, thành tựu rốt ráo. Vị ấy sau khi qua đời, sẽ được sanh lên cõi trời Tinh Quang. Khi đã sanh lên, vị ấy sẽ được sự khinh an cao nhất, được sự tịch tĩnh cao nhất, cũng được sống trọn tuổi thọ. [055lb0l] Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Do nhân này, duyên này mà thiên chúng cõi trời Tịnh Quang cùng sông một trú xứ, biêt được có hơn, có băng, vi diệu hay không vi diệu. Vì sao như vậy? Vì do tâm người có hơn, có bằng nên sự tu tập có thô có tế. Do sự tu tập có thô có tế nên khi làm người thì có hơn, có bằng. Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người thì có hơn, có bang. Tôn giả Ca-chiên-diên lại hỏi: -Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng cõi trời Biến Tịnh Quang cùng sống một trú xứ, biết rõ có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Có thể nói, thiên chúng ở cõi trời Biến Tịnh Quang cùng sống một trú xứ, biết được có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng cõi trời Biến Tinh Quang sống cùng một trú xứ? do nhân gì, duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chỗ vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ khắp Biên

Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Vi ấy không dứt hẳn hôn trầm, không khéo chấm dứt trạo hối. Sau khi vị ấy qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ấy không được sáng tỏ. Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Ví như ngọn đèn sáng là nhờ dầu và tim, nếu dầu có cặn, tim lại không sạch thì ánh sáng của ngọn đèn sẽ không sáng tỏ. Hiền giả Ca-chiên- diên! Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chỗ vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ

khắp Biến Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an tru. Vị ấy không dứt hẳn hôn trầm, không khéo cham dứt trạo hối. Sau khi vị ấy qua dòi, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ấy không được sáng tỏ. Hiên giả Ca-chiên-diên5 lại có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chô văng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ khắp Biến Tịnh Quang thiên roi thành tựu và an trú. Vi ây đoạn dứt hôn trâm, khéo châm dứt trạo hôi. Sau khi vị ấy qua dòi, được sanh lên cõi trời Biến Tinh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ây rát sáng tỏ. Giông như ngọn đèn sáng là nhờ có dâu và tim. Nếu dầu không cặn, tim lại rất sạch thì ánh của ngọn đèn sẽ tỏa ra cực sáng. Hiên giả Ca-chiên-diên! Cũng như vậy, nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chô vắng vẻ? hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ khắp Biến Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Vị ấy đoạn dứt hôn trầm, khéo chấm dứt trạo hoi. Sau khi vị ấy qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ấy rất sáng tỏ. [055lc02] Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Do nhân ấy, duyên ấy mà thiên chúng cõi trời Biến Tịnh Quang sống cùng một trú xứ mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu này. Vì sao như vậy? Vì do tâm người có hơn, có bang nên khi tu tập có thô có tế. Do tu tập có thô có tế nên được làm người thì có hơn, có bằng. Hiền giả Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người thì có hơn, có bằng. Bấy giờ, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên khen đại thần Tiên Dư: Lành thay, lành thay! Này Tiên Dư! Ông đã làm nhiều lợi ích cho chúng tôi. Vì sao như vậy? Vì ban đầu ông hỏi Tôn giả A-na-luật-đà về sự thù thắng của cõi trời mà chúng tôi chưa từng nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói ý nghĩa đó. Tức là về cõi trời kia, có thiên chúng đó, thiên chúng sống ở đó như vậy. Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà bảo: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Còn có nhiều cõi trời khác nữa. Nơi đó5 dù mặt trời, mặt trăng này có thần túc lớn, có uy đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn như vậy, nhưng ánh sáng không sánh bằng với ánh sáng của cõi trời kia. Các vi trời kia đã cùng tôi gặp gỡ9 cùng tôi thăm hỏi, cùng tôi bàn luận và cũng có những hỏi đáp. Thế nhưng tôi không nói về những việc đó mà chỉ nói về cõi trời kia, có thiên chúng đó9 thiên chúng sống ở cõi đó như vậy.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN 531

Bấy giờ, đại thần Tiên Dư biết Tôn giả A-na-luật-đà đã nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự đi lấy nước rửa, tự tay dâng cúng thức ăn, đem đủ các món ngon dâng lên Tôn giả A-na-luật-đà, mong ngài thọ thực no đủ. Sau khi thọ trai, thu dọn bát và lấy nước rửa tay xong, Tiên Dư lấy một chiếc ghế, ngồi riêng bên cạnh để nghe pháp. Khi đã ngồi xong, Tôn giả A-na-luật-đà thuyết giảng các pháp cho Tiên Dư nghe, mở bày, chỉ dạy, ktdch lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Tiên Dư, đã mở bày, chỉ dạy, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Tôn giả liền rời tòa ra về. Tôn giả A-na-luật-đà thuyết giảng như vậy, đại thần Tiên Dư và các Tỳ- kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

80. KINH CA-HY-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả A-na-luật-đà2 cũng ở tại nước Xá-ve, trong hang núi Ta-la-la.3 Lúc ấy, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả

A-na-luật-đà đắp y, om bát vào thành Xá-vệ khất thực. Vào buổi sáng đó, Tôn giả A-nan cũng đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. [0552a03] Tôn giả A-na-luật-đà trông thấy Tôn giảA-nan cũng đi khất thực, lúc gặp nhau, Tôn giả nói: Hiền giả A-nan biết cho, ba y vải thô của tôi đã rách hết. Hiền giả có thể nhờ các Tỳ-kheo may y giúp tôi chăng? Tôn giả A-nan im lặng nhận lời giúp Tôn giả A-na-luật-đà. Bấy giờ, sau khi vào thành Xá-vệ khất thực và thọ thực xong, sau buổi trưa, Tôn giả A-nan cất y bát, rửa tay chân, lây tọa cụ vát trên vai, tay câm chìa khóa đến khắp các phòng, gặp các Tỳ-kheo thưa rằng: Thưa các thầy! Hôm nay xin hãy đến hang núi Ta-la-la may y giúp cho Tôn giả A-na-luật-đà. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan, thảy đều đến hang núi Ta-la-la may y giúp cho Tôn giả A-na-luật-đà. Lúc ây, đức Phật trông thây Tôn giả A-nan tay câm chìa khóa đên khăp các phòng, thay vậy, Ngài hỏi: Này A-nan! Thầy vì việc gì mà tay cầm chìa khóa đến khắp các phòng? Tôn giả A-nan bạch: - Bạch Thế Tôn! Hôm nay con đến nhờ các thầy Tỳ-kheo may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

1 Nguyên tác: Ca-hy-na kinh roi. 0026.80. 0551c26. Ca-hy-na Katthina cũng được phiên âm là Ca-thi-ca ,dịch nghĩa là "Y công đức,5 . 2 A-na-luật-đà Anuruddha còn được viết: Ạ-ni-luật-đà A-ni-lô-đà ,A-lâù-đà ,Ã-nan-luật ,A-lâu-đà . 3 Sa-la-la Nham sơn .Theo M. 128, địa danh đức Phật ghé thăm Tôn giả Anuruddha có tên là Pācīnavamsadāya. Theo s. II. 190, Pācīnavamsa là một tên gọi khác của núi Tỳ-phú-la Vepulla ở thành Vương Xá. Kinh ghi: Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, núi Vèpulla này được biêt với tên là Pācīnavamsa. Lúc bấy giờ, dân chúng được biết với tên là Tivarã. Này các Tỷ-kheq, dân chúng Tivarã có tuổi thọ đến 40.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivarâ phai bốn ngày để leo lên núi Pācīnavamsa, phải 4 ngày để leo xuống HT. Thích Minh Châu dịch.

534 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật bảo: Này A-nan! Tại sao thầy không thỉnh Như Lai cùng giúp may y cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà? Khi ấy, Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng về đức Phật, bạch rằng: Cúi mong Thế Tôn hãy đến hang núi Ta-la-la giúp may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Đức Phật im lặng nhận lời Tôn giả A-nan. Bấy giờ, đức Phật cùng Tôn giả A-nan đến hang núi Ta-la-la, trải tòa ngồi trước chúng Ty-kheo. Khi ấy, trong hang núi Ta-la-la có đến tám trăm Ty-kheo cung với Phật ngồi may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Lúc này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong hội chúng. Bấy giờ, đức Phật bảo: Này Mục-kiền-liên! Ta có thể vì A-na-luật-đà trải rộng tấm vải này ra, cắt rọc rồi may lại thành y. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai bên phải, chắp tay hướng Phật và bạch: -Cúi mong đức Thế Tôn vì Hiền giả A-na-luật-đà mà trải rộng tấm vải? các Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc, khâu vá và may lại thành y. [0552b01] Bấy giờ, đức Phật liền vì Tôn giả A-na-luật-đà, trải rộng tấm vải, các Tỳ-kheo cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy, chư vi đã may xong cho Tôn giả A-na-luật-đà ba y. Đức Phật biêt ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liên bảo răng: -Này A-na-luật-đà! Thây hãy nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe, Như Lai đau lưng, muốn nghỉ một lúc. Tôn giả A-na-luật-đà bạch: -Xin vâng, bạch

Thế Tôn! Khi ấy? đức Phật xếp y uất-đa-la-tăng thành bốn lớp rồi trải trên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng mình bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, khởi Quang minh tưởng/ giữ chánh niệm tỉnh giác và thường nghĩ đến việc thức dậy. Lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Trước kia, lúc tôi chưa xuất gia học đạo, đã nhàm chán cảnh sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, buồn tủi, lo lắng, muốn đoạn trừ khoi đau khổ lớn này. Này chư Hiền! Khi đã nhàm chán, tôi quán sát như vầy: "Đời sống tại gia hết sức chật hẹp, là chốn nhiễm ô phiền não, xuất gia học đạo thì rộng rãi thênh thang. Nay ta sống đời tại gia luôn bị trói buộc trong xiềng xích, không được trọn đời tu các Phạm hạnh. Ta nên từ bỏ một ít tài vật và nhiều*

4 Quang minh tưởng .Xem chú thích 8, kinh số 79, tr. 527.

tài vật, từ bỏ một số thân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học Này chư Hiền! Sau đó tôi đã từ bỏ một ít tài vật và nhiều tài vật, từ bỏ một so thân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này chư Hiền! Khi tôi đã xuất gia học đạo, từ bỏ dòng họ rồi, thọ giới Tỳ-kheo, thực hành giới câm, giữ gìn giới giải thoát. Tôi lại khéo nhiếp phục các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng ôm lòng lo sợ, liền thọ trì học giới. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa giết hại, đoạn trừ sự giết hại, quăng bỏ dao gậy, biết xấu hổ? biết tự thẹn, có tâm từ bi5 làm lợi ích cho tất cả, dù là loài côn trùng nhỏ nhặt. Đoi với việc sát sanh, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa trộm cướp, đoạn trừ việc trộm cướp, được cho mới lấy, vui nhận những gì được cho, thường ưa bố thí? tâm luôn hoan hỷ, không keo kiệt, không mong cầu báo đáp. Đối với việc trộm cướp, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng năng tu Phạm hạnh, tinh cần trong diệu hạnh, trong sạch không ô uế, lìa dục và đoạn dâm. Đối với việc phi Phạm hạnh, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa nói dối? đoạn trừ nói dối, nói lời chân thật, ưa thích chân thật, an trụ, noi chân thật, không thay đổi lời nói,5 tất cả có thể tin theo, không dối gạt thế gian. Đối với việc nói dối, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nói hai chiều, dứt trừ việc nói hai chiều, thực hành không nói hai chiều, không phá hoại người khác, không đem lời người này nói với người kia để phá hoại người này, không đem lời người kia nói với người này để phá hoại người kia, với người chia rẽ thì làm cho hòa hợp, với người hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không kết bè lập đảng, không ham thích bè đảng, không khen ngợi bè đảng. Đối với việc nói hai chiều, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có lời nói mà ngôn từ thô ác, hung hăng, nặng nề? trái tai, mọi người không vui, mọi người không mến, khiến cho người khác khổ não, không được an định thì tôi đoạn trừ những lời nói như vậy. Nêu có lời nói trong trẻo, hòa thuận, mem mỏng, xuôi tai, đáng vui, đáng mến, khiến cho người khác an lạc, ngôn từ đay đủ? rõ ràng, không làm người sợ hãi, khiến họ được an định thì tôi nói lời ây. Đối với việc nói lời thô ác, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt5 nói lời hợp thời, lời chân thật,

đúng pháp, đúng nghĩa, lời nhẹ nhàng6 và ưa nói lời nhẹ

5 Nguyên tác: Bất di động . 6 Nguyên tác: Chỉ tức upasamă'. An tịnh, tĩnh chỉ, bình an, trầm lặng. Xem chú thích 9, kinh số 79, ư. 528.

nhàng, hợp theo việc, hợp theo thời, khéo léo dạy dỗ, khéo léo quở trách. Đối với việc nói lời thêu dệt, tôi đã trừ sạch tâm ấy. [0552C13] Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc mua bán/ đoạn trừ việc mua bán, buông bỏ dụng cụ đo lường như cái đấu, cái hộc, không nhận lãnh hàng hóa, không ép giá người khác, không đong lường gian dối, không vì lợi nhỏ mà dối gạt hại người. Đối với việc mua bán, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc tiếp nhận góa phụ, thiếu nữ; đoạn trừ việc tiếp nhận góa phụ, thiếu nữ. Đối với việc tiếp nhận góa phụ, thiếu nữ; tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận nuôi tôi tớ, đoạn trừ việc nhận nuôi tôi tớ. Đối với việc nhận nuôi tôi tớ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê; đoạn trừ việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê. Đoi với việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê; tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh gà, heo; đoạn trừ việc nhận lãnh gà, heo. Đối với việc nhận lãnh gà, heo; tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã lìa việc nhận lãnh ruộng vườn, lầu đài; đoạn trừ việc nhận lãnh ruộng vườn, lầu đài. Đối với việc nhận lãnh ruộng vườn, lầu gác; tôi đã trừ sạch tam ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh hia, mì, đậu sống; đoạn trừ việc nhận lãnh lúa, mì? đậu sống. Đối với tâm nhận lãnh lúa, mì, đậu sống; tôi đã trừ sạch. eA e r Này chư Hiên! Tôi đã xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Đôi với việc uông rượu, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiên! Tôi đã xa lìa việc năm giường cao rộng, đoạn trừ việc năm giường cao rộng. Đối với việc nằm giường cao rộng, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiên! Tôi đã lìa bỏ tràng hoa, chuôi ngọc, xoa hương, phân sáp; đoạn trừ tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp. Đối với việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc ca múa, xướng hát, cho đến xem nghe; đoạn trừ việc ca múa, xướng hát, cho đến xem nghe. Đối với việc ca múa, xướng hát, cho đến xem nghe, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiên! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh vàng bạc, của báu; đoạn trừ việc nhận lãnh vàng bạc, của báu. Đối với việc nhận lãnh vàng bạc, của báu; tôi đã trừ sạch tâm ấy.*

7 Nguyên tac^In sanh Kinh doanh mua bán, lo cho gia nghiệp .Pali: Vanijjā thương mại,.

Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc ăn quá giờ ngọ, đoạn trừ việc ăn quá giờ ngọ, chỉ ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời. Đối với việc ăn quá giờ ngọ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. [0553a06] Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này rồi, lại học theo hạnh biết đủ, áo vừa đủ che thân, ăn chỉ nhằm nuôi mạng, đi đến đâu đều mang theo y bát, ra đi không luyến nhớ, giống như chim ưng dang rộng đôi cánh bay lượn giữa hư không. Này chư Hiền! Tôi cũng vậy, đi đến đâu đều mang theo y bát, ra đi không luyến nhớ. Này chư Hiền! Khi tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này và luôn sống biết đủ, lại tu

tập phòng hộ các căn, thường nghĩ đến việc đóng chặt các căn; lòng mong tỏ ngộ nên phải phòng hộ và giữ tâm trong chánh niệm thì mới mong thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác, khi mắt thấy sắc nhưng không vướng mắc vào tướng của sắc, không đam nhiễm vào vi8 của sắc, vì ngăn ngừa tranh giành và oán giận nên giữ gìn nhãn căn. Giữ gìn nhãn căn là để trong tâm không sanh ra tham muốn,9 ưu não và các pháp xấu ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Với tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Ý nhận biết các pháp nhưng không vướng mắc vào tướng các pháp, cũng không bi đắm nhiễm vào vị của các pháp, vì ngăn ngừa tranh giành và oán giận nên giữ gìn ý căn. Giữ gìn ý căn là đê trong tâm không sanh tham muôn, ưu não và các pháp xâu ác? bát thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn ý căn. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này rồi và luôn sống biết đủ, gìn giữ các căn, tôi lại tu tập tỉnh giác trong mọi hành động, cử chỉ; khéo léo quán sát, phân biệt, co duỗi, cúi ngước, dung mạo khoan thai,10 khi đắp y Tăng-già-lê, khi mang y bát; khi di, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng hay im lăng,... tôi đều tỉnh giác. Này chư Hiền! Khi tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này rồi và luôn sống biết đủ? gìn giữ các căn, tỉnh giác trong mọi hành động, cử chỉ; tôi lại sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi yên vắng, hoặc bên gốc cây, nơi yên tĩnh, hoặc trong hang núi, hoặc chỗ đất trống, hoặc ở giữa đồng, hoặc ở trong rừng, hoặc bãi tha ma. Này chư Hiền! Khi tôi đã đến nơi vô SỊT, hoặc bên gốc cây, nơi yên vắng, trải ni-sư-đàn9 ngồi kiếtgià, thân tâm ngay thẳng, quán niệm bên trong, không hướng ra ngoài,11 đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt; thấy tài sản, vật dụng sinh hoạt của người khác không khởi lòng tham mong chúng thuộc về mình. Đôi với tham lam, tôi đã trừ sạch tâm ây.

8 Nguyên tác: Vị .Pali: Assãda mùi vị, sự thỏa thích. 9 Nguyên tác: Tham tứ ,abhijjhā. Xem chú thích 2, kinh số 15, tr. 84 và chú thích 3, kinh số 75, tr. 497. 10 Nguyên tác: Nghi dung tường tự .Tường tự 6 nghĩa là khoan thai, điềm tĩnh . Tham chiếu: Đại Đường Tây Vúc ký 51. 2087.7. 0907c09: Tăng chúng trang nghiêm, oai nghi điềm tĩnh . 11 Nguyên tác: Phản niệm bất hướng còn được viết là "he niệm tại tien^ , parimukharn satirn upatthapetvā: An trú chánh niệm ngay trước mặt.

Tôi cũng tu tập như vậy đối với sân hận, hôn trầm, trạo cử, dứt hẳn nghi ngờ, vượt khỏi mê hoặc, đối với các pháp lành không còn do dự. Đoi với nghi ngờ, mê hoặc, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã trừ sạch năm loại ngăn che,12 những thứ khiến tâm ô uế, khiến tuệ yếu kém. Tôi lìa bỏ tham dục, lìa bỏ các pháp ác, bất thiện,... cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an tru. [0553b04] Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm đinh như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô, không phiền não, nhu hòa, khéo an trụ, được tâm bất động,12 13 tôi tu tập và tác chứng các thần thông như ý.14 Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu vô số thần thông như y, đó là từ một thân phân ra thành nhiều thân, từ nhiều thân hợp lại thành một thân; muốn một thân thì hiện một thân, có thấy có biết, xuyên qua tường vách không chướng ngại, như đi giữa hư không; ẩn xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đát; ngôi kiêt-già mà bay lên hư không

giống như chim bay. Ngay như mặt trời, mặt trăng này có sức mạnh lớn, CÓ oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thân lớn nhưng tôi có thê dùng tay chạm đến, vì thân tôi cao đến Phạm thiên. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm đinh như vậy, thanh tinh không nhiễm 6, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Thiên nhĩ thông.15 Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhĩ nghe âm thanh của loài người và phi nhân, gần xa, tuyệt diệu và không tuyệt diệu. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Tha tâm thông.16 Này chư Hiền! Những gì mà chúng sanh khác suy nghĩ, hành động, tôi dùng tha tâm trí mà biết rõ như thật về tâm của họ. Tâm có tham muôn thì biêt rõ như thật tâm có tham muôn, tâm không tham muôn thì biết rõ như thật tâm không tham muốn; tâm có sân hận hay không có sân hận, có si mê hay không có si mê, nhiễm ô hay thanh tịnh, hòa hợp hay tán loạn, cao cả hay thấp hèn, rộng lớn hay bé nhỏ, có tu hay không tu, có định tĩnh hay không định tĩnh; tâm không giải thoát thì biết rõ như thật tâm không giải thoát; tâm giải thoát thì biết rõ như thật tâm giải thoát. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm đinh như vậy, thanh tinh không nhiễm 6, không phiền não, nhu hòa, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Túc mạng thông.17 Này chư Hiền! Có bao nhiêu hạnh nghiệp thì có

12 Nguyên tác: Ngũ cái E,pcừíccỉ nīvaranā, bao gồm: tham dục ,kāmarāga, sân khuê , vyãpādà, thụy miên ÌÊ0R, thinamiddhā, trạo cử ,uddhaccă và nghi ,vicikicchā. 13 Nguyên tác: Đắc bất động tâm :Thành tựu Tứ vô sắc định . 14 Như ý túc .SĀ. 503 ghi là "dại thần thông Ẹrc". 15 Nguyên tác: Thiên nhĩ trí thông . 16 Nguyên tác: Tha tâm trí thông . 17 Nguyên tác: Túc mạng trí thông .

bấy nhiêu tướng mạo. Tôi nhớ lại vô số kiếp sống khi xưa đã trải qua, từ một đời? hai đời, trăm đời, ngàntòi, kiếp thành, kiếp hoại, vô số kiếp thành hoại, chúng sanh đó tên ấy, đã trải qua những việc thế này, đã từng sanh ra nơi đó5 với dòng họ như vậy, tên gọi như vậy9 sinh sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ ở đời như vậy, kết thúc thọ mạng như vậy, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây; tôi sanh chỗ này, dòng họ như vậy, tên gọi như vậy, sinh sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ ở đời như vậy, kết thúc thọ mạng như vậy. [0553c01] Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Thiên nhãn thông.18 Này chư Hiền! Tôi dùng thiên nhãn thanh tinh nhìn xa hơn người, thấy chúng sanh này từ khi sanh ra đến lúc chết đi, dung sắc đẹp hay xấu, mỹ miều hay không mỹ miều, qua lại cõi lành hay cõi ác, tùy nghiệp của chúng sanh ấy tạo tác mà thay đúng như thật. Nếu chúng sanh này thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, kết thành nghiệp tà kiến thì do nhân duyên này, chúng sanh ấy sau khi qua đời chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về

miệng, diệu hạnh về ý? không hủy báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến thì do nhân duyên này, chúng sanh ấy sau khi qua đời chắc chắn được sanh vào cõi lành, sanh lên cối trời. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô? không phiền não9 nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Lậu tận thông. Này chư Hiền, toi biết như thật đây là khổ, biết như thật đay là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đay là con đường diệt khổ. Tôi biết phiền não, biết nguyên nhân của phiền não, biết phiền não diệt, biết con đường diệt trừ phiền não. Biết như vậy, thấy như vậy nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và tâm giải thoát khỏi vô minh lậu; khi giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này chư Hiền! Nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, phá giới, giới bị sứt mẻ? giới bị xuyên thủng, giới bị nhiễm ô, giới bi lấm bẩn19 mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên nhà Vô thượng tuệ, lên lau gác Chánh Pháp thì điều này không bao giờ có. Này chư Hiền! Ví như cách thôn không xa có ngôi lầu gác, trong đó để một cái thang hoặc mười bậc, mười hai bậc; nếu có người đến cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nhưng nếu không

18 Nguyên tác: Sanh tử trí ,một cách gọi khác chỉ cho Thiên nhãn thông .
19 Nguyên tác: Phạm giới, phá giới, khuyết giới, xuyên giới, uế giới, hắc giới giả ,.Tham chiếu: A. 7.50 IV. 54: Brahrnacariyassa khandampi
chiddarnpi sabalampi kammãsampi đây gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bỉ điểm chấm, HT. Thích Minh Châu dịch.

leo lên bậc thang thứ nhất mà chỉ muốn leo lên bậc thứ hai thì không thể được; nếu không leo lên bậc thứ hai mà chỉ muốn leo bậc thứ ba, thứ tư thậm chí lên đến lầu gác cũng không thể được. Này chư Hiền! Cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, phá giới, giới bị sứt mẻ, giới bị xuyên thủng, giới bi ô uế, giới bị lấm bẩn mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên nhà trí tuệ vô thượng, lên lầu gác Chánh Pháp là điều không bao giờ có. Này chư Hiền! Nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, không phá giới, giới không sứt mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bị ô uế, giới không bị lấm bẩn mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên y r r y nhà trí tuệ vô thượng, lên lâu gác Chánh Pháp thì chác chăn có điêu đó. Này chư Hiền, như cách thôn này không xa, có ngôi lầu gác, trong đó để một cái thang hoặc có mười bậc hay mười hai bậc, nêu có người đên câu xin, muôn được leo lên nhà gác đó thì khi đã leo lên bậc thứ nhất của thang ấy, rồi muốn leo lên bậc thứ hai thì chác chăn sẽ leo r được; nêur đãy leo lên bậc thứ r hai, r roi muôn leo bậc thứ ba, bậc thứ tư cho đên leo lên đên lâu gác thì chác chăn sẽ leo được. Này chư Hiền! Cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, không phá giới, giới không sứt mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bị nhiễm ô, giới không bị lấm bẩn mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên nhà vô thượng tuệ, lên lầu gác Chánh Pháp thì chắc chắn có điều đó. [0554a09] Này chư Hiên! Tôi nương tựa

nơi giới, an trụ nơi giới, lây giới làm thang leo lên nhà trí tuệ vô thượng, lên lầu gác Chánh Pháp, chỉ với một nỗ lực nhỏ20 nhưng vẫn thấy cả ngàn thế giới. Này chư Hiền! Như người có mắt ở trên lầu cao, chỉ với một nỗ lực nhỏ nhưng vẫn thấy khoảng đất trống phía dưới, roi thây cả ngàn ụ đát. Này chư Hiên! Tôi cũng như vậy, nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang leo lên nhà trí tuệ vô thượng, lên lầu gác Chánh Pháp, với nỗ lực nhỏ nhimg vẫn thấy cả ngàn thế giới. Này chư Hiên! Như con voi lớn của nhà vua, cao từ bảy cho đên gân tám khuỷu tay rồi lấy lá cây đa-la mà che đậy cả thân voi;21 cũng như tôi luôn che đậy sáu phép than thông này.22

20 Nguyên tác: Dītieu phương tiên ."Phuong tiên"trong trường hợp này đồng nghĩa với "tiĩih tấn",vâyāma. " J J 21Nguyen tác: Nhươc vương đại tượng, hoặc hữu thất bảo, hoặc phục giảm bát, dĩ đa-la diệp phú chi ,.Từ quan trọng trong câu kinh này chính la "bảo" nguyên tác Pali của từ này viết là ratana. Ratana ngoài nia vua nêu còn mang nghĩa là đơn vị đo chiêu dài thời xưa, bằng khoảng một cánh tay, từ cùi chỏ đến đầu ngón tay hatthă. Bổ trợ cho nghĩa này, Tạp.T.02. 0099.1144. 0302c13 ghi: Ví như voi báu của Chuyên Luân Thánh Vương cao 7, 8 khuỷu tay mà một chiếc lá đa-la có thê che phủ .Tương tự, S. 16.11 - II. 217 ghi: Sattaratanam vã, āvuso, nāgarh addhatthamaratanarh vā tālapattikāya chādetabbarh maññeyya, yo me cha abhiññā chādetabbam maññeyyā ^ti. Này Hiền giả, ai nghĩ răng có thể che đậy 6 thắng trí của ta được, thời không khác gì họ nghĩ rang có thể lấy một lá cây đa-la mà che đậy một con voi lớn đên 7 hay 8 khuỷu tay rưỡi bề cao, HT. Thích Minh Châu dịch. 22 Như ngã phú tàng ư thử lục thông .Cách diễn đạt của bản Hán khác với bản S. 16.11-11.217.

80. KINH CA-HY-NA 541

Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về các phép thần thông như ý9 nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Thiên nhĩ thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Tha tâm thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Túc mạng thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Thiên nhãn thông, nếu ai co điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Lậu tận thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Bây giờ, Tôn giả A-nan thưa: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Hôm nay, ở đây có tám trăm Tỳ-kheo và đức Như Lai ở giữa đại chúng, cùng ngồi trong hang núi Ta-la-la để may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc các phép thần thông như ý thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Thiên nhĩ thông thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Tha tâm thông thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Túc mạng thông thì xin cứ hỏi5 Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giảA-na-luật-đà, nếu

vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Thiên nhãn thong thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà? nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Lậu tận thông thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, chúng tôi23 đã dùng tâm biết được tâm của Tôn giảA-na-luật- đà9 đúng là Tôn giả A-na-luật-đà có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. [0554bl2] Bấy giờ, sự đau nhức của đức Phật đã thuyên giảm và an ổn, Ngài liền trở dậy, ngồi kiết-già. Sau khi ngồi, đức Phật đã khen ngợi Tôn giả A-na-luật-đà: -Lành thay, lành thay, A-na-luật-đà! Quả là lành thay! Thầy đã nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, thầy cần nên nói pháp Ca- hy-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà? thầy hãy thường xuyên nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe. Rồi đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Này Tỳ-kheo! Các thầy hãy vâng giữ pháp Ca-hy-ïia, đọc tụng và tu tập pháp Ca-hy-na và khéo giữ gìn pháp Ca-hy-na. Vì sao như vậy? Vì pháp Ca- hy-na cùng tương ưng với pháp, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến thần thông,

23 cần phải thấy rằng, để biết tâm của một bậc Thánh giả thì chỉ có những bậc Thánh giả. Tuy nhiên, trong thời điểm nêu trên, Tôn giả A-nan vẫn chưa thành tựu, quả vị A-la-hán. Vì vậy, cách dùng từ chúng tôi ở đây nhằm chỉ cho các Tỳ-kheo đã chứng đắc Thánh quả đang ở trong hội chúng.

đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu có người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì hãy nên dốc lòng thọ trì pháp Ca-hy-na9 khéo léo giữ gìn pháp Ca-hy-na. Vì sao như vậy? Vì Như Lai thấy trong quá khứ không có các Tỳ-kheo nào may y như đã làm cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Như Lai cũng thấy trong vị lai, hiện tại, không có các Tỳ-kheo nào may y như đã làm cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Vì sao như vậy? Vì hôm nay, có tám trăm Tỳ-kheo và Như Lai giữa đại chúng, cùng ngôi trong núi Ta-la-la đê may y cho Tôn giả A-na-luật- đà. Như vậy, Tỳ-kheo A-na-luật-đà có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.24

'3

24 Bản Hán, hết quyển 19.

81. KINH NIỆM THÂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến tru xứ Kiền-ni,2 ở làng A-hòa-na,3 thuộc nước Ương-kỳ.4 Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Thể Tôn đắp y ôm bát vào làng A-hòa-na khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xe trưa, Ngài thu dọn y bát, rửa sạch tay chân, vắt tọa cụ lên vai đi vào rừng, đến bên một gốc cây rồi trải tọa cụ ngồi kiết-già. Cũng thời gian ấy, số đông Tỳ-kheo sau giờ thọ thực đã nhóm họp tại giảng đường rồi cùng nhau bàn luận việc này: "Chu Hiền! Thế Tôn thật kỳ diệu, thật hy hữu! Pháp tu tập niệm thân5 được giải thích rộng rãi, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được giữ gìn và đoi tri tột cùng, làm cho sung mãn, khéo léo thực hành, an

tru nhất tâm. The Tôn tuyên bo niệm thân có phước quả lớn, mở con mắt pháp, thấy được đệ nhất nghĩa.9, Bấy giờ, từ nơi tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, đức Phật nghe các Tỳ-kheo sau giờ thọ thực nhóm họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: "Chu Hiền! Thế Tôn thật kỳ diệu, thật hy hữu! Pháp tu tập niệm thân được giải thích rộng rãi, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, làm cho sung mãn, khéo léo thực hành, an trú nhất tâm. Thế Tôn tuyên bố niệm thân có phước quả lớn, mở con mat pháp, thây đệ nhát nghĩa.,, Sau khi nghe như vậy, vào lúc xê chiều, đức Phật rời nơi tĩnh tọa đi đến giảng đường, trải toạ cụ rồi ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo: -Các thầy vừa cùng nhau bàn luận việc gì? Vì việc gì mà nhóm họp tại giảng đường này?

1 Quyển 20. Nguyên tác: Niệm thân kỉnh (01. 0026.81. 0554c 10). Tham chiếu: Niệm xứ kinh (r.01. 0026.98. 0582Ồ07); TdMg.(T.02. 0125.12.1. 0568a01); D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh đại niêm xứ); M 119, Kāyagatāsatisutta (Kinh thân hành mềm). 2 Kiền-ni (),tên của một vị đạo sĩ khổ hạnh (jatila) gọi là Keniya. Theo M. 92; Sn. 102-112, vị đạo sĩ này song ở thị tran Āpana. 3 A-hòa-na (hoặc viết)phiên âm từ chữ Āpana. Theo Phiên Phạn gg(T.54. 2130.8. 1035al2), Ạ-hòa-na ()là tên gọi một nơi buôn bán sầm uất ().Theo s. v. 225, Āpana là một thị trấn thuộc vương quôc Añga (Ương-kỳ). 4 ương-kỳ (,Añga). 5 Niệm thân (,Kāyagatāsati)'. Rõ biết, tỉnh giác với mọi hành động diễn ra nơi thân.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Sau giờ thọ thực, Tỳ-kheo chúng con nhóm họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: "Chu Hiền! Thế Tôn thật kỳ diệu, thật hy hữu! Pháp tu tập niệm thân được giải thích rộng rãi, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối tri tột cùng, làm cho sung mãn, khéo léo thực hành, an trú nhất tâm. Thế Tôn tuyên bố niệm thân có phước quả lớn, mở con mắt pháp, thấy đệ nhất nghĩa?9 Bạch Thế Tôn! Chúng con cùng nhau bàn luận vấn đề như trên, vì vấn đề này nên mới nhóm họp ở đây. [0555a06] Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: Ta đã nói về pháp tu tập niệm thân, được giải thích rộng rãi, được phước r quả báo như thê nào? Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: —Kính bạch Thê Tôn! Thê Tôn là cội nguôn cua giao pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thê Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật dạy: Các thầy hãy lắng nghe và hãy khéo suy nghi, Như Lai sẽ phân biệt nghĩa ây cho các thây! Các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo ấy, khi đi thì biết di, đứng thì biết đứng, ngồi thì biết ngồi, nằm thì biết nằm, ngủ thì biết ngủ, thức thì biết thức, thức dậy thì biết thức dậy. Như vậy5 tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vi ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy biết rõ6 khi ra vào, khéo quán sát, phân biệt khi co, duỗi, cúi,

ngước; dung mạo khoan thai, khoác Tăng-già-lê ngay ngắn, ôm bát chỉnh tề, đi đứng, ngồi nằm, ngủ thức, nói năng hay im lặng đều biết rõ. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm đê tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

6 Nguyên tác: Chánh tri , sampajānā'. Nhận biết rõ ràng, cụ thể.

81. KINH NIỆM THÂN 545

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, khi có niệm xấu ác, bất thiện sanh khởi, liền dùng niệm thiện pháp để đối tri, đoạn trừ, diệt sạch, an đinh.7 Như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng thẳng lên gỗ, rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi có niệm xấu ác, bất thiện sanh khởi, liền dùng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0555b02] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy dùng hai hàm răng ngậm khít lại, lưỡi an lên nóc họng, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Như hai lực sĩ tóm lấy một người gầy yếu xách đi khắp nơi, dễ dàng đấm đá. Cũng vậy, Tỳ-kheo dùng hai hàm răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên nóc họng, dùng tâm tri tâm, đoi trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra, thở vào dài thì biêt thở vào dài, thở ra dài thì biêt thở ra dài, thở vào ngăn thì biêt thở vào ngăn, thở ra ngan thì biết thở ra ngắn; cảm giác toàn thân, thở vào; cảm giác toàn thân, thở ra;8 cảm giác an tịnh thân hành, thở vào; cảm giác an tịnh thân hành, thở ra. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vi ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ây? có hỷ lạc do lìa dục sanh, thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do lìa dục sanh9 không đâu không có. Như người khéo biết tắm gội, lấy bột đậu10 bỏ vào trong chậu, hòa với nước rồi nhào nặn thành viên, nước thấm vào bột, thấm ướt hoàn toàn, không sót chỗ nào. Cũng vậy, Tỳ-kheo lìa dục, hỷ lạc

7 Trị đoạn diệt chỉ viết tắt của "tói trị, đoạn trừ, diệt chí” .Tham
chiêu: M. 20: Tassa dantebhidantamādhāya jivhāya tālurh ūhacca cetasā cittam abhinigganhato abhinippīlayato abhisantāpayato ye pāpakā akusalā vitakkā chandūpasarhhitāpi dosūpasamhitāpi mohūpasamhitāpi te pahīẏaritỉ te abbhattham

gacchanti Nhờ nghiến răng, dán chạt lưỡi len nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bát thiện tâm liên hệ đên dục, liên hệ đên sẩn, liên hệ đên si được trừ diệt, đi đến diệt vong, HT. Thích Minh Châu dịch. 8 MĀ. 98 ghi: hay theo bản Tống, Nguyên, Minh. 9 Nguyên tác: Ly sanh hỷ lạc :Thể nhập cảnh giới Thiền thứ nhất. 10 Nguyên tác: Tháo đậu :Vật phẩm dùng để9tắm rửa thân thể hoặc giặt sạch áo quần. Theo Thập tụng luật t T.23. 1435.38. 0275c25, vật phẩm này được tong han từ đậu nành, đậu đỏ, đậu mā sā, cỏ ca-đề-bà-la và hạt lê-tần-đà ýc.

phát sanh thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do lìa dục sanh ra không đâu không có. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân, Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vi ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi 10 lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, có hỷ lạc do đinh sanh11 thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do đinh sanh ra không đâu không có. Như dòng suối trên núi lắng trong, sạch sẽ, tràn đầy, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào suối một cách tự nhiên và nước từ đáy suối phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, sung mãn tràn khắp, ở đâu cũng có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do đinh sanh ra không đâu không có. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biêt đúng như thật. Cũng như thê, vị ây sông một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0555c07] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, có lạc do lìa hỷ sanh12 thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm an lạc do lìa hỷ sanh không đâu không có. Như các loài hoa sen xanh, sen hồng, sen đỏ và sen trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, mọc từ đáy nước nên rễ, cọng, hoa và lá đều được nước thấm nhuần, sung mãn khắp nơi, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do lìa hỷ sanh, thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm an lạc do lìa hỷ sanh không đâu không có. Như vậy? tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thê, vị ây sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy5 ở trong thân này, với tâm thanh tịnh,13 ý giải thoát sung mãn toàn thân, thành tựu an tru. ở trong thân này, tâm thanh tịnh ấy bao trùm khắp thân. Như có người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay từ đàu đến chân, không chỗ nào không phủ kín. Cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, với tâm thanh tinh, ý giải thoát sung mãn toàn thân, thành tựu an trú. ở trong thân này, tâm thanh tịnh bao trùm khắp thân. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông

11 Nguyên tác: Đinh sanh hỷ lạc :Thể nhập cảnh giới Thiền thứ hai. 12 Nguyên tác: Vô hỷ sanh lạc Có lạc do sự từ bỏ hỷ, thể nhập cảnh giới Thiền thứ ba. 13 Nguyên tác: Thanh tịnh tâm Xả niệm thanh tịnh, thể nhập cảnh giới Thiền thứ tư.

lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy niệm tưởng ánh sáng,14 khéo léo thọ trì, khéo léo ghi nhớ; như phía trước, phía sau cũng vậy; như phía sau, phía trước cũng vậy; như ban ngày, ban đêm cũng vậy; như ban đêm, ban ngày cũng vậy; như phía dưới, phía trên cũng vậy; như phía trên, phía dưới cũng vậy. Niệm tưởng như vậy thì không bị điên đảo, tâm không bị trói buộc. Tu tập niệm tưởng ánh sáng thì tâm vĩnh viễn không còn bị bóng tối che lấp. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0556a05] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỵ-kheo ấy quán hình tướng,15 khéo léo thọ trì, khéo léo ghi nhớ. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán hình tướng, khéo léo thọ trì, khéo léo ghi nhớ. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được đinh tinh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, tùy vào bất kỳ nơi nào đó trong thân, bất luận đẹp hay xấu, từ đầu đến chân, quán thấy hết thảy đều đầy dẫy bất tịnh: "Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não bộ, nước mắt, mồ hôi? nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ5 tủy, đờm dãi, nước tiêu." Như một cái thùng chứa đủ loại hạt giông, ai có măt sáng thì thây rõ rằng: "Dây là hạt lúa, hạt kê; kia là hạt vừng, hạt đậu, hạt rau cải..?9 Cũng vậy, tùy vào bất kỳ nơi nào đó trong thân, bất luận đẹp hay xấu, từ đầu đến chân, Tỳ-kheo quán thấy hết thảy đều đầy dẫy bất tinh: "Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lang trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng, trong thân của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không

14 Nguyên tác: Niệm quang minh tưởng ,Ālokasañña m'. Niệm tưởng ánh sáng.
15 Quán tướng :Quán tưởng về các hình tướng.

giới và thức giới. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng, trong thân của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liên nhận biêt đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm đê tâm được định tĩnh, khi tâm đã định roi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0556Ồ04] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán tử thi mới chết từ một, hai ngày,... (cho đến) sáu, bảy ngày đang bị quạ diều bươi mổ, chó sói cắn xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị phân hủy rữa nát. Vi ấy quán sát roi tự so sánh: "Thân ta roi cũng vậy, đêu sẽ bị như thê, không thể nào tránh kh6i." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo từng thấy trong bãi tha ma thây chết rữa nát, sắc da xanh tím, bị chim thú cắn mổ một nửa, xương cốt vương vãi trên mặt đất, thay roi tự so sánh: "Thân ta roi cũng vậy, đều sẽ bi như thế, không thể nào tránh kh6i." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ- kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để được tâm định tĩnh, khi đã được định tâm rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo từng thấy nơi bãi tha ma thây chét bị phân hủy hét da thịt máu mủ, chỉ còn trơ lại gân nối liền với xương. Thấy rồi tự so sánh: "Thân ta rồi cũng vậy, đều sẽ bị như thế, không thê nào tránh kh6i." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo từng thấy thây chết trong bãi tha ma xương rời từng đốt tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xươnẸ cổ9 xương sọ, mỗi thứ một nơi. Thấy rồi tự so sánh: "Thân ta rồi cũng vậy, đều sẽ bị như thế, không thê nào tránh kh6i.” Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liên nhận biêt đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm đê tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

[0556c02] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Ty-kheo từng thấy ở bãi tha ma xương trăng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát bể vụn. Thấy rồi tự so sánh: "Thân ta rồi cũng vậy, đều sẽ bị như thế, không thể nào tránh khỏi/5 Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như

thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Nếu có vị nào tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì hết thảy pháp lành đều hội tụ ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp.16 Nếu Tỳ-kheo ấy có tâm ý giải thoát hoàn toàn thì giống biển cả, các con sông nhỏ đều đổ về biển. Cũng vậy, nếu vị nào tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì các pháp lành đều hội tụ ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp. Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp;17 với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Giống như cái bình bên trong trống rỗng, không có nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến rót vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình như vậy có thể chứa nước được không? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, có thể được! Vì sao như vậy? Vì bình trống rỗng, không có nước, lại đặt ngay ngắn trên mặt đất cho nên chứa được nước. Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn? Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô lượng; với vi ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì nhát đinh không thê được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Giống như cái bình bên trong chứa đầy nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước rót vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình như vậy có thể chứa được nước nữa không? Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao như vậy? Vì bình ấy đã đầy nước rồi, dù được đặt ngay ngắn trên mặt đất cũng không thể chứa thêm nước được nữa. Cũng vậy, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định

16 Đạo phẩm ph:Pháp dẫn đến Niết-bàn. M. 119: Dhammā vijjābhāgiyā pháp đưa đến Minh. 17 Nguyện tác: Du hành thiểu tâm Mang tâm nhỏ hẹp, sống với tâm nhỏ hẹp, tâm không trùm khắp, không tương ưng với thân hành niệm.

không thể được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm nhỏ hẹp; với vi ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Giống như lực sĩ khiêng hòn đá to lớn ném vào trong vũng bùn thì Tỳ- kheo nghĩ sao, hòn đá đó có bị lún xuống bùn hay không? [0557a07] Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, hòn đá bị lún xuống bùn! Vì sao như vậy? Vì bùn lầy mà đá năng, cho nên chác chăn hòn đá đó phải bị lún xuông. Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn5 Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô

lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không thể được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Giống như lực sĩ cam một quả cau nhẹ bang lông ném vào một cánh cửa đóng kín thì Tỳ-kheo nghĩ sao, cánh cửa kia có the bung ra chăng? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao như vậy? Vì quả cầu thì nhẹ mà chạm vào cánh cửa đóng kín và vững chắc thì cánh cửa ấy không thể nào bung ra được. -Cũng vậy, nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô lượng; với vị ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì nhát định không thê được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn? Phạm chí kia không trông rông, có niệm thân. 7 r Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Giông như người tìm lửa, lây củi khô làm môi, roi dùng dùi khô mà dùi thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, người kia tìm thấy lửa! Vì sao như vậy? Vì người kia lấy dùi khô mà dùi củi khô, cho nên chắc chắn sẽ được lửa. - Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thê lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân.

81. KINH NIỆM THÂN 551

Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không thể được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Giống như người muốn tìm lửa, lấy củi ướt làm mồi, rồi dùng dùi ướt mà dùi thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không? [0557b04] Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, người kia không tìm thấy lửa! Vì sao như vậy? Vì người kia lấy dùi ướt mà dùi gỗ ướt, cho nên không thể có lửa. Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không the được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn5 Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Phải nên biêt răng, tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì có mười tám công đức.18 Là mười tám công đức nào? Tỳ-kheo có thể nhẫn chịu với những bức bách do đói khát, nóng lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng; với gậy đánh, với tiếng dữ, vị ấy cũng có thể nhẫn nại; thân bị bệnh tật đau đớn cùng cực gần như tuyệt mạng, hoặc gặp phải những điều không xứng ý, vị ấy đều có thể kham nhẫn. Đây là công đức thứ nhất có được khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn đối với những điều không vui, nếu có điều không vui xảy ra thì tâm vị ấy nhất định không lo buồn. Đây là công đức thứ hai khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn sự sợ hãi, nếu có điều sợ hãi xảy đến thì tâm vị ấy nhất định không lo sợ. Đây là công đức thứ ba khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo có ba niệm xấu ác là tham dục, sân hận và tổn hại; nếu ba niệm xấu ác kia sanh khởi thì tâm vi ấy nhất định không dính mắc. Đây là công đức thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy19 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa dục, lìa

pháp bất thiện, chứng đắc Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đây là công đức thứ tám20 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt tận ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa đường ác, nhất định đến Chánh giác, chỉ còn thọ sanh tối đa bảy đời nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người sẽ vượt thoát khổ đau. Đây là công đức thứ chín khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy.

18 M. 119 chỉ nêu: Dasãnỉsaụisã (10 công đức). 19 Bản Minh không ghi 5, 6 và 7. 20 Bản Minh ghi "dây là công đức thứ 5 cho đến thứ 8."

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt sạch ba kiết SÍT, làm giảm thiểu tham, sân, si, chỉ còn qua lại một lần ở cõi trời, cõi người rồi sau đó sẽ vượt thoát kho đau. Đây là công đức thứ mười khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia21 rồi nhập Niết-bàn5 được pháp bất thoái, không trở lại cõi này. Đây là công đức thứ mười một khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. [0557c02] Lại nữa, Tỳ-kheo đắc tịch tịnh giải thoát,22 lìa sắc, chứng Vô sắc, nhập định Bất động,23 tự thân tác chứng, thành tựu an trú, roi dùng trí tuệ mà quán sát, biết rõ các lậu và đoạn trừ các lậu. Đây là công đức thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu và mười bảy24 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo chứng đắc các thần thông: Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc r e 2

mạng trí, Sanh tử trí; các lậu đã tận, chứng đác vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong hiện đời, vị ấy tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an tru và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Đây là công đức thứ mười tám25 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Phải biết rằng, tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì có mười tám công đức như trên. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

21 Tức trời sác giới, cụ thể là cõi trời sắc Cứu Cánh Akanittha. 22 Nguyên tác: Tức giải thoát Santavimokkhà . 23 Như kỳ tượng định Nhập định Bất động
như bức tượng. Xem chú thích 3, kinh số 33, tr. 224. 24 Bản Minh không có 10 chữ:. 25 Bản Minh: Từ 13 cho đến....

82. KINH TIẾNG DẾ KÊU1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá? ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bây giờ, sau giờ thọ thực, sô đông các Tỳ-kheo có chút việc cân bàn nên tập hợp tại giảng đường, vì muốn chấm dứt sự tranh luận về Pháp, Luật và lời Phật dạy.2 Lúc ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử3 cũng hiện diện trong chúng. Trong khi số đông các Tỳ-kheo đang bàn luận về Pháp, Luật và lời Phật dạy thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử không đợi các Tỳ- kheo khác nói xong mà cứ nói xen vào, lại không có thái độ cung kính, không khéo lắng nghe để thưa hỏi đối với các bậc Tỳ-kheo Trưởng thượng. Khi ấy, Tôn giả Đại Câu-hy-la4 cũng có mặt trong chúng, liền bảo Tỳ-kheo Chât-đa-la-tượng tử răng: Hiên giả nên

biết, trong khi các Tỳ-kheo đang nói vê Pháp, Luật và lời Phật dạy thì Hiên giả chớ vội nói xen vào như thê, hãy đợi các vị ây nói xong, sau đó Hiền giả mới nói. Hiền giả hãy có thái độ cung kính, khéo lắng nghe để thưa hỏi với các bậc Tỳ-kheo Trưởng thượng, chớ đem lòng không cung kính, không khéo lắng nghe để thưa hỏi các ngài. [0558a03] Khi đó, nhiều bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử cũng đang có mặt trong chúng, nhân đó họ liền nói với Tôn giả Đại Câu- hy-la rằng: Này Hiền giả Đại Câu-hy-la! Ngài chớ nặng lời quở trách Tỳ-kheo Chất- đa-la-tượng tử! Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử có giới đức, nghe nhiều, trông giống như thất lễ bất kính nhimg không cống cao ngã mạn. Này Hiền giả Đại Câu-hy-la! Bất cứ lúc nào các Tỳ-kheo khác làm việc gì thì Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử cũng đều giúp đỡ cả.

1 Nguyên tác: Chi-ly-di-lê kỉnh roi. 0026.82. 0557CÍ7, vốn phiên âm từ nguyên tác Pali: Cīrikasadda, nghĩa là tiếng dế kêu. Trong nội dung bản kinh, trang 0559a27, có ghi nhận chi tiêt này. Tham chiếu: A. 6.60 - III. 392. 2 Nguyên tác: Phật chi giáo .4 6.60 - III. 392: Abhidhammakatham Thế nào là A-tỳ-đàm?. 3 Chất-đa-la-tượng tử Citta Hatthisāriputta. 4 Câu-hy-la Kotthita, ý dịch là Đại Tất ,nghĩa là "dầu gối lớn.?, Thẹo SĀ. 288, Tôn giả Câu-hy-la có đủ 4 biện tài. Tôn giả Xá-lợi-phất tán thán thầy ấy có trí tuệ thông suốt như viên châu báu vô giá trên dmhdau. Theo Đại trí đô luận T.25. 1509. l. 006lb24, Câu-hy-la là Trường Trảo Phạm chí ,cậu của Xá-lợi-phat.

Khi ấy, Tôn giả Đại Câu-hy-la nói với bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất- đa-la-tượng tử rằng: -Này chư Hiền! Nếu không biết tâm của người khác thì đừng vội nói người ấy xứng đáng hay không xứng đáng. Vì sao như vậy? Vì có người lúc ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ5 biết tự thẹn, đáng tôn kính thì khéo léo giữ mình, nhưng khi không còn ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ5 biết tự thẹn, đáng tôn kính thì người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền! Giống như con bò giẫm vào ruộng lúa của người. Người giữ ruộng bắt được, hoặc lấy dây cột, hoặc nhốt trong chuồng. Này chư Hiền! Nếu có người bảo: "Con bò này sẽ không vào ruộng lúa của người khác nữa" thì lời này có đúng chăng? Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì nếu con bò kia hoặc làm đứt, hoặc thoát khỏi sợi dây trói, hoặc nhảy ra khỏi chuồng thì nó cũng lại vào trong ruộng lúa của người khác như trước, không có gì khác cả. Này chư Hiền! Có người lúc ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ, biết tự thẹn, đáng tôn kính thì khéo léo giữ mình, nhưng khi không còn ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ, biết tự thẹn, đáng tôn kính thì người ây thường cùng cư sĩ tụ họp5 cười cợt, công cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư

Hiền, có hạng người như thế. [0558b02] Lại nữa, này chư Hiền! Hoặc có người vừa chứng đắc Thiền thứ nhất. Chứng đắc Thiền thứ nhất rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp5 cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền! Như lúc mưa lớn, ao hồ trong thôn xóm đều đầy nước. Khi trời chưa mưa, có người thấy trong hồ ao đầy cát dá, cỏ cây, bọ cánh cứng, cá, rùa, ễnh ương và nhiều loài sống trong nước, chúng có lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhimg sau cơn mưa to, ao hồ đầy nước, người đó không còn thấy như thế nữa. Này chư Hiền! Nếu người ấy bảo: "Trong ao hồ kia nhất định không thể nào thấy lại được cát đá, cỏ cây, bọ cánh cứng, cá, rùa,

ễnh ương và nhiều loài sống trong nước nữa, chúng có lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên" thì lời nói này có đúng chăng? -Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì ao hồ đầy nước kia hoặc voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, heo, nai hay trâu xuống uống, hoặc người lấy dùng, hoặc gió thôi, hoặc dưới sức nóng của mặt trời thì nước sẽ cạn. Khi nước đầy hồ ao, người kia không thấy cát đá, cây cỏ, bọ cánh cứng, cá, rùa, ễnh ương và nhiều loài sống trong nước nữa, chúng có lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhimg sau khi nước đã cạn bớt thì vẫn thấy như cũ. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người vừa chứng đắc Thiền thứ nhất. Chứng đắc Thiền thứ nhất rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp? cười cợt, cong cao, bàn tán on ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế. Lại nữa, này chư Hiên, hoặc có người chứng đăc Thiên thứ hai. Chứng đắc Thiền thứ hai rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa dạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chửng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Sau khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục roi thì thân bôn chôn, tâm nóng nảy. Thân bôn chôn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền! Như lúc mưa lớn, đất bụi ở nơi ngã tư đường đều biến thành bùn. Này chư Hiền, nếu có người bảo: uBùn ở nơi ngã tư đường này nhất đinh không bao giờ khô ráo, không thể trở lại thành đất bụi như trước" thì lời nói này có đúng chăng? [0558c04] Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì ngã tư đường này hoặc voi, ngựa, lạc dà, bò, lừa, heo, nai, trâu hay người qua lại? hoặc gió thổi, hoặc dưới sức nóng của mặt trời thì con đường bùn kia sẽ khô và khi khô rồi lại trở thành đất bụi. -Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ hai. Chứng đắc Thiền thứ hai rồi, người ấy liền an trú chứ không

cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế.

Này chư Hiền! Lại nữa, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ ba. Chứng đắc Thiền thứ ba rồi, người ấy liền an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ây thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Như nước suối, nước hồ lắng trong bình lặng, không bị xao động, cũng không gợn sóng. Này chư Hiền, nếu có người bảo: uNước suối, nước hồ kia nhất định không bao giờ xao động hoặc nổi sóng nữa" thì lời nói này có đúng chăng? -Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Hoặc từ phương Đông, gió lớn chợt thổi đến, làm cho nước trong hồ xao động, nổi sóng; hoặc từ phương Nam, phương Tây và phương Bắc, gió lớn chợt thổi đến, làm cho nước trong hồ xao động, nổi sóng. Cũng vậy, này chư Hiên, hoặc có người chứng đăc Thiên thứ ba. Chứng đắc Thiền thứ ba rồi người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó9 người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Khi người ây thường cùng cư sĩ tụ họp, cống cao, cười cợt, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế. [0559a03] Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ tư. Chứng đắc Thiền thứ tư rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa dạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp5 cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy roi liên xả giới, bỏ đạo. Ví như cư sĩ hoặc con của cư sĩ ăn món ngon thượng vị, sau khi ăn uống no nê thỏa mãn rồi thì không còn muốn ăn thêm những món ưa thh trước đây nữa. Này chư Hiền, nếu có người bảo: "Cu sĩ hoặc con của cư sĩ kia nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa" thì lời nói này có đúng chăng? Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thay đói thì những gì trước đây vì no bụng họ không muốn ăn5 bây giờ lại muôn ăn. -Cũng vậy, này chư Hiền! Hoặc có người chứng đắc Thiền thứ tư. Chứng đắc Thiền thứ tư rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong

được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa dạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế. Lại nữa, này chư Hiền! Hoặc có người chứng được Vô tưởng tâm định.5 Được Vô tưởng tâm định rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Ví như ở nơi thanh vắng, người ta thường nghe tiếng dế kêu.6 Khi có vua hoặc đại thần dừng chân qua đêm tại đó? người ta nghe nào là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng bước chân, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng trống cơm, tiếng trống múa, tiếng múa, tiếng hát, tiếng đàn cầm và tiếng ăn uống, chứ không nghe tiếng dế kêu như trước. Này chư Hiền, nếu có người bảo: "Noi thanh vắng kia nhất định không bao giờ nghe được tiếng dế kêu nữa" thì lời nói này có đúng chăng? [0559b04] Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì vua hoặc đại thần chỉ ở qua đêm, trời sáng họ đêu trở vê. Nơi đó vì nghe tiêng voi, tiêng ngựa, tiêng xe cộ? tiếng bước chân, tiếng ốc9 tiếng trống, tiếng trống cơm, tiếng trống múa, tiếng múa, tiếng ca, tiếng đàn cầm, tiếng ăn uống nên không nghe được tiếng dế kêu, nhưng khi họ đã đi rồi thì nghe lại như cũ. -Cũng vậy, này chư Hiền! Người ấy chứng được Vô tưởng tâm đinh. Được Vô tưởng tâm đinh rồi, người ấy liền tự an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế.

5 Vô tưởng tâm định ()tức Vô tưởng định (ị®,Asaññāsamāpattī): Nếu nhập định này, toàn bộ tâm thức đều ngưng hoạt động, nhưng không thể đoạn trừ phiền não, chứng nhập Thạnh quả; sau khi lâm chung được sanh về Vô Tưởng thiên. Bản Tông ghi là "tướng"().A. 6.60 - III. 392: Animittā cetosamādhi (Vô tưởng tâm định). 6 Nguyên tác: Chi-ly-di-lê trùng (),được phiên âm từ cīrikasadda (tiếng dế kêu). Theo A.

6.60 - III. 392.

Chẳng bao lâu sau, Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử xả giới, bỏ đạo. Bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử nghe tin ông xả giới, bỏ đạo liền tìm đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la và hỏi: Thưa Tôn giả Đại Câu-hy-la! Ngài biết rõ tâm của Tỳ-kheo Chất-đa-la- tượng tử như vậy, hay nhờ vào duyên nào khác mà biêt được? Vì sao lại

như vậy? Vì nay Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử đã xả giới, bỏ đạo thật rồi! Tôn giả Đại Câu-hy-la bảo họ rằng: Này chư Hiền! Điều này đương nhiên phải như vậy! Vì sao như vậy? Vì vị ấy không biết đúng như thật, không thấy đúng như thật. Vì sao như vậy? Vì do không biết đúng như thật, không thay đúng như thật nên mới xảy ra cớ sự như vậy. Tôn giả Đại Câu-hy-la thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả giảng nói xong đều hoan hỷ phụng hành.

83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN BUỒN NGỦ12 r . A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Bà-kỳ? ngụ tại vườn Nai, trong rừng Sợ Hãi, thuộc núi Cá sấu? [0559c01] Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở nước Ma-kiệt-đà, trong thôn Thiạn Tri Thức.3 Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên vắng, tĩnh tọa tư duy nhưng hay mắc phải chứng buồn ngủ. Từ xa, đức Phật biết Tôn giả Đại Mục-kiền-lien sống riêng một mình ở nơi yên vắng, tĩnh tọa tư duy và mắc phải chứng buồn ngủ. Biết như vậy rồi, ngài liền nhập đinh Bất động.4 Với định ấy, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật liền ẩn thân khỏi vườn Nai, rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, ở Bà-kỳ rồi xuất hiện trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở thôn Thiện Tri Thức, nước Ma- kiệt-đà. Tại đây, Phật xuất định và bảo: Này Đại Mục-kiền-liên! Có phải thầy mắc bệnh buồn ngủ?5 Này Đại Mục-kiền-liên! Có phải thầy mắc bệnh buồn ngủ? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa: Quả thật vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại dạy: Này Đại Mục-kiền-liên! Nêu pháp tu6 nào gây buồn ngủ, thay chớ tu tập và cũng đừng thực hành nhiều7 pháp ấy. Như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt.

1 Nguyên tác: Trưởng lão thượng tôn thụy miên kinh (01. 0026.83. 0559Ồ27).
Tham chiếu: Ly thùy kỉnh (7.01. 0047. 0837a06); Tg.(02. 0125.19.3. 0593cl3); A. 7.61 -IV. 85. 2 Xem chú thích 2-3, kinh số 74, tr. 491. 3 Thiện Tri Thức thôn (,KallavâỊamụtta gāmā), một thôn ở nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Ngài Đại Mục-kiền-liên ở đây ngay sau khi vừa xuất gia. 4 Như kỳ tượng định ().Xem chú thích 11, kinh số 62, tr. 347. 5 Thụy miên (,pacalāyati): Ngủ gật. 6 Nguyên tác: Sở tướng ().Tham chiếu: A. 7.61 - IV. 85: Saññā (tưởng), chỉ cho đề mục thiền định hoạc pháp tu. 7 Quảng ba (,bahulĩkarotỉ)'. Thực hành nhiều lần.

Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy nương theo giáo pháp mà thầy đã được nghe trước đay rồi thọ trì, đọc tụng, tu tập rộng rãi,89 *như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên5 hãy nương theo giáo pháp mà thầy đã được nghe trước đây, rồi thọ trì, diễn giải rộng rãi cho người khác, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên5 hãy nương theo giáo pháp mà thầy đã được nghe trước đây, rồi thọ trì, suy tưởng về tâm, chuyên chú về tâm,9 như vậy, chứng buồn ngủ liền có the chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy dùng hai tay xoa lên hai tai,1° như vậy, chứng buồn ngủ liền có the cham dứt. Nếu chứng buồn ngủ

của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và tắm gội thân thể, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên? hãy ra khỏi thất, xem khắp bốn phương, ngước nhìn các vì sao, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên5 hãy ra khỏi thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, giữ gìn các căn, khởi txrởng tâm an tru bên trong, phía trước, phía sau,11 như vậy? chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nêu chứng buôn ngủ của thây không thê châm dứt, này Đại Mục-kiên-liên, rời bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy trải tọa cụ rồi ngồi -già, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy trở vào thất, gấp y Ưu-đa-la-tăng làm bốn rồi trải lên giường, gấp y Tăng- già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, tâm khởi tưởng nơi ánh sáng, an trú trong tỉnh giác, chánh niệm, luôn khởi tưởng muốn thức dậy.12

8 4tĐại Muc-kien-lien! Đương tùy bổn sở văn pháp, tùy nhi thọ trì quảng bố tụng tập,9 .Tham chiếu: A. 7.61 - IV. 85: Moggallāna, yathāsutamyathāpariyattam dhammam vitthārena sajjhāyam kareyyāsi Này Moggallāna! Thây hãy đọc tụng ph một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, HT. Thích Minh Châu dịch. J 9 Nguyên tác: Tâm niệm, tâm tư .Niệm là sự ghi nhớ các pháp. Nhớ lại các pháp đã qua hay nhận biêt^đôi tượng hiện tai qua các kinh nghiệm của ký ức. Tư ,cetanã là trạng thái tính làm, quyêt làm, cô tâm nên nó quyêt định những hành động thiện và bất thiện. 2 Nguyên tác: Môn mô :mó, vuốt ve. Tham chiếu: A. 7.61- IV. 85: Ubho kannasotāni āviñcheyyasi Thầy hãy vặn hai lỗ tai!. 11 Nguyên tác: Hậu tiền tưởng ,pacchāpuresaññī, quán tưởng sau lưng như là trước mặt. 12 Nguyện tác: Thường dục khởi tưởng utthānasañña. DÃ. 20 ghi là "niêm đương thời kh
.

83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN BUỒN NGỦ 561

[0560a04] Này Đại Mục-kiền-liên! Đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghỉ, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự. Vì sao như vậy? Như Lai nói rằng tất cả pháp không thể hội họp và cũng nói rằng có thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Như Lai nói pháp gì không thể hội họp? Nếu pháp đạo và tục mà cùng hội họp thì Như Lai nói pháp này không thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Nêu pháp đạo và tục mà cùng hội họp thì có nhiều điều phải nói. Nêu có nhiều điều phải nói thì có loạn động.13 Nếu có loạn động thì tâm không tịch tĩnh. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu tâm không tịch tĩnh thì tâm rời xa định. Này Đại Mục-kiền-liên, do đó Như Lai nói là không thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Như Lai nói pháp gì có thể cùng hội họp? Này Đại Mục-kiền-liên, ở chỗ thanh vắng kia, Như Lai nói pháp này có thể cùng hội họp ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận ngồi yên. Này Đại Mục-kiên-liên! Như Lai nói pháp này có thê cùng hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu thầy đi vào thôn

xóm khất thực, hãy nhàm chán lợi lộc, nhàm chán sự cúng dường, cung kính. Đối với lợi lộc, cúng dường, cung kính, tâm thầy đã phát khởi sự nhàm chán thì mới vào thôn xóm khất thực. Này Đại Mục-kiền-liên! Đừng đem tâm ý tự cao tự đại mà vào thôn xóm khất thực. Vì sao như vậy? Vì nếu nhà trưởng giả có công việc gì đó? Tỳ-kheo đến khất thực khiến trưởng giả không chú ý. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: "Ai nói xấu ta với nhà trưởng giả? Vì sao như vậy? Vì ta vào nhà trưởng giả khất thực nhưng ông ây không quan tâm.,^ Nhân đó vị ây sanh ưu sâu, vì ưu sâu mà sanh loạn động, vì loạn động mà tâm không tịch tĩnh, vì tâm không tịch tĩnh nên rời xa định. Này Đại Mục-kiền-liên! Khi thầy thuyết pháp thì chớ tranh cãi. Nếu tranh cãi thì sanh nhiều lời, vì nhiều lời mà có loạn động, vì loạn động mà tâm không tịch tĩnh, vì tâm không tịch tĩnh nên rời xa đinh. Này Đại Mục-kiên-liên! Khi thây thuyêt pháp thì đừng cứng nhác mà hãy thuyết pháp như tiếng gầm của sư tử. Này Đại Mục- kiền-liên! Khi thầy thuyết pháp, tâm luôn khiêm cung, nhu hòa, từ tốn, linh hoạt, chớ quá cứng nhác, hãy thuyết pháp như tiếng gầm của sư tử.14 Này Đại Mục-kiền-liên, hãy học tập như vậy. [0560b01] Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng Phật rồi thưa:

13 Điệu Uddhaccaṃ'. Tâm loạn động không yên. 14 Ly thụy kinh r?l. 0047. 0837c01: “Khi thuyết pháp, hãy nói những điều có ích, nói những điều chác thật, đừng nói lỗi của người khác, hãy thuyết pháp, luận bàn như tiếng gầm của sư tử” ,,;iwFS.

562 KINH TRƯNG A-HÀM

-Bạch Thế Tôn! Thế nào là vị Tỳ-kheo đạt đến chỗ rốt ráo, thanh tịnh rốt ráo, Phạm hạnh rốt ráo và Phạm hạnh rốt ráo cùng tột? Đức Phật bảo: -Này Đại Mục-kiên-liên! Tỳ-kheo khi đã cảm thọ lạc, cảm thọ khô, cảm thọ không lạc không kho roi, vi ấy ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán trừ bỏ5 quán vô dục, quán diệt, quán xả. Sau khi ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán trừ bỏ, quán vô dục, quán diệt, quán xả rồi, vị ấy không thọ sanh nơi cõi đời này. Do không thọ sanh nơi cối đời này nên không bị chìm noi trong sanh tử. Do không chìm noi trong sanh tử nên thể nhập Niết-bàn và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa?5 Này Đại Mục-kiền-liên! Như vậy là Tỳ-kheo đã đạt đến chỗ rốt ráo, thanh tịnh rốt ráo, Phạm hạnh rốt ráo và Phạm hạnh rốt ráo cùng tột. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.15

15 Bản Hán, hết quyển 20.

84. KINH KHÔNG CÒN CHƯỚNG NGẠI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Tỳ-xá-ly? ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, có các vị đệ tử lớn, danh đức và trưởng thượng như các ngài Già- la92 Ưu-bá-già-la?3 Hiền Thiện,45Hiền Hoạn/ Vô Hoạn6 và ngài Da-xá Thượng Xưng7 cũng đến giảng đường bên ao Di Hầu, nước Tỳ-xá-ly và đều ở bên cạnh ngôi nhà lá của đức Phật. Khi ấy, nghe tin đức Phật du hóa Tỳ-xá-ly, đang trú ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, các vị

Lệ-xế8 ở thành Tỳ-xá-ly liền nghĩ: "Chúng ta hãy sử dụng năng lực tự tại,9 thể hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ đức Phật để kính lễ và cúng dường.,^ [0560c03] Bấy giờ, các đệ tử lớn, danh đức và trưởng thượng nghe những người Lệ-xê thành Tỳ-xá-ly sử dụng năng lực tự tại, thê hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ đức Phật để lễ kính cúng dường, liền nghĩ: "Am thanh chướng ngại10 tu thiền. Thế Tôn cũng từng dạy: 'Am thanh chướng ngại tu thiên/Vậy thì chúng ta hãy qua rừng Ngưu Giác Sa-la,11 nơi ấy không bị quấy nhiễu, sống một mình với hạnh viễn ly, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy."

I Quyển 21. Nguyên tác: Vô thích kỉnh roi. 0026.84. 0560ỒỒ22. Tham chiếu: 4 10.72 - v. 133. 2Gia-la3ỄS?Cãla. 3 Ưu-bá-già-la ,Upacāla. 4 Hiền Thiện ,Kukkuta. 5 Hiền Hoạn KaỊimbha. 6 Vô Hoạn M ,Nikata. 7 Da-xá Thượng Xưng ,Katissaha. 8 Lệ-xế Licchavī còn gọi Ly-xa .,Theo p. 16, Mahāparinibbāna Sutta Kỉnh Đại Bát- nỉết-bàn, tên gọi Licchavī chỉ cho một bộ tộc rất có thế lực Ưoiig thời Phật, là những người Khattiyā tướng mạo đẹp đẽ, phục sức rực rỡ, cưỡi những cỗ xe lộng lẫy. Đức Phật đã từng so sánh họ với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba Tāvatimsa. 9 Nguyên tác: Nhuý túc ,tức "Nhu ý túc th6ng”hay "Thần túc thông,, , một trong 6 loại thần thông thần lực phi hành tự tại, như ý. Qdây, có lẽ chỉ cho việc sử dụng phương tiện đi lại nhanh chóng, tiện nghi. Bản Pali dịch là Ếtcưỡi các cỗ xe lộng ly." 10 Nguyên tác: Thích Gai nhọn, chướng ngại, gây khó chịu. II Ngưu Giác Sa-la lâm Gosiñgasālavana.

Rồi các đệ tử lớn, danh đức và trưởng thượng đi qua rừng Ngưu Giác Sa-la, nơi ấy không bị quấy nhiễu, sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy. Bấy giờ, rất nhiều người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly sử dụng năng lực tự tại, thể hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá- ly? đi đến chỗ Phật để kính lễ cúng dường. Khi đã đến nơi, hoặc có người đảnh lễ đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người thăm hỏi đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chắp tay hướng Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ xa thây Phật roi lặng lẽ ngôi xuống. Khi tất cả những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly đã ổn định chỗ ngồi, đức Phật liền thuyết pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên được hoan hỷ rôi? Ngài ngôi yên lặng. Những người Lệ-xê ở thành Tỳ- xá-ly ấy, sau khi được nghe Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi ra về. Sau khi những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly ra về không lâu, Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo: Các vị đệ tử lớn, trưởng thượng đã đến nơi nào rồi? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Các bậc đệ tử lớn, trưởng thượng khi nghe những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly sử dụng năng lực tự tại, thể hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Phật kính lễ cúng dường thì các vị ây nghĩ răng: "Am thanh chướng ngại tu thiên. Chính Thê Tôn o • v..—.:...' cũng từng dạy: 'Am thanh

chướng ngại tu thiên/ Vậy thì chúng ta hãy đi qua rừng Ngưu Giác Sa-la, ở đó không bị quấy nhiễu, sống một mình với hạnh viễn ly, ẩn dật nơi tharủi vắng mà tĩnh tọa tư duy." Bạch Thế Tôn! Các bậc đệ tử lớn, trưởng thượng đều đã đến nơi đó rồi. [0561a01] Đức Phật nghe xong, khen rằng: Lành thay, lành thay! Nếu là bậc đệ tử lớn, trưởng thượng thì nên nói như vầy: "Am thanh chướng ngại tu thiền. Thế Tôn cũng từng dạy: 'Âm thanh chướng ngại tu thiền.9 Vì sao như vậy? Vì quả thật Như Lai có nói như vầy: 'Âm thanh chướng ngại tu thiền.9 Đối với người trì giới thì phạm giới là chướng ngại; đối với người giữ gìn các căn thì trang sức thân thể là chướng ngại; đối với người tu tập bất tịnh thì tịnh tướng là chướng ngại; đối với người tu tập tâm từ thì sân hận là chướng ngại; đối với người xa lìa uống rượu thì uống rượu là chướng ngại; đối với người tu tập Phạm hạnh thì nhìn ngắm nữ sắc là chướng ngại; đoi với người vào Thiền thứ nhất thì tiếng ồn là chướng ngại; đối với người vào Thiền thứ hai thì giác và quán là chướng ngại; đối với người vào

Thiền thứ ba thì hỷ là chướng ngại; đối với người vào Thiền thứ tư thì hơi thở ra vào là chướng ngại; đối với người vào Không vô biên xứ thì sắc tưởng là chướng ngại; đoi với người vào Thức vô biên xứ thì Không xứ tưởng là chướng ngại; đối với người vào Vô sở hữu xứ thì Thức xứ tưởng là chướng ngại; đối với người vào Tưởng tri diệt định thì Tưởng tri là chướng ngại. Lại nữa, còn có ba chướng ngại khác, đó là tham dục, sân hận và ngu si. về ba chướng ngại này, bậc A-la-hán sạch hết phiền não, đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ khiến chúng không thể sanh trở lại. Đó là bậc A-la-hán không còn chướng ngại, bậc A-la-hán xa lìa chướng ngại, bậc A-la-hán tự do tự tại. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

85. KINH CHÂN NHÂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ giảng nói cho các thầy nghe về pháp chân nhân2 và không phải pháp chân nhân. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: - Những gì không phải pháp chân nhân? ở đây, có người thuộc dòng dối hào quý xuất gia học đạo, còn những người khác không được như vậy. Người ấy ỷ mình thuộc dòng dõi hào quý nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ vào dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được tham, sân? si." Hoặc có người không thuộc dòng dõi hào quý xuất gia học đạo, nhưng vị ấy đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp,3 nhờ đó được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. [0561Ồ03] Lại nữa, hoặc người có dáng vẻ đoan nghiêm, đáng mến, còn những người khác không được như vậy. Vi ấy ỷ mình dáng vẻ đoan nghiêm, đáng mến nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ dáng vẻ đoan nghiêm, đáng mến này mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người dáng vẻ không được đoan nghiêm, đáng mến nhirng đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự

theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân.

Nguyên tác: Chân nhân kỉnh (7.01. 0026.85. 0561a20). Tham chiếu: Thỉ pháp phi pháp kinh (roi. 0048. 0837C21);g.(r.02. 0125.17.9. 0585al8); M. i 13, Sappurisa Sutta (Kinh chân nhân). 2 Nguyên tác: Chân nhân pháp ().Chân nhân ()thường chỉ cho các bậc A-la-hán, là những vị đa chứng ngộ giải thoát, hoặc chỉ Phạt, hoặc chỉ các bậc Thánh nhân tu tập và chứng đắc chánh đạo, không tự đe cao mình, khống idiinh che người khác. 3 Nguyên• tác: Hành pháp như pháp, tùy thuận ư pháp, hướng pháp thứ pháp (Os).

Lại nữa, hoặc có người giỏi hùng biện, khéo nói, còn những người khác không được như vậy. Người ấy ỷ mình giỏi hùng biện, khéo nói nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: “Ta không thể nhờ giỏi hùng biện, khéo nói mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không giỏi hùng biện, cũng không khéo nói, nhimg vi ây đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người thuộc hàng Trưởng lão, được vua quan biết đến, được nhiều người kính ngưỡng và có phước lớn, còn những người khác không được như vậy. Người ây ỷ mình thuộc hàng Trưởng lão, được vua quan biêt đến, được nhiều người kính ngưỡng và có phước lớn nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét the này: "Ta không the dựa vào việc mình thuộc hàng trưởng lão, được vua quan biết đến, được nhiều người kính ngưỡng và có phước lớn mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không thuộc hàng Trưởng lão, không được vua quan biết đến, không được nhiều người kính ngưỡng và cũng không có phước lớn, nhung vi ấy đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, do đó được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đen sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người tụng Kinh, trì Luật, học A-tỳ-dàm, thuộc lòng A-hàm/ học nhiều kinh sách, còn những người khác không được như vậy. Người ây ỷ thuộc lòng A-hàm, học nhiêu kinh sách nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thê này: “Ta không thê nhờ thuộc lòng A-hàm, học nhiêu kinh sách mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không thuộc lòng A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách, nhưng vị ấy đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. [056lc06] Lại nữa, hoặc có người mặc y phấn tảo, chỉ giữ ba y, trì y bất mạn,5 còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì trì y bất mạn nên khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người*

4 Nguyên tác: A-hàm-mộ ,Āgamā. 5 Nguyên tác: Bất mạn y .Chữ "man"có nghĩa là khinh thường, ngạo mạn; hoặc đồng nghĩa với "mạn",có nghĩa là xinh đẹp, mượt mà. Co thể ở đây muốn noi về ý phấn tảo thô xấu, được vá víu từ những mảnh vải cũ, người tu hành khô hạnh thọ trì y này đê ngăn ngừa tâm khinh mạn nên gọi y phấn tảo là y bất mạn vậy.

hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ trì y bất mạn mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không trì y bất mạn, nhung đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhung không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người sống theo hạnh khất thực, cơm ăn năm thăng, xin đúng bảy nhà/ ngày ăn một bữa, quá ngọ không uống sữa, còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì quá ngọ không uống sữa mà khen minh, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ vào việc quá ngọ không uống sữa mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người quá ngọ vẫn uống sữa, nhưng đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, do đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vi ây hướng đên sự chứng đác pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người ở nơi thanh vắng, hoặc bên gốc cây, hoặc nơi núi rừng, hoặc ở nơi núi cao hay nơi đồng trống, hoặc ở gò mả, hoặc có thể biết thòi,7 còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì biết thời mà khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ biết thời mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không biết thời, nhung đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, do đó được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhimg không tự khen minh, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người vừa chứng Thiên thứ nhát, người ây nhân vì chứng Thiền thứ nhất mà khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Nếu là người hành theo pháp chân nhân nên xét nghĩ thế này: “về Thiền thứ nhất, Thế Tôn đã nói có nhiều loại, nếu ai còn so đo suy lường678 thì gọi là tham ái9 vay." Nhờ đó vị ấy được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân.

6 Nguyên tác: Phạn ưai ngũ thăng, hạn thất gia thúc ,chỉ cho việc khất thực và ăn uống giới hạn, chừng mực của một người tu khô hạnh. 7 Nguyên tác: Tri thời .ở đây, có thể hiểu là biết thời, tức biết tùy lúc tùy nơi mà chọn cho mình một chỗ tu thích hợp, thanh vắng. 8 Nguyên tác: Kế ,tức "kế d"Suy xét, phân biệt.
9 Tham chiếu: M. 113. Sappurisa Sutta Kinh chân nhân: Định so thiền, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thê này, thê khác, thời tự tánh liên đôi khác HT. Thích Minh Châu dịch.

[0562a04] Lại nữa, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì chứng đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ nên khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Nêu là người hành theo pháp chân nhân nên suy xét thế này: "về Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Thế Tôn đã nói có nhiều loại, nếu ai còn so đo suy lường thì gọi là tham ái." Nhờ đó vị ấy được cung kính cúng dường. Như vậy? vi ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy nhận biết pháp chân nhân và không phải pháp chân nhân như vậy. Sau khi đã nhận biêt được rôi5 các thây hãy dứt bỏ những gì không phải pháp chân nhân và hãy học theo pháp chân nhân. Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. *** Hào quý, đẹp, nói giỏi, Trưởng lão, tụng các kinh, Y thực, vô SỊT, thiên, Bôn vô sác sau cùng.10

iBài kệ tóm tắt những hạng Tỳ-kheo gắn với những thuộc tính đặc thù. Nguyên tác:; ;;

86. KINH GIẢNG VỀ xứ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, vào lúc xe chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, dẫn các Tỳ-kheo trẻ đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Các Tỳ-kheo trẻ cũng lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ây, Tôn giả A-nan thưa: Kính bạch Thế Tôn! Với các Tỳ-kheo trẻ này, con nên dạy dỗ như thế nào, răn bảo làm sao và thuyết pháp gì cho họ? Đức Phật bảo: A A \ r -Này A-nan! Thây hãy nói vê xứ2 và dạy vê xứ cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây nói vê xứ và dạy vê xứ cho các Tỳ-kheo trẻ thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0562b0l] Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc! Kính bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời! Nếu Ngài nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo trẻ thì con và các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe Thế Tôn dạy xong sẽ khéo thọ trì. Đức Phật bảo: -Này A-nan! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ vì thầy và các Tỳ-kheo trẻ mà giảng nói tường tận. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo trẻ vâng lời, lắng nghe. Phật dạy: -Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm thủ uẩn34là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn/ tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Này A-nan, với năm thủ uân này? thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng

1 Nguyên tác: Thuyết xứ kinh (roi. 0026.86. 0562al9). Tham chiếu: M. 148, Chachakka Sutta (Kỉnh sau sáu). 2 Xứ (ãyatanã), cựu dịch là "nháp"()• ybhA. I. 2. l giải thích: Iti nivāsatthānatthena, ākaratthena, samosaranatthānatthena, sañjātidesatthena, kāranatthenāti imehi kāranehi ete dhammā (āyatanam āyatana "nti vuccanti... (Như vậy, các pháp được gọi là 4txir>, (āyatana) được hiểu là nơi cư tru, là kho tang, là chỗ hội họp, là nơi sanh khởi, là nguyên nhân, là đầu mối.Vism. 14.7 cũng nêu định nghĩa tươĩig tự. 3 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm ().Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75. 4 Nguyên tác: Giác ().

dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm thủ uẩn này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu xứ bên trong5 là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ. Này A-nan, với sáu xứ bên trong này, thầy hãy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu xứ bên trong này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu xứ bên ngoài6 là sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ. Này A-nan, với sáu xứ bên ngoài này, thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu xứ bên ngoài này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu thức thân7 là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Này A-nan, với sáu thức thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu thức thân này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như lai đã nói cho thầy nghe về sáu xúc thân8 là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Này A-nan, với sáu xúc thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ- kheo trẻ về sáu xúc thân này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu thọ thân9 là nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ và ý thọ. Này A-nan, với sáu thọ thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nấu thầy giảng dạy cho các Tỳ- kheo trẻ về sáu thọ thân này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ? được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0562c04] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu ưu nương vào vô dục10 là nhãn tưởng, nhĩ tưởng, tỷ tưởng, thiệt tưởng, thân tưởng và ý tưởng. Này A-nan, với sáu tưởng thân này9 thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu tưởng thân này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ? được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

5 Nguyên tác: Lục nội xứ / ajjhattikāni āyatanāni, còn gọi Tqc căn",gồm nhãn căn ,nhĩ căn ,tỷ căn #,thiệt căn thân cn và ý căn Ề. 6 Nguyên tác: Lục ngoài xứ ,cha bāhirāni āyatanāni, còn^ọi '"lục trần?,,gồm sắc ưần ,thanh trân ,hương trân ,vị trAn ,xúc trân và pháp trấn . 7 Nguyên tác: Lục thức thân ,còn gọi ulục thúrc". 8 Nguyên tác: Cánh lạc thân ,tức "xúc thân",phassakāyā. 9 Nguyên tác: Giác thân vedanākāyā. 10 Tưởng thân saññākāyā.

86. KINH GIẢNG VỀ xứ 573

Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu tư thân11 là nhãn tư, nhĩ tư, tỷ tư, thiệt tư, thân tư và ý tư. Này A-nan, với sáu tư thân này? thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ"kheo trẻ về sáu tư thân này thì họ sẽ được an ổn5 được mạnh mẽ5 được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành

Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu ái thân12 là nhãn ái, nhĩ ái, tỷ ái, thiệt ái, thân ái và ý ái. Này A-nan, với sáu ái thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu ái thân này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu giới là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Này A-nan, với sáu giới này5 thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ- kheo trẻ về sáu giới này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về duyên khởi và những pháp do duyên khởi sanh.13 Nghĩa là, nếu cái này có thì cái kia có, nếu cái này không thì cái kia không; nếu cái này sanh thì cái kia sanh, nếu cái này diệt thì cái kia diệt. Do duyên vô minh có hành, do duyên hành có thức, do duyên thức có danh sắc, do duyên danh sắc có sáu xứ, do duyên sáu xứ có xúc? do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có thủ, do duyên thủ có hữu, do duyên hữu có sanh, do duyên sanh mà có già chết. Nêu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt. Này A-nan? với lý duyên khởi và pháp do duyên khởi sanh này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về lý duyên khởi và pháp do duyên khởi sinh này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0563a06] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy về bốn niệm xứ là quán thân đúng như thân, quán thọ đúng như thọ, quán tâm đúng như tâm và quán pháp đúng như pháp.14 Này A-nan, với bốn niệm xứ này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn niệm xứ này

11 Tư thândồng nghĩa với hành uẩn.Tham chiếu: D. 33, Sañgīti Sutta Kinhphúng tụng: Sañcetanākāyā. 12 Ái thân tanhākāya. 13 Nhân duyên khởi cập nhân duyên khởi sở sinh pháp .Nhân duyên khởi còn gọi là "duyEn kh&i"tức Ty duyên kh&i.” Nhân duyên khởi sở sinh pháp còn gọi 4tduyen khởi pháp"j, tức pháp do duyên khơi, ở đây chỉ cho 4tThạp nhị duyên khởi,, . 14 Nguyên tác: Quán thân như thân, quán giác,... tâm,... pháp như pháp … ,... .Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272.

thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, • đời tu hành Phạm trọn • hạnh. • Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thây nghe vê bôn chánh đoạn.15 Nghĩa là, vị Tỳ-kheo đối với pháp ác, bất thiện đã sanh, phải khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng bi đoạn trừ.16 Đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh, phải khởi tâm ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng không phát sanh.17 Đôi với pháp thiện chưa sanh, phải khởi tâm ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sinh.18 Đôi với pháp thiện đã sanh, phải

khởi tâm ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng được tồn tại, không mất đi, không lui giảm, tăng trưởng thêm, phát triển rộng và hoàn toàn đầy đủ.19 NàyA-nan, với bôn chánh đoạn này, thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn chánh đoạn này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn như ý túc.20 Nghĩa là, Tỳ-kheo thành tựu dục định, đốt cháy các hành, tu tập như ý túc bang cách nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào tịch diệt, hướng đến xả ly.21 Tu tập tinh tấn định, tâm định cũng như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo thành tựu quán đinh, đốt cháy các hành, tu tập như ý túc bằng cách nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Này A-nan, với bốn như ý túc này, thay hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê bôn như ý túc này thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn thiền, nghĩa là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc bốn thiền, thành tựu an trú. Này A-nan, với bốn thiền này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy

15 Nguyên tác: Tứ chánh đoạn tức Tứ chánh cần cattāri sammappadhānānī . ^Dī sanh ác bất thiện pháp vị đoạn cố, khởi dục cầu phương tiện hành, tinh cần cử tâm đoạn 2.ở đây, *deạn"trong mệnh đề utinh cần cử tâm đoạn,, mang nghĩa "SỊT n& Ẹrc”* Tham chiếu: SA. 876: Đoạn đoạn ;A. 4.69 - II. 74: Pahānappadhāna tinh cần đoạn tận. 17 Tham chiếu: SĀ. 876: Luật nghi đoạn ;A. 4.69 - II. 74: Samvarappadhāna tinh cần chế ngự. 18 Tham chiếu: SĀ. 876: Tu đoạn A. 4.69 - II. 74: Bhāvanāppadhāna tinh cần tu tập. 19 Tham chiếu: SĀ. 876: Tùy hộ đoạn;A. 4.69 -11.74: Anurakkhanappadhāna tinh cần hộ trì. 20 Nguyên tác: Tứ như ý túc ,còn gọi/4tứ thần túc”,gồm dục thần túc , tinh tan thần túc ,tâm thần túc và quán tư duy than túc .Pall Cattāro iddhipādā. 21 Nguyên tác: Nguyện chí phi phẩm .A-tỳ-đàm Tỳ;bà-sa luận 7.28. 1546.17. O123a20 định nghía: Thế là phẩm pháp, pháp đó ly thế, nên gọi "phi phm” ; ;S. 50.45-54 - V. 251: Vossaggaparināmirn hướng đen xả ly.

86. KINH GIẢNG VỀ xứ 575

giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn thiền này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0563b03] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn Thánh đế. Đó là, khổ Thánh đế, tập Thánh đế5 diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Này A-nan, thầy hãy đem bốn Thánh đế này dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn Thánh đế này thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiên muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thây nghe vê bôn tưởng. Đó là Tỳ-kheo có tiểu tưởng, đại tưởng, vô lượng tưởng và vô sở hữu tưởng.22 Này Anan, với bốn tưởng này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn tưởng này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ,

được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn vô lượng.23 Đó là, Tỳ-kheo có tâm tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu an trú. Cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, đầy khắp tất cả. Tâm tương ứng với từ nên không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, vô lượng, khéo tu tập, rải khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru. Tâm bi, hỷ và xả cũng vậy. Khéo tu tập để tâm tương ưng với xả nên không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, vô lượng, khéo tu tập, rải kháp tát cả thê gian, thành tựu và an trú. Này A-nan, với bôn vô lượng này, thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thay giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ ve bon vô lượng này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn vô sắc.24 Nghĩa là Tỳ-kheo đoạn trừ tát cả sác tưởng, cho đên chứng đác Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trú. NàyA-nan, với bốn vô sắc này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn vô sắc này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn Thánh chủng.25 Nghĩa là, Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni tuy được tấm y thô xấu nhưng biết vừa đủ, không vì y áo mà mong thỏa ý; nếu chưa được y thì không buồn rầu, không than

22 Xem giải thích ỞA-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận T.26.1536.6.0392a23-b03. 23 Nguyên tác: Tứ vô lượng gồm: từ mettā, bi karună, hỷ muditā, xả , upekkhā. 2 Không vô biên xứ ,Thức vô biên xứ ,Vô sở hữu xứ ,Phi tưởng phi phi tưởng xứ . 25 Nguyên tác: Tứ Thánh chủng cattāro Ariyavamsā: Bốn chủng tử có công năng sanh ra các bậc Thanh, đó là biết đủ với y phục, ăn uống, chỗ ở và ưa thích đoạn ác tu thiện.

khóc, không ấm ức, không si mê; nếu đã được y thì không đắm nhiễm, không vướng mắc, không khao khát, không tham lam, không dao động, không toan tính; thấy rõ tai họa và biết sự xuất ly khi sử dụng y phục; dù có tiện nghi như vậy nhưng vẫn không lười biếng mà nhận biết đúng đắn. Đây gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni an trụ chân chánh nơi Thánh chủng ngàn xưa.26 Đối với việc ăn uông và chô ở cũng như vậy. Lại nữa, vị ây muôn đoạn ác, thích đoạn ác, muôn tu thiện, thích tu thiện. Vì vị ây muôn đoạn ác, thích đoạn ác5 muôn tu thiện, thích tu thiện nên không tự khen mình, không khinh chê người, dù có tiện nghi như vậy nhưng không lười biếng mà nhận biết đúng đắn. Đây gọi là Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni an trú chân chánh nơi Thánh chủng ngàn xưa. Này A-nan, với bốn Thánh chủng này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn Thánh chủng này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ? được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0563cll] Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thây nghe vê bôn quả Sa-môn27 là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán tối thượng. Này A-nan, với bốn quả Sa-môn này,

thày hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê bôn quả Sa-môn này thì họ sẽ được an ôn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. NàyA-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm tưởng giải thoát thuần thục.28 Đó là, tưởng ve vô thường, tưởng ve vô thường là kho, tưởng về khổ là vô ngã, tưởng về chất bất tịnh tiết ra từ thân thể29 và tưởng hết thảy thế gian không có gì đáng ham muốn. Này Anan, với năm tưởng giải thoát thuần thục này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm tưởng giải thoát thuần thục này thì họ sẽ được an ổn9 được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm xứ giải thoát, nếu Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni tâm chưa giải thoát thì nhờ đây được giải thoát, nếu chưa trừ sạch các lậu thì sẽ được trừ sạch hoàn toàn, nếu chưa chứng đắc Niết- bàn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn vô thượng. Đó là năm xứ nào? Thứ nhất, này A-nan, Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe. Này A-nan? Thế Tôn vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp; các bậc trí Phạm hạnh cũng vì Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp. Họ nghe pháp rồi thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp, nhờ thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp nên được hân hoan; nhờ

26 Nguyên tác: Cựu Thánh chủng ,porāne aggañña Ariyavaṃse thito'. Đứng vững trong phả hệ Thanh từ ngàn xưa. " 27 Nguyên tác: Tứ Sa-môn quả . 28 Nguyên tác: Ngũ thục giải thoát tưởng . 29 Nguyên tác: Bất tịnh ố lộ tưởng .

hân hoan mà được hoan hỷ; nhờ hoan hỷ mà được thân khinh an;30 nhờ thân khinh an nên được cảm thọ lạc; nhờ cảm thọ lạc nên được tâm đinh. Này A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên có được sự thấy như thật, biết như thật. Do thấy như thật, biết như thật nên phát khởi nhàm chán; do nhàm chán nên không còn tham dục; do không còn tham dục nên được giải thoát; nhờ giải thoát mà biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này A-nan, đây là giải thoát xứ thứ nhất. Nhờ đây mà Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni tâm chưa giải thoát thì được giải thoát, chưa trừ sạch các lậu thì trừ sạch hoàn toàn, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng thì chứng đắc Niết-bàn vô thượng. Thứ hai, lại nữa, này A-nan, nếu trường hợp Thế Tôn không thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng không thuyết pháp cho Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nghe thì họ hãy nương theo những pháp đã nghe, đã học tập mà đọc tụng rõ ràng. Thứ ba, nếu không đọc tụng rõ ràng những pháp đã nghe, đã học tập thì hãy y theo pháp đã nghe, đã học tập mà nói lại kỹ càng cho người khác nghe. Thứ tư, nếu không nói lại kỹ càng cho người khác nghe những pháp đã nghe, đã học tập thì hãy y theo pháp đã nghe, đã học tập mà tư duy, phân biệt. Và thứ năm, nếu không tư duy, phân biệt những pháp đã nghe, đã học tập thì hãy thọ trì các tướng tam-muội.31 Này A-nan? nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khéo thọ trì các tướng tam-muội thì thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp, nhờ thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp nên được hân hoan; nhờ hân hoan mà được hoan hỷ; nhờ hoan hỷ mà được thân khinh an; nhờ thân khinh an nên có cảm thọ lạc; nhờ có

cảm thọ lạc nên được tâm định. Này A-nan, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên có được sự thây như thật, biêt như thật; nhờ có được sự thây như thật, biết như thật nên phát khởi nhàm chán; nhờ nhàm chán nên không còn tham dục; nhờ không còn tham dục nên được giải thoát; nhờ giải thoát mà biết rõ là đã giải thoát, đồng thời biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này A-nan,

30 Nguyên tác: Chỉ thân ,còn được viết là .Vism. 14.470:
Kāyapassaddhi thân khinh an. 31 Tam-mụội tướng samãdhinimittà'. Trạng
thái thiền định có đi kèm với một số dấu hiệu. Tham chiếu: A. 3.19 - L 115: Evamevam kho, bhikkhave, tīhi dhammehi samannāgato bhikkhu bhabbo anadhigatam vā kusalam dhammam adhiganturn, adhigatam vã kusalarn dhammam phātim kātum. Katamehi tīhi? Idha, bhikkhave, bhikkhu pubbanhasamayam sakkaccarn samādhimmittarn adhitthāti, majjhanhikasamayarn.. .pe... sāyanhasamayarn sakkaccarn samādhinimittain adhitthāti. Imehi kho, bhikkhave, tīhi dhammehi samannāgato bhikkhu bhabbo anadhigatam vā kusalarn dhammam adhigantum, adhigatarn vã kusalarn dhammam phātirn kātu Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu ba pháp, Tỷ-kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhân, tang trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. The nào là ba? ở đây, nảy các Ty-kheo, Tỷ kheo vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào định tương, vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Ty-kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thau nhận, và tăng trưởng ồiiệnpháp đã được thâu nhạn, HT. Thích Minh Châu dịch. Theo DÃ. 10, khó lý giải các tướng trong khi thiển định .

đó là giải thoát xứ thứ năm. Nhờ đây mà Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm chưa giải thoát thì được tâm giải thoát, chưa trừ sạch các lậu thì được trừ sạch hoàn toàn, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng thì chứng đắc Niết-bàn vô thượng. Này A-nan, với năm giải thoát xứ này, thay hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm xứ giải thoát này thì họ sẽ được an ổn9 được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0564b03] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm căn là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Này A-nan, với năm căn này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm căn này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm lực là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực và tuệ lực. Này A-nan, với năm lực này, thầy r \ £ hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê năm lực này thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiên muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm yếu tố cần phải xa lìa.32 Là năm yếu tố nào? Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát tham dục. Vị ấy nhờ tận lực quán sát tham dục nên tâm không hướng theo dục, không thích thú dục, không gân gũi dục,

không buông thả theo dục. Nêu tâm dục vừa sanh khởi liên bị đót cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không bám trụ nơi dục, nhàm chán, nhơm tởm dục. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát tham dục, nhờ tận lực quán sát tham dục nên tâm không hướng theo dục, không thích thú dục, không gan gũi dục, không buông thả theo dục; nêu tâm dục vừa sanh khởi liên bị đót cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi dục, nhàm chán, nhơm tởm dục. Vị M r \ e : áy quán sát vê không tham dục, tâm hướng vê không tham dục, vui thích với không tham dục, thân cận với không tham dục, hòa hợp với không tham dục, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa tát cả tham dục và tát cả lậu hoặc, phiên não buôn lo do tham dục sanh. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vi ấy không còn nhận chịu các cảm thọ này nữa, nghĩa là các cảm thọ do tham dục sanh, như vậy gọi là xa lìa tham dục. Này A-nan, đây là yếu tố thứ nhất cần phải xa lìa. Này A-nan, vi Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát sân hận. Vi ấy do tận lực quán sát sân hận nên tâm không hướng theo sân, không thích thú sân, không 32 Nguyên tác: Ngũ xuất yếu giới E iti , pañca nissāraniyā dhātuyo'. Năm thứ cần phải xa lìa, từ bỏ, đó là dục tānT;sân tâm ,hại tâm ,sắc ,thẩn kiến .

86. KINH GIẢNG VỀ xứ 579

gân gũi sân, không buông thả theo sân. Nêu tâm sân vừa sanh khởi liên bi đót cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại5 không giãn nở ra được. Vị ấy xả ly, không bám trụ nơi sân? nhàm chán, nhơm tởm sân. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bi ném vào trong lửa, liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vi Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát sân hận, nhờ tận lực quán sát sân hận nên tâm không hướng theo sân, không thích thú sân, không gần gũi sân, không buông thả theo sân. Nếu tâm sân vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lia, không trụ nơi sân, nhàm chán, nhơm tởm sân. Vị ấy quán sát về không sân hận, tâm hướng về không sân hận5 vui thích với không sân hận, gan gũi với không sân hận, hòa hợp với không sân hận, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa tất cả sân hận, cho đến xa lìa tất cả lậu hoặc và phiền não sầu lo do sân sanh ra. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chiu các cảm thọ ấy nữa, nghĩa là các cảm thọ do sân hận sanh, như vậy gọi là xa lìa sân hận. Này A-nan, đây là yếu tố thứ hai cần phải xa lìa. [0564C12] Lại nữa, này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát sự não hại. Vị ấy nhờ tận lực quán sát sự não hại nên tâm không hướng theo não hại, không thích thú với não hại, không gần gũi với não hại, không buông thả theo não hại; nếu tâm não hại vừa sinh khởi liền bị đốt cháy, bi co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lia, không bám trụ nơi não hại, nhàm chán nhơm tởm tâm não hại. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa, liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát não hại, nhờ tận lực quán sát não hại nên tâm không hướng theo não hại, không thích thú não hại, không gần gũi não hại, không buông thả theo

não hại. Nếu tâm não hại vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi não hại, nhàm chán nhơm tởm não hại. Vị ấy quán sát về không não hại, tâm hướng về không não hại, vui thích với không não hại, thân cận với không não hại, hòa hợp với không não hại, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc5 an lạc vô cùng, xa lìa tất cả não hại, cho đến xa lìa tất cả lậu hoặc và phiền não sầu lo do não hại sanh ra. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chịu các cảm thọ ấy nữa, nghĩa là các cảm thọ do não hại sanh ra, như vậy gọi là xa lìa khỏi não hại. Này A-nan, đây là yếu tố thứ ba cần phải xa lìa. Lại nữa, này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát vê sác. Vị ây nhờ tận lực quán sát về sắc nên tâm không hướng theo sắc, không thích thú sắc, không gần gũi sắc, không buông thả theo săc. Nêu tâm ái săc vừa sanh khởi liên bị đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không bám trụ nơi sắc, nhàm chán sắc. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa liền bi đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không

giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát sắc, nhờ tận lực quán sát sắc nên tâm không hướng theo săc9 không thích thú sắc, không gần gũi sắc, không buông thả theo sắc. Nếu tâm đam sắc vừa sanh khởi liền bi đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi sắc, nhơm tởm nhàm chán sắc. Vị ấy quán sát ve vô sắc, tâm hướng vê vô săc? ưa thích vô sác, thân cận vô săc5 hòa hợp với vô sác, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa tất cả sắc và tất cả lậu hoặc, phiền não sầu lo do sắc sanh ra. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chịu các cảm thọ ấy nữa, nghĩa là các cảm thọ sanh ra bởi sắc, như vậy gọi là xa lìa sắc. Này A-nan, đây là yếu tố thứ tư cần phải xa lìa. [0565al2] Lại nữa, này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát thân mình. Vị ây nhờ tận lực quán sát vê thân mình nên tâm không hướng theo thân, không ưa thích thân, không mê đắm thân, không buông thả theo thân. Nếu tâm ái thân vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bi co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không bám trụ nơi thân, nhàm chán thân. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa liền bị đốt cháy, bi co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát thân, nhờ tận lực quán sát thân nên tâm không hướng theo thân, không thích thú thân, không mê đắm thân, không buông thả theo thân. Nếu tâm ái thân vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi thân, nhàm chán thân mình. Vị ấy quán sát thân này không thật, tâm hướng về thân này không thật, vui thích với thân này không thật, hoan hỷ với thân này không thật, hòa hợp với thân này không thật, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược5 tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa châp thân và tát cả lậu hoặc, phiên não sâu lo do thân mà có. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chịu các cảm thọ ây nữa, nghĩa là các cảm thọ sanh ra bởi châp thân, như vậy gọi là xa lìa thân. Này A-nan, đây là yếu to thứ năm cần phải xa lìa. Này A-nan, với năm yếu tố cần phải xa lìa này, thầy hãy dạy cho các Tỳ- kheo trẻ. Nêu

thay giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm yếu tố cần phải xa lìa này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0565b02] Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về bảy tài sản.33 Đó là niềm tin, trì giới, biết hổ, biết thẹn, đa văn, bố thí và trí tuệ. Này A-nan, với bảy tài sản này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bảy tài sản này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

33 Nguyên tác: Thất tài còn gọi là "thất Thanh tài",là 7 loại tài sản trong giáo pháp thuộc xuất thê gian, tát cả chúng sanh nhân thực hành 7 pháp này mà có thể thành tựu đạo quả.

86. KINH GIẢNG VỀXỨ^ 581

Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bảy sức mạnh.3435 36 Đó là sức mạnh của niềm tin, tinh tấn, biết hổ, biết thẹn, niệm, đinh và tuệ. Này A-nan, với bảy sức mạnh này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bảy sức mạnh này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về bảy giác chi. Đó là niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an,35 đinh và xả. Này A-nan, với bảy giác chi này, thay hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ ve bảy giác chi này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về Thánh đạo tám chi. Đó là chánh kiến, chánh tư duy,36 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Này A-nan, với Thánh đạo tám chi này, r \ £ thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trè vê Thánh đạo tám chi này thì họ sẽ được an ổn5 được mạnh mẽ5 được an lạc, thân tâm không phiên muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo trẻ mà nói về xứ và dạy về xứ. Đức Phật bảo: Này A-nan! Đúng vậy, đúng vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Như Lai đã nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo trẻ. Này A-nan! Nêu thầy lại hỏi Như Lai về pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút37 thì thầy sẽ sanh khởi hoan hỷ và tín tâm tột cùng đối với Như Lai. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật roi thưa: -Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời, bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc! Nếu Thế Tôn dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút thì con và các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe xong sẽ khéo thọ trì. [0565c0l] Phật bảo: Này A-nan! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ nói cho thầy và các Tỳ-kheo trẻ nghe về pháp cao tột và pháp cao tột bi giảm sút. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo trẻ vâng lời lắng nghe.

34 Thất lực . 35 Nguyên tác: Tức . 36 Nguyên tác: Chánh chí . 37 Nguyên tác:,Đảnh pháp cập đảnh pháp thoẾPháp cao tột vàpháp cao tột bị giảm sút. Tham chiếu: A-tỳ-đàm Bát kiên-độ luận 7.26. 1543.l. 0772bl9-b27.

582 KINH TRUNG A-HÀM

Thê Tôn bảo: -Này A-nan! Vi Thánh đệ tử đa văn chân thật nương vào tâm để tư duy, suy xét, khéo léo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không và vô ngã. Vi ấy tư duy như vậy, suy xét như vậy, khéo léo quán sát, phân biệt như vậy cho nên sanh khởi nhân, sanh khởi an lạc, sanh khởi mong muôn, nghĩa là muôn nghe hiểu, muốn nhớ nghĩ và muốn quán sát. Này A-nan, ấy gọi là pháp cao tột. Này A-nan, nêu đã được pháp cao tột này roi nhimg lại đê mát đi, đê giảm sút, không khéo gìn giữ, không thường tinh tấn, thì này A-nan, đó gọi là pháp cao tột bị giảm sút. Cũng như vậy đối với thức xứ bên trong, thức xứ bên ngoài, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và pháp do nhân duyên khởi. Này A-nan, vi Thánh đệ tử đa văn đối với nhân duyên khởi và nhân pháp do duyên khởi này biêt tư duy, suy xét, khéo quán sát phân biệt vê vô thường, khô, không và vô ngã. Vị ấy tư duy như vậy, suy xét như vậy? khéo quán sát phân biệt như vậy cho nên sanh khởi nhẫn, sanh khởi lạc. Này A-nan, đây gọi là pháp cao tột. Này A-nan, nếu được pháp cao tột này rồi nhưng lại để mất đi, để giảm sút, không khéo gìn giữ, không thường tinh tấn, thì này A-nan, đó gọi là pháp cao tột bị giảm sút. Này A-nan, với pháp cao ytột và pháp cao tột bị giảm sút này,£ thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút này, họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0565C19] Này A-nan! Như Lai đã vì các thầy mà giảng nói về xứ, dạy về xứ, ve pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút. Giống như vị Tôn sư vì đệ tử mà khởi lòng từ ái rộng lớn, quan tâm thương x6t, luôn mong muốn họ có được ý nghĩa và lọi ích, được an ổn và hân hoan, Như Lai đã thực hiện như vậy. Các thây cũng nên tự mình thực hành, hãy đên nơi thanh văng, bên góc cây trong chốn núi rừng, ở chỗ yên tịnh vắng vẻ mà tĩnh tọa tư duy, chớ có buông lung, hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Như Lai, đó là lời khuyên bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo trẻ nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. *** Am, nội, ngoại, thức, xúc, Thọ, tưởng, tư, ái giới, Nhân duyên, niệm, chánh đoạn, Như ý? thiền, dế, tưởng, Vô lượng, vô sắc, chủng, Sa-môn quả, giải thoát, Xứ, căn, lực, xuất yếu, Tài, lực, giác, đạo, đảnh.38

^Bài kệnày tóm tắt các vấn đề được nói đến trong kinh. Nguyên tác:, ,;,;,,É;,MẾ, i ;W ;:: .B n
Hán, hết quyển 21.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.